

Trường Đại Học Mở - Địa chất  
Quản lý kế hoạch giảng dạy  
-oOo-

## THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH                            | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|----------------------------------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| <b>Môn đã xếp thời khóa biểu</b> |                                              |    |       |       |     |         |         |         |                                                    |              |                     |
| 4000001                          | Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính | 01 |       | 69    | 7   | 3       | 3       | HNAA304 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp        |
| 4000001                          | Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính | 02 |       | 86    | 2   | 10      | 3       | HNAD101 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp        |
| 4000002                          | Tâm lý học đại cương                         | 01 |       | 66    | 7   | 9       | 3       | HNBG408 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0201-13      | Ngô Văn Hường       |
| 4000003                          | Tiếng Việt thực hành                         | 01 |       | 61    | 7   | 6       | 3       | HNAA205 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 4000004                          | Cơ sở văn hoá Việt Nam                       | 01 |       | 63    | 7   | 9       | 3       | HNBG407 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0201-11      | Nguyễn Thị Bích Lệ  |
| 4000004                          | Cơ sở văn hoá Việt Nam                       | 02 |       | 65    | 7   | 6       | 3       | HNBG506 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0201-10      | Nguyễn Thị Phương   |
| 4000005                          | Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm      | 01 |       | 153   | 7   | 3       | 3       | HNBG202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm |
| 4010101                          | Đại số                                       | 01 |       | 66    | 7   | 2       | 4       | HNAD302 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng    |
| 4010101                          | Đại số                                       | 02 |       | 136   | 2   | 1       | 2       | HNBG202 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng    |
|                                  |                                              |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG302 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng    |
| 4010101                          | Đại số                                       | 03 |       | 128   | 4   | 6       | 2       | HNBG206 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường     |
|                                  |                                              |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNBG206 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường     |
| 4010101                          | Đại số                                       | 04 |       | 131   | 2   | 4       | 2       | HNBG202 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
|                                  |                                              |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG206 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
| 4010101                          | Đại số                                       | 05 |       | 132   | 2   | 9       | 2       | HNBG206 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-24      | Lê Bích Phượng      |
|                                  |                                              |    |       |       | 3   | 8       | 2       | HNBG202 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-24      | Lê Bích Phượng      |
| 4010101                          | Đại số                                       | 06 |       | 113   | 3   | 1       | 2       | HNAD201 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
|                                  |                                              |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAD201 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
| 4010101                          | Đại số                                       | 07 |       | 115   | 3   | 9       | 2       | HNBG306 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-10      | Đào Xuân Hưng       |
|                                  |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG306 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-10      | Đào Xuân Hưng       |
| 4010101                          | Đại số                                       | 08 |       | 116   | 3   | 4       | 2       | HNBG206 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4010101 | Đại số      | 08 |       | 116   | 6   | 4          | 2       | HNBG202 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền      |
| 4010101 | Đại số      | 09 |       | 204   | 2   | 4          | 2       | HNAD201 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh  |
|         |             |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAD101 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh  |
| 4010101 | Đại số      | 10 |       | 137   | 2   | 8          | 2       | HNBG302 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn      |
|         |             |    |       |       | 4   | 9          | 2       | HNAD201 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn      |
| 4010101 | Đại số      | 11 |       | 77    | 3   | 2          | 2       | HNAD401 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-21      | Nguyễn Thị Kim Sơn   |
|         |             |    |       |       | 5   | 1          | 2       | HNAD401 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-21      | Nguyễn Thị Kim Sơn   |
| 4010101 | Đại số      | 12 |       | 161   | 3   | 6          | 2       | HNAD201 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
|         |             |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNBG206 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
| 4010101 | Đại số      | 14 |       | 136   | 3   | 6          | 2       | HNAD401 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh  |
|         |             |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAD301 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh  |
| 4010101 | Đại số      | 15 |       | 96    | 2   | 4          | 2       | HNBG206 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
|         |             |    |       |       | 6   | 1          | 2       | HNBG202 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
| 4010101 | Đại số      | 16 |       | 91    | 4   | 6          | 2       | HNBG202 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |
|         |             |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNBG302 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |
| 4010101 | Đại số      | 17 |       | 84    | 3   | 10         | 2       | HNAD301 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng     |
|         |             |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAD201 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng     |
| 4010101 | Đại số      | 18 |       | 85    | 2   | 8          | 2       | HNAD401 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng     |
|         |             |    |       |       | 3   | 1          | 2       | HNBG306 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng     |
| 4010101 | Đại số      | 19 |       | 98    | 5   | 9          | 2       | HNAD301 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-03      | Tô Văn Đình          |
|         |             |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAD101 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-03      | Tô Văn Đình          |
| 4010101 | Đại số      | 20 |       | 129   | 2   | 8          | 2       | HNAD201 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
|         |             |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAD301 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
| 4010101 | Đại số      | 21 |       | 86    | 4   | 1          | 2       | HNAD201 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng     |
|         |             |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAD201 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-06      | Trương Mạnh Hùng     |
| 4010101 | Đại số      | 22 |       | 22    | 2   | 12         | 2       | HNAB207 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn      |
|         |             |    |       |       | 5   | 12         | 2       | HNAB207 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn      |
|         |             |    |       |       | 7   | 1          | 4       | HNAB207 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn      |
| 4010102 | Giải tích 1 | 01 |       | 64    | 7   | 1          | 5       | HNAB206 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân       |
| 4010102 | Giải tích 1 | 02 |       | 129   | 3   | 3          | 3       | HNBG302 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 4010102 | Giải tích 1 | 02 |       | 129   | 5   | 4       | 2       | HNBG302 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh       |
| 4010102 | Giải tích 1 | 03 |       | 129   | 3   | 6       | 2       | HNBG202 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0101-24      | Lê Bích Phượng      |
|         |             |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG202 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0101-24      | Lê Bích Phượng      |
| 4010102 | Giải tích 1 | 04 |       | 131   | 5   | 4       | 2       | HNBG306 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0101-03      | Tô Văn Đình         |
|         |             |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG206 | 23/09/2016 - 09/12/2016 | 0101-03      | Tô Văn Đình         |
| 4010102 | Giải tích 1 | 05 |       | 130   | 3   | 10      | 2       | HNBG206 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường     |
|         |             |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG302 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường     |
| 4010102 | Giải tích 1 | 06 |       | 112   | 2   | 1       | 3       | HNBG306 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng     |
|         |             |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNBG306 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0101-09      | Nguyễn Thị Hằng     |
| 4010102 | Giải tích 1 | 07 |       | 115   | 3   | 6       | 3       | HNBG206 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền     |
|         |             |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG202 | 23/09/2016 - 09/12/2016 | 0101-23      | Nguyễn Thị Hiền     |
| 4010102 | Giải tích 1 | 08 |       | 109   | 2   | 1       | 3       | HNAD101 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
|         |             |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNBG206 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm      |
| 4010102 | Giải tích 1 | 09 |       | 203   | 3   | 4       | 2       | HNAD101 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn     |
|         |             |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAD101 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn     |
| 4010102 | Giải tích 1 | 10 |       | 137   | 3   | 8       | 2       | HNAD301 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0101-21      | Nguyễn Thị Kim Sơn  |
|         |             |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD201 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0101-21      | Nguyễn Thị Kim Sơn  |
| 4010102 | Giải tích 1 | 11 |       | 68    | 2   | 4       | 2       | HNAD401 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân      |
|         |             |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAD401 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân      |
| 4010102 | Giải tích 1 | 12 |       | 161   | 3   | 8       | 2       | HNAD201 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân      |
|         |             |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG202 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân      |
| 4010102 | Giải tích 1 | 14 |       | 134   | 3   | 1       | 3       | HNAD301 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường     |
|         |             |    |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAD301 | 24/09/2016 - 10/12/2016 | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường     |
| 4010102 | Giải tích 1 | 15 |       | 97    | 2   | 1       | 2       | HNBG302 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh |
|         |             |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG206 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh |
| 4010102 | Giải tích 1 | 16 |       | 91    | 4   | 1       | 2       | HNBG302 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0101-10      | Đào Xuân Hưng       |
|         |             |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG302 | 23/09/2016 - 09/12/2016 | 0101-10      | Đào Xuân Hưng       |
| 4010102 | Giải tích 1 | 17 |       | 84    | 2   | 9       | 3       | HNBG202 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0101-03      | Tô Văn Đình         |
|         |             |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAD401 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0101-03      | Tô Văn Đình         |
| 4010102 | Giải tích 1 | 18 |       | 85    | 2   | 10      | 2       | HNAD301 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Toán (01 0101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4010102 | Giải tích 1          | 18 |       | 85    | 6   | 6       | 3       | HNBG306 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
| 4010102 | Giải tích 1          | 19 |       | 98    | 3   | 1       | 3       | HNBG202 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân       |
|         |                      |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNAD101 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân       |
| 4010102 | Giải tích 1          | 20 |       | 130   | 2   | 6       | 2       | HNAD201 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD301 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-22      | Nguyễn Thế Lâm       |
| 4010103 | Giải tích 2          | 01 |       | 63    | 7   | 6       | 4       | HNBG305 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
| 4010105 | Xác suất thống kê    | 02 |       | 160   | 7   | 6       | 3       | HNBG202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-18      | Phạm Ngọc Anh        |
| 4010105 | Xác suất thống kê    | 05 |       | 91    | 7   | 2       | 3       | HNAA207 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc      |
| 4010105 | Xác suất thống kê    | 06 |       | 67    | 7   | 6       | 3       | HNAA307 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc      |
| 4010106 | Phương pháp tính     | 01 |       | 68    | 7   | 6       | 3       | HNBG503 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-10      | Đào Xuân Hưng        |
| 4010106 | Phương pháp tính     | 02 |       | 26    | 2   | 11      | 2       | HNAA205 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân       |
|         |                      |    |       |       | 5   | 12      | 2       | HNAA203 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0101-25      | Hoàng Ngự Huân       |
| 4010108 | Phương trình toán lý | 01 |       | 62    | 2   | 1       | 3       | HNAB501 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
|         |                      |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAB207 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0101-17      | Phạm Tuấn Cường      |
| 4010109 | Logic đại cương      | 01 |       | 67    | 7   | 9       | 3       | HNBG406 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-01      | Nguyễn Minh Mẫn      |
| 4010110 | Toán tối ưu          | 01 |       | 67    | 7   | 6       | 3       | HNBG502 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-03      | Tô Văn Đình          |
| 4010110 | Toán tối ưu          | 02 |       | 72    | 7   | 3       | 3       | HNBG305 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-03      | Tô Văn Đình          |
| 4010111 | Toán rời rạc         | 01 |       | 69    | 7   | 9       | 3       | HNBG403 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-04      | Nguyễn Văn Ngọc      |
| 4010113 | Toán cao cấp 1       | 01 |       | 196   | 2   | 6       | 2       | HNAD101 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
|         |                      |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAD101 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
| 4010113 | Toán cao cấp 1       | 02 |       | 190   | 3   | 2       | 2       | HNAD101 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
|         |                      |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAD201 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0101-26      | Nguyễn Thùy Linh     |
| 4010113 | Toán cao cấp 1       | 03 |       | 122   | 3   | 9       | 2       | HNAD101 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
|         |                      |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD301 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
| 4010113 | Toán cao cấp 1       | 04 |       | 107   | 4   | 6       | 2       | HNAD401 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
|         |                      |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAD301 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0101-12      | Nguyễn Thị Lan Hương |
| 4010114 | Toán cao cấp 2       | 01 |       | 61    | 7   | 2       | 4       | HNAD204 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0101-11      | Nguyễn Trường Thanh  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Vật Lý (01 0102)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4010201 | Vật lý đại cương A1 + TN | 01 |       | 63    | 7   | 2          | 4       | HNAA303 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0102-17      | Nguyễn Thị Hậu   |
| 4010201 | Vật lý đại cương A1 + TN | 02 |       | 21    | 2   | 6          | 3       | HNAA409 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
|         |                          |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAB405 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
|         |                          |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG507 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
| 4010201 | Vật lý đại cương A1 + TN | 03 |       | 18    | 3   | 12         | 2       | HNAB501 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
|         |                          |    |       |       | 3   | 12         | 2       | HNAB501 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
|         |                          |    |       |       | 4   | 11         | 3       | HNAB507 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
|         |                          |    |       |       | 4   | 11         | 3       | HNAB507 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
|         |                          |    |       |       | 7   | 11         | 3       | HNAA206 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
|         |                          |    |       |       | 7   | 11         | 3       | HNAA206 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 01 |       | 60    | 4   | 9          | 2       | HNAB404 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
|         |                          |    |       |       | 5   | 11         | 2       | HNAB202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 02 |       | 60    | 3   | 2          | 2       | HNAB207 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
|         |                          |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAB303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 03 |       | 61    | 2   | 8          | 2       | HNAB401 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
|         |                          |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAA406 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 04 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAB202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
|         |                          |    |       |       | 5   | 3          | 2       | HNAB201 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-15      | Tổng Bá Tuấn     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 05 |       | 60    | 3   | 6          | 2       | HNAB204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
|         |                          |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAB501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-10      | Dư Thị Xuân Thảo |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 06 |       | 61    | 3   | 1          | 2       | HNAB205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
|         |                          |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNAA408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 07 |       | 56    | 3   | 8          | 2       | HNAB205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh     |
|         |                          |    |       |       | 5   | 8          | 2       | HNAB501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 08 |       | 61    | 2   | 2          | 2       | HNAB505 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Vật Lý (01 0102)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 08 |       | 61    | 4   | 2          | 2       | HNAD302 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 09 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAB501 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
|         |                          |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAB502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 10 |       | 60    | 3   | 6          | 2       | HNAD203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
|         |                          |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAD204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 11 |       | 62    | 3   | 4          | 2       | HNAA406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
|         |                          |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAA408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-06      | Đỗ Thị Hồng Hải  |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 12 |       | 55    | 2   | 10         | 2       | HNAB201 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
|         |                          |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNAB401 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 13 |       | 62    | 3   | 4          | 2       | HNAA407 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
|         |                          |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB501 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 14 |       | 60    | 3   | 6          | 2       | HNAD204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
|         |                          |    |       |       | 5   | 11         | 2       | HNAA405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 15 |       | 60    | 3   | 2          | 2       | HNAB307 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
|         |                          |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAB201 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-18      | Đinh Văn Thiên   |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 16 |       | 60    | 3   | 9          | 2       | HNAB502 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-16      | Đào Việt Thắng   |
|         |                          |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNAB505 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-16      | Đào Việt Thắng   |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 17 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAD304 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
|         |                          |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAD304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 18 |       | 60    | 5   | 2          | 2       | HNAD304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
|         |                          |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAB404 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 19 |       | 60    | 4   | 6          | 2       | HNAB202 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
|         |                          |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAD402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Vật Lý (01 0102)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 20 |       | 60    | 2   | 2          | 2       | HNAD204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
|         |                          |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAB504 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 21 |       | 60    | 3   | 4          | 2       | HNAA408 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
|         |                          |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAB507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-07      | Nguyễn Mạnh Hùng |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 22 |       | 49    | 2   | 10         | 2       | HNAB305 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-16      | Đào Việt Thắng   |
|         |                          |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAB202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-16      | Đào Việt Thắng   |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 23 |       | 55    | 4   | 8          | 2       | HNAB307 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
|         |                          |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAD202 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 24 |       | 60    | 3   | 6          | 2       | HNAD303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
|         |                          |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAB405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 25 |       | 28    | 4   | 11         | 2       | HNAA404 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
|         |                          |    |       |       | 6   | 11         | 2       | HNAB306 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 26 |       | 60    | 4   | 4          | 2       | HNAB404 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
|         |                          |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 27 |       | 60    | 3   | 1          | 2       | HNAD204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
|         |                          |    |       |       | 5   | 1          | 2       | HNAB505 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-13      | Lê Đắc Tuyên     |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 28 |       | 54    | 4   | 8          | 2       | HNAA402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà      |
|         |                          |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAA307 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà      |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 29 |       | 60    | 4   | 4          | 2       | HNAA206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà      |
|         |                          |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAA303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà      |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 30 |       | 60    | 4   | 6          | 2       | HNAA303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà      |
|         |                          |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAA205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà      |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN | 31 |       | 60    | 4   | 2          | 2       | HNAA304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Vật Lý (01 0102)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 31 |       | 60    | 6   | 2          | 2       | HNAA305 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-14      | Trần Thị Hà         |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 32 |       | 61    | 2   | 8          | 2       | HNAA304 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAA307 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 33 |       | 62    | 4   | 4          | 2       | HNAA303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
|         |                               |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAA304 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 34 |       | 60    | 2   | 6          | 2       | HNAA304 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAA304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 35 |       | 61    | 4   | 9          | 2       | HNAA307 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
|         |                               |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAA308 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-01      | Hồ Quỳnh Anh        |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 36 |       | 46    | 3   | 6          | 2       | HNAA402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAB201 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 37 |       | 60    | 3   | 2          | 2       | HNAB202 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
|         |                               |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNAD302 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 38 |       | 33    | 3   | 9          | 2       | HNAB307 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
|         |                               |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNAB201 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 39 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAD204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
|         |                               |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAD303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-04      | Vũ Bá Dũng          |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 40 |       | 58    | 2   | 6          | 2       | HNAA208 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-09      | Bùi Thị Thanh Lan   |
|         |                               |    |       |       | 4   | 9          | 2       | HNAD502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-09      | Bùi Thị Thanh Lan   |
| 4010202 | Vật lý đại cương A2 + TN      | 41 |       | 61    | 2   | 2          | 2       | HNAD304 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0102-09      | Bùi Thị Thanh Lan   |
|         |                               |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAD304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0102-09      | Bùi Thị Thanh Lan   |
| 4010209 | Vật lý 3                      | 01 |       | 86    | 6   | 3          | 3       | HNAD201 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0102-11      | Nguyễn Thị Diệu Thu |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 01 |       | 61    | 2   | 8          | 2       | HNAB507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Hoá (01 0103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 01 |       | 61    | 5   | 10      | 2       | HNAD203 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 02 |       | 59    | 7   | 6       | 4       | HNBG301 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0103-12      | Hà Mạnh Hùng        |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 03 |       | 118   | 2   | 4       | 2       | HNBG306 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0103-20      | Vũ Duy Thịnh        |
|         |                               |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG306 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0103-20      | Vũ Duy Thịnh        |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 04 |       | 116   | 4   | 9       | 2       | HNBG306 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0103-13      | Nguyễn Thị Thu Hiền |
|         |                               |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG302 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0103-13      | Nguyễn Thị Thu Hiền |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 05 |       | 111   | 2   | 4       | 2       | HNAD101 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0103-08      | Nguyễn Mạnh Hà      |
|         |                               |    |       |       | 3   | 1       | 2       | HNBG302 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0103-08      | Nguyễn Mạnh Hà      |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 06 |       | 96    | 4   | 4       | 2       | HNBG302 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNBG202 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0103-10      | Đỗ Thị Hải          |
| 4010301 | Hóa học đại cương phần 1 + TN | 07 |       | 91    | 2   | 6       | 2       | HNBG306 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0103-07      | Nguyễn Đình Độ      |
|         |                               |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNBG202 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0103-07      | Nguyễn Đình Độ      |
| 4010302 | Hóa học đại cương phần 2      | 01 |       | 35    | 2   | 6       | 3       | HNAD202 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0103-16      | Vũ Kim Thư          |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB507 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0103-16      | Vũ Kim Thư          |
| 4010302 | Hóa học đại cương phần 2      | 02 |       | 64    | 4   | 9       | 3       | HNAD202 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0103-18      | Lê Thị Phương Thảo  |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB305 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0103-18      | Lê Thị Phương Thảo  |
| 4010303 | Hoá vô cơ phần 1 + TN         | 01 |       | 62    | 2   | 4       | 2       | HNAB504 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0103-07      | Nguyễn Đình Độ      |
|         |                               |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAB206 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-07      | Nguyễn Đình Độ      |
| 4010303 | Hoá vô cơ phần 1 + TN         | 02 |       | 62    | 2   | 8       | 2       | HNAD203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0103-09      | Nguyễn Thu Hà       |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB307 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0103-09      | Nguyễn Thu Hà       |
| 4010303 | Hoá vô cơ phần 1 + TN         | 03 |       | 63    | 2   | 6       | 2       | HNAB201 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0103-25      | Nguyễn Viết Hùng    |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA409 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-25      | Nguyễn Viết Hùng    |
| 4010305 | Hóa phân tích phần 1+ TN      | 01 |       | 65    | 3   | 4       | 2       | HNAB303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0103-21      | Lê Thị Vinh         |
|         |                               |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAB506 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-21      | Lê Thị Vinh         |
| 4010305 | Hóa phân tích phần 1+ TN      | 02 |       | 60    | 5   | 6       | 2       | HNBG107 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |
|         |                               |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA409 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0103-06      | Lê Thị Duyên        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**  
**Bộ môn: Hoá (01 0103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4010305 | Hóa phân tích phần 1+ TN     | 03 |       | 60    | 3   | 6       | 2       | HNAB404 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0103-21      | Lê Thị Vinh       |
|         |                              |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNAA208 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-21      | Lê Thị Vinh       |
| 4010305 | Hóa phân tích phần 1+ TN     | 04 |       | 62    | 7   | 2       | 4       | HNAD203 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0103-09      | Nguyễn Thu Hà     |
| 4010307 | Cân bằng pha và hóa keo + TN | 01 |       | 68    | 7   | 6       | 4       | HNBG205 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0103-11      | Võ Thị Hạnh       |
| 4010308 | Hoá lý phần 1 + TN           | 01 |       | 61    | 4   | 1       | 3       | HNAA408 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng  |
|         |                              |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA406 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng  |
| 4010308 | Hoá lý phần 1 + TN           | 02 |       | 61    | 3   | 1       | 3       | HNAA406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng  |
|         |                              |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0103-24      | Vũ Thị Minh Hồng  |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 01 |       | 60    | 3   | 9       | 3       | HNAB503 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
|         |                              |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB503 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 02 |       | 60    | 2   | 6       | 3       | HNAB504 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
|         |                              |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD303 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 03 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAD304 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0104-30      | Trịnh Hậu         |
|         |                              |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD304 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0104-30      | Trịnh Hậu         |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 04 |       | 61    | 3   | 3       | 3       | HNAD204 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
|         |                              |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAB505 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 05 |       | 60    | 2   | 6       | 3       | HNAB505 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
|         |                              |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNAB504 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 06 |       | 60    | 3   | 8       | 3       | HNAB306 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
|         |                              |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB201 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 07 |       | 62    | 4   | 8       | 3       | HNAD402 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
|         |                              |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB306 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 08 |       | 62    | 5   | 1       | 3       | HNAB307 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
|         |                              |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB207 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 09 |       | 60    | 3   | 3       | 3       | HNAB502 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0104-30      | Trịnh Hậu         |
|         |                              |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB306 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0104-30      | Trịnh Hậu         |
| 4010401 | Hình học họa hình            | 10 |       | 61    | 3   | 9       | 3       | HNAB306 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
|         |                              |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB507 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Hình hoạ (01 0104)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4010401 | Hình học họa hình             | 11 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAB503 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB504 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên      |
| 4010401 | Hình học họa hình             | 12 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAD202 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0104-06      | Hoàng Văn Tài     |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB201 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0104-06      | Hoàng Văn Tài     |
| 4010401 | Hình học họa hình             | 13 |       | 60    | 3   | 3       | 3       | HNAD204 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
|         |                               |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAB401 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
| 4010401 | Hình học họa hình             | 14 |       | 61    | 4   | 6       | 3       | HNAB502 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0104-06      | Hoàng Văn Tài     |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAD203 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0104-06      | Hoàng Văn Tài     |
| 4010402 | Vẽ kỹ thuật                   | 01 |       | 48    | 2   | 1       | 3       | HNAB303 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB506 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
| 4010402 | Vẽ kỹ thuật                   | 02 |       | 44    | 3   | 3       | 3       | HNAB404 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB404 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
| 4010402 | Vẽ kỹ thuật                   | 03 |       | 50    | 3   | 6       | 3       | HNAB202 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB505 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
| 4010402 | Vẽ kỹ thuật                   | 04 |       | 52    | 2   | 10      | 3       | HNAA307 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
|         |                               |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNAA304 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
| 4010402 | Vẽ kỹ thuật                   | 05 |       | 16    | 3   | 12      | 2       | HNAA308 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAA308 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0104-04      | Lê Thị Thanh Hằng |
| 4010403 | Autocad + TH                  | 01 |       | 77    | 7   | 6       | 3       | HNBG501 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
| 4010403 | Autocad + TH                  | 02 |       | 66    | 7   | 9       | 3       | HNBG402 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
| 4010403 | Autocad + TH                  | 05 |       | 71    | 7   | 2       | 3       | HNBG506 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0104-01      | Trần Hồng Hải     |
| 4010403 | Autocad + TH                  | 06 |       | 69    | 7   | 9       | 3       | HNAB401 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0104-01      | Trần Hồng Hải     |
| 4010403 | Autocad + TH                  | 07 |       | 68    | 7   | 9       | 3       | HNAA207 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
| 4010403 | Autocad + TH                  | 08 |       | 67    | 7   | 1       | 3       | HNBG205 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0104-08      | Đỗ Việt Anh       |
| 4010404 | Vẽ kỹ thuật xây dựng          | 01 |       | 15    | 3   | 1       | 2       | HNBG104 | 15/11/2016 - 20/12/2016                            | 0104-30      | Trịnh Hậu         |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG105 | 17/11/2016 - 22/12/2016                            | 0104-30      | Trịnh Hậu         |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 01 |       | 80    | 3   | 1       | 2       | HNAA207 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNAA207 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Hình hoạ (01 0104)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên     |
|---------|-------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------|
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 02 |       | 71    | 2   | 6          | 2       | HNAA406 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAB504 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 03 |       | 58    | 4   | 11         | 2       | HNAA306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
|         |                               |    |       |       | 6   | 11         | 2       | HNAA404 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 04 |       | 60    | 3   | 4          | 2       | HNAB307 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0104-01      | Trần Hồng Hải |
|         |                               |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB404 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0104-01      | Trần Hồng Hải |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 05 |       | 56    | 2   | 10         | 2       | HNAB507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên  |
|         |                               |    |       |       | 6   | 10         | 2       | HNAB206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên  |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 06 |       | 60    | 2   | 2          | 2       | HNAB401 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên  |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 2       | HNAB201 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên  |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 07 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAA407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
|         |                               |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAA406 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 08 |       | 60    | 3   | 10         | 2       | HNAA304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0104-01      | Trần Hồng Hải |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAB206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0104-01      | Trần Hồng Hải |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 09 |       | 60    | 2   | 6          | 2       | HNAD502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên  |
|         |                               |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAD403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0104-05      | Vũ Hữu Tuyên  |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 10 |       | 60    | 5   | 9          | 2       | HNAB205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền |
|         |                               |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNAB306 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0104-02      | Thạc Thu Hiền |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 11 |       | 61    | 3   | 9          | 2       | HNAB201 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
|         |                               |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNAD304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
| 4010406 | Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL | 12 |       | 60    | 4   | 9          | 2       | HNAD204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
|         |                               |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNAB404 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0104-06      | Hoàng Văn Tài |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1            | 01 |       | 61    | 3   | 4          | 2       | HNAB507 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|--------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------|
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 01 |       | 61    | 6   | 4          | 2       | HNAB507 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 02 |       | 60    | 2   | 8          | 2       | HNAD303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |
|         |                    |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAB506 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 03 |       | 60    | 4   | 2          | 2       | HNAB501 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
|         |                    |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAB501 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 04 |       | 60    | 2   | 10         | 2       | HNAA304 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
|         |                    |    |       |       | 5   | 10         | 2       | HNAA306 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 05 |       | 60    | 5   | 4          | 2       | HNAB202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
|         |                    |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB202 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 06 |       | 60    | 2   | 6          | 2       | HNAB202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
|         |                    |    |       |       | 5   | 8          | 2       | HNAB405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 07 |       | 60    | 4   | 6          | 2       | HNAB507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAB503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-10      | Đinh Công Đạt   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 08 |       | 60    | 2   | 2          | 2       | HNAB307 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |
|         |                    |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNAB202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 09 |       | 61    | 2   | 9          | 2       | HNAB503 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
|         |                    |    |       |       | 4   | 8          | 2       | HNAB306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 10 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAB503 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
|         |                    |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 11 |       | 61    | 3   | 2          | 2       | HNAD302 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
|         |                    |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNAD202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 12 |       | 61    | 2   | 6          | 2       | HNAB502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
|         |                    |    |       |       | 5   | 10         | 2       | HNAD202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|--------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------|
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 13 |       | 60    | 4   | 6          | 2       | HNAB306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAD202 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 14 |       | 60    | 3   | 4          | 2       | HNAB202 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
|         |                    |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB306 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-09      | Phạm Ngọc Chung |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 15 |       | 61    | 4   | 6          | 2       | HNAD402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
|         |                    |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNAB202 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 16 |       | 60    | 2   | 1          | 2       | HNAA403 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
|         |                    |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAD402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 17 |       | 62    | 2   | 4          | 2       | HNAD202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
|         |                    |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAD204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 18 |       | 60    | 2   | 8          | 2       | HNAB202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAD303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 19 |       | 62    | 3   | 4          | 2       | HNAB305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
|         |                    |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB502 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 20 |       | 60    | 2   | 6          | 2       | HNAD204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
|         |                    |    |       |       | 4   | 9          | 2       | HNAD203 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-03      | Trần Thị Trâm   |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 21 |       | 60    | 2   | 2          | 2       | HNAD303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-07      | Bùi Thị Thủy    |
|         |                    |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAD202 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-07      | Bùi Thị Thủy    |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 22 |       | 61    | 2   | 8          | 2       | HNAB201 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-07      | Bùi Thị Thủy    |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAA409 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0105-07      | Bùi Thị Thủy    |
| 4010501 | Cơ học lý thuyết 1 | 23 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAD302 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |
|         |                    |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAB401 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |
| 4010502 | Cơ học lý thuyết 2 | 02 |       | 16    | 3   | 1          | 3       | HNAB204 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0105-01      | Trần Đình Sơn   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Cơ lý thuyết (01 0105)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010502 | Cơ học lý thuyết 2 | 02 |       | 16    | 6   | 6          | 3       | HNAB201 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0105-01      | Trần Đình Sơn      |
| 4010504 | Cơ học ứng dụng    | 01 |       | 60    | 4   | 6          | 3       | HNAB303 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0105-07      | Bùi Thị Thủy       |
|         |                    |    |       |       | 6   | 8          | 3       | HNAB507 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0105-07      | Bùi Thị Thủy       |
| 4010504 | Cơ học ứng dụng    | 02 |       | 58    | 3   | 9          | 3       | HNAA404 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0105-07      | Bùi Thị Thủy       |
|         |                    |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNAB404 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0105-07      | Bùi Thị Thủy       |
| 4010504 | Cơ học ứng dụng    | 03 |       | 63    | 3   | 6          | 3       | HNAA403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0105-01      | Trần Đình Sơn      |
|         |                    |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAB502 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0105-01      | Trần Đình Sơn      |
| 4010601 | Tiếng Anh NEF1     | 01 |       | 46    | 7   | 2          | 4       | HNAD202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0106-09      | Trần Đình Thước    |
| 4010601 | Tiếng Anh NEF1     | 02 |       | 44    | 7   | 6          | 4       | HNAB204 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0106-09      | Trần Đình Thước    |
| 4010601 | Tiếng Anh NEF1     | 03 |       | 20    | 3   | 12         | 2       | HNBG105 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0106-22      | Vũ Thanh Tâm       |
|         |                    |    |       |       | 4   | 11         | 3       | HNBG105 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0106-22      | Vũ Thanh Tâm       |
|         |                    |    |       |       | 7   | 11         | 3       | HNBG105 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0106-22      | Vũ Thanh Tâm       |
| 4010602 | Tiếng Anh NEF2     | 01 |       | 43    | 4   | 6          | 2       | HNAD403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0106-08      | Cao Xuân Hiền      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 10         | 2       | HNAB401 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0106-08      | Cao Xuân Hiền      |
| 4010602 | Tiếng Anh NEF2     | 02 |       | 50    | 7   | 2          | 4       | HNAB307 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0106-08      | Cao Xuân Hiền      |
| 4010602 | Tiếng Anh NEF2     | 03 |       | 35    | 4   | 6          | 2       | HNBG105 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0106-20      | Trịnh Thị Vân      |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG105 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0106-20      | Trịnh Thị Vân      |
|         |                    |    |       |       | 7   | 6          | 3       | HNBG105 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0106-20      | Trịnh Thị Vân      |
| 4010602 | Tiếng Anh NEF2     | 04 |       | 17    | 2   | 8          | 3       | HNBG303 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0106-08      | Cao Xuân Hiền      |
|         |                    |    |       |       | 4   | 9          | 2       | HNBG303 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0106-08      | Cao Xuân Hiền      |
|         |                    |    |       |       | 7   | 8          | 3       | HNBG303 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0106-08      | Cao Xuân Hiền      |
| 4010602 | Tiếng Anh NEF2     | 05 |       | 14    | 2   | 6          | 2       | HNAB303 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0106-23      | Đặng Thanh Mai     |
|         |                    |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNAB203 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0106-23      | Đặng Thanh Mai     |
|         |                    |    |       |       | 7   | 6          | 3       | HNAA305 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0106-23      | Đặng Thanh Mai     |
| 4010603 | Tiếng Anh 3        | 01 |       | 44    | 7   | 6          | 4       | HNAB307 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0106-21      | Nguyễn Thị Cúc     |
| 4010607 | Tiếng Trung 1      | 01 |       | 40    | 7   | 2          | 4       | HNAD303 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0000-01      | Trần Thị Thu Hiền  |
| 4010608 | Tiếng Trung 2      | 01 |       | 40    | 7   | 9          | 3       | HNBG501 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0000-02      | Phạm Thị Thanh Vân |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Ngoại ngữ (01 0106)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010612 | Tiếng Anh B1-2      | 07 |       | 39    | 5   | 4          | 2       | HNAB501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0106-19      | Nguyễn ánh Hoa     |
|         |                     |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB505 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0106-19      | Nguyễn ánh Hoa     |
| 4010701 | Giáo dục thể chất 1 | 01 |       | 42    | 5   | 7          | 2       | SANTDA1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010701 | Giáo dục thể chất 1 | 02 |       | 28    | 2   | 1          | 2       | SANTDA2 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010701 | Giáo dục thể chất 1 | 03 |       | 17    | 4   | 9          | 2       | SANTDA2 | 02/11/2016 - 30/11/2016                            | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
|         |                     |    |       |       | 7   | 7          | 2       | SANTDA2 | 05/11/2016 - 03/12/2016                            | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 01 |       | 40    | 4   | 3          | 2       | SANTDB2 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 02 |       | 40    | 3   | 3          | 2       | SANTDB2 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 03 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDB2 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 04 |       | 41    | 4   | 1          | 2       | SANTDB2 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 05 |       | 34    | 3   | 1          | 2       | SANTDB2 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 06 |       | 35    | 2   | 3          | 2       | SANTDB3 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 08 |       | 23    | 6   | 1          | 2       | SANTDB2 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 09 |       | 16    | 5   | 1          | 2       | SANTDB2 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 10 |       | 40    | 6   | 9          | 2       | SANTDB2 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 11 |       | 34    | 3   | 7          | 2       | SANTDB3 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 12 |       | 37    | 2   | 9          | 2       | SANTDB2 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 13 |       | 43    | 2   | 7          | 2       | SANTDB3 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 14 |       | 34    | 6   | 7          | 2       | SANTDB2 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 15 |       | 36    | 5   | 7          | 2       | SANTDB2 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 16 |       | 18    | 4   | 7          | 2       | SANTDB3 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-12      | Lã Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 23 |       | 18    | 6   | 3          | 2       | SANTDB2 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 29 |       | 21    | 7   | 7          | 2       | SANTDB2 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 40 |       | 24    | 7   | 1          | 2       | SANTDB2 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-12      | Lê Ngọc Linh       |
| 4010702 | Giáo dục thể chất 2 | 41 |       | 21    | 3   | 11         | 3       | SANTDA5 | 01/11/2016 - 29/11/2016                            | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 02 |       | 41    | 7   | 3          | 2       | SANTDB3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-12      | Lê Ngọc Linh       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 03 |       | 39    | 7   | 9          | 2       | SANTDB2 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 04 |       | 40    | 7   | 3          | 2       | SANTDB2 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 05 |       | 40    | 7   | 7          | 2       | SANTDB3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 06 |       | 40    | 6   | 9          | 2       | SANTDB3 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 07 |       | 41    | 6   | 7          | 2       | SANTDB3 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 08 |       | 40    | 7   | 9          | 2       | SANTDB3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 09 |       | 40    | 6   | 1          | 2       | SANTDB4 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 11 |       | 40    | 4   | 7          | 2       | SANTDB4 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 12 |       | 40    | 5   | 7          | 2       | SANTDB1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 14 |       | 40    | 2   | 9          | 2       | SANTDB1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 15 |       | 40    | 2   | 1          | 2       | SANTDB1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 16 |       | 40    | 3   | 9          | 2       | SANTDB4 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 17 |       | 40    | 7   | 9          | 2       | SANTDB4 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 18 |       | 40    | 6   | 9          | 2       | SANTDB1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 19 |       | 40    | 6   | 1          | 2       | SANTDB1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 20 |       | 40    | 3   | 9          | 2       | SANTDB1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 21 |       | 40    | 3   | 1          | 2       | SANTDB1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-14      | Lý Kế Cường        |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 22 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDB1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 23 |       | 40    | 2   | 3          | 2       | SANTDB1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 24 |       | 40    | 2   | 9          | 2       | SANTDB4 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 25 |       | 40    | 7   | 9       | 2       | SANTDB1 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 26 |       | 40    | 4   | 7       | 2       | SANTDB1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 27 |       | 40    | 6   | 7       | 2       | SANTDB1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 28 |       | 40    | 4   | 1       | 2       | SANTDB1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 29 |       | 40    | 4   | 9       | 2       | SANTDB1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 30 |       | 42    | 3   | 7       | 2       | SANTDB1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 31 |       | 40    | 6   | 3       | 2       | SANTDB1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 32 |       | 40    | 5   | 1       | 2       | SANTDB1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 33 |       | 40    | 2   | 7       | 2       | SANTDB1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 34 |       | 40    | 4   | 3       | 2       | SANTDB1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 35 |       | 40    | 7   | 7       | 2       | SANTDB1 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 36 |       | 40    | 7   | 7       | 2       | SANTDB4 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 37 |       | 40    | 7   | 3       | 2       | SANTDB4 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 38 |       | 40    | 5   | 9       | 2       | SANTDB1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-14      | Lý Kế Cường        |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 39 |       | 40    | 3   | 3       | 2       | SANTDB1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-14      | Lý Kế Cường        |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 40 |       | 40    | 7   | 1       | 2       | SANTDB4 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 42 |       | 40    | 5   | 1       | 2       | SANTDB4 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 44 |       | 40    | 7   | 1       | 2       | SANTDB1 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 45 |       | 40    | 7   | 3       | 2       | SANTDB1 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 46 |       | 42    | 5   | 9       | 2       | SANTDB5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 47 |       | 41    | 4   | 7       | 2       | SANTDB5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 48 |       | 41    | 2   | 3       | 2       | SANTDB4 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 49 |       | 39    | 4   | 9       | 2       | SANTDB4 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 50 |       | 40    | 2   | 1          | 2       | SANTDB5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 51 |       | 40    | 5   | 7          | 2       | SANTDB5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-14      | Lý Kế Cường      |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 52 |       | 40    | 3   | 1          | 2       | SANTDB5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 53 |       | 41    | 2   | 9          | 2       | SANTDB5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-07      | Lê Văn Cương     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 54 |       | 40    | 4   | 3          | 2       | SANTDB5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 55 |       | 40    | 4   | 1          | 2       | SANTDB5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 56 |       | 40    | 4   | 9          | 2       | SANTDB5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 57 |       | 40    | 6   | 3          | 2       | SANTDB5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 58 |       | 40    | 2   | 7          | 2       | SANTDB5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 59 |       | 40    | 2   | 1          | 2       | SANTDB4 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 60 |       | 40    | 6   | 1          | 2       | SANTDB5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 62 |       | 40    | 7   | 1          | 2       | SANTDB5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 63 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDB5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 64 |       | 40    | 5   | 1          | 2       | SANTDB5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 65 |       | 39    | 4   | 3          | 2       | SANTDB4 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 66 |       | 29    | 4   | 1          | 2       | SANTDB4 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 67 |       | 41    | 3   | 3          | 2       | SANTDB5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 68 |       | 41    | 3   | 1          | 2       | SANTDB4 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 69 |       | 22    | 2   | 3          | 2       | SANTDB2 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 70 |       | 18    | 6   | 7          | 2       | SANTDB4 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 71 |       | 15    | 5   | 7          | 2       | SANTDB4 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 72 |       | 36    | 3   | 9          | 2       | SANTDB5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn     |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 73 |       | 30    | 7   | 7          | 2       | SANTDB5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 74 |       | 41    | 2   | 7          | 2       | SANTDB4 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 75 |       | 30    | 5   | 9          | 2       | SANTDB4 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 76 |       | 25    | 6   | 7          | 2       | SANTDB5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 77 |       | 40    | 4   | 7          | 2       | SANTDB2 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 78 |       | 40    | 3   | 7          | 2       | SANTDB5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 80 |       | 36    | 7   | 9          | 2       | SANTDB5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 81 |       | 25    | 2   | 3          | 2       | SANTDB5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 82 |       | 40    | 3   | 3          | 2       | SANTDB4 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 83 |       | 40    | 6   | 3          | 2       | SANTDB4 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 84 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDB4 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 85 |       | 25    | 7   | 1          | 2       | SANTDB3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-02      | Nguyễn Quang Huy   |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 86 |       | 21    | 6   | 9          | 2       | SANTDB5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010703 | Giáo dục thể chất 3 | 87 |       | 40    | 7   | 3          | 2       | SANTDB5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-10      | Lê Viết Tuấn       |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 01 |       | 42    | 6   | 1          | 2       | SANTDA4 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 02 |       | 41    | 4   | 3          | 2       | SANTDA1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 03 |       | 42    | 4   | 1          | 2       | SANTDA1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 04 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDA1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 05 |       | 40    | 5   | 1          | 2       | SANTDA1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 06 |       | 42    | 3   | 3          | 2       | SANTDA1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 07 |       | 41    | 3   | 1          | 2       | SANTDA1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 08 |       | 40    | 2   | 3          | 2       | SANTDA1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 09 |       | 40    | 2   | 1          | 2       | SANTDA1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 10 |       | 40    | 3   | 7          | 2       | SANTDA1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 11 |       | 40    | 4   | 9          | 2       | SANTDA1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 12 |       | 41    | 4   | 7          | 2       | SANTDA1 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 13 |       | 40    | 2   | 9          | 2       | SANTDA1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 14 |       | 40    | 2   | 7          | 2       | SANTDA1 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 15 |       | 40    | 6   | 9          | 2       | SANTDA1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 16 |       | 25    | 6   | 7          | 2       | SANTDA1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 17 |       | 34    | 7   | 9          | 2       | SANTDA1 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 18 |       | 31    | 7   | 7          | 2       | SANTDA1 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 19 |       | 42    | 3   | 9          | 2       | SANTDA1 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 20 |       | 41    | 6   | 3          | 2       | SANTDA1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 21 |       | 18    | 3   | 7          | 2       | SANTDA2 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 22 |       | 18    | 3   | 9          | 2       | SANTDA2 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 23 |       | 17    | 4   | 7          | 2       | SANTDA2 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 24 |       | 20    | 5   | 9          | 2       | SANTDA1 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 28 |       | 40    | 7   | 3          | 2       | SANTDA2 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-15      | Nguyễn Huy Thông   |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 29 |       | 21    | 5   | 9          | 2       | SANTDA2 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-01      | Nguyễn Khắc Anh Vũ |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 30 |       | 22    | 6   | 9          | 2       | SANTDA2 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 31 |       | 31    | 3   | 3          | 2       | SANTDA2 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 32 |       | 21    | 5   | 7          | 2       | SANTDA2 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 35 |       | 21    | 2   | 7          | 2       | SANTDA2 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 39 |       | 40    | 4   | 3          | 2       | SANTDA2 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010704 | Giáo dục thể chất 4 | 40 |       | 20    | 6   | 1          | 2       | SANTDA1 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 01 |       | 41    | 6   | 7          | 2       | SANTDA4 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------|
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 02 |       | 41    | 6   | 9          | 2       | SANTDA3 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 03 |       | 40    | 3   | 1          | 2       | SANTDA3 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 04 |       | 41    | 2   | 3          | 2       | SANTDA3 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 05 |       | 41    | 2   | 1          | 2       | SANTDA3 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 06 |       | 40    | 2   | 9          | 2       | SANTDA3 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 07 |       | 42    | 4   | 3          | 2       | SANTDA3 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 08 |       | 44    | 2   | 7          | 2       | SANTDA3 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 09 |       | 40    | 3   | 7          | 2       | SANTDA4 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 10 |       | 42    | 6   | 1          | 2       | SANTDA3 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 11 |       | 40    | 4   | 7          | 2       | SANTDA3 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 12 |       | 41    | 5   | 1          | 2       | SANTDA4 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 13 |       | 40    | 7   | 3          | 2       | SANTDA3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 14 |       | 40    | 7   | 1          | 2       | SANTDA3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 15 |       | 40    | 5   | 7          | 2       | SANTDA3 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 16 |       | 41    | 3   | 9          | 2       | SANTDA4 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 17 |       | 40    | 5   | 9          | 2       | SANTDA4 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 18 |       | 42    | 4   | 9          | 2       | SANTDA3 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 19 |       | 40    | 4   | 1          | 2       | SANTDA3 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 20 |       | 40    | 3   | 3          | 2       | SANTDA4 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 21 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDA4 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 22 |       | 41    | 6   | 3          | 2       | SANTDA3 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-04      | Lê Văn Nam     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 23 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDA3 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 24 |       | 40    | 3   | 3          | 2       | SANTDA3 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 25 |       | 41    | 3   | 7          | 2       | SANTDA3 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 26 |       | 40    | 5   | 1          | 2       | SANTDA3 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 27 |       | 40    | 6   | 9          | 2       | SANTDA4 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 28 |       | 40    | 3   | 1          | 2       | SANTDA4 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 29 |       | 41    | 5   | 9          | 2       | SANTDA3 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 30 |       | 42    | 3   | 9          | 2       | SANTDA3 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 31 |       | 40    | 6   | 7          | 2       | SANTDA3 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 32 |       | 40    | 2   | 7          | 2       | SANTDA5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 33 |       | 42    | 7   | 9          | 2       | SANTDA5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 34 |       | 40    | 4   | 3          | 2       | SANTDA4 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 35 |       | 40    | 2   | 1          | 2       | SANTDA5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 36 |       | 40    | 2   | 9          | 2       | SANTDA5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 37 |       | 41    | 6   | 1          | 2       | SANTDA5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 38 |       | 41    | 4   | 9          | 2       | SANTDA5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 39 |       | 40    | 7   | 7          | 2       | SANTDA5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 40 |       | 43    | 7   | 3          | 2       | SANTDA4 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-19      | Nguyễn Trường Đông |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 41 |       | 40    | 4   | 1          | 2       | SANTDA5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 42 |       | 41    | 4   | 7          | 2       | SANTDA5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 43 |       | 40    | 5   | 1          | 2       | SANTDA5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 44 |       | 40    | 4   | 3          | 2       | SANTDA5 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 45 |       | 40    | 5   | 9          | 2       | SANTDA5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 46 |       | 41    | 3   | 1          | 2       | SANTDA2 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5 | 47 |       | 40    | 5   | 3          | 2       | SANTDA5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học cơ bản**

**Bộ môn: Giáo dục thể chất (01 0107)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 48 |       | 41    | 6   | 9       | 2       | SANTDA5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 49 |       | 40    | 6   | 3       | 2       | SANTDA5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 50 |       | 40    | 2   | 1       | 2       | SANTDA4 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-08      | Lương Anh Hùng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 51 |       | 40    | 3   | 7       | 2       | SANTDA5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 52 |       | 41    | 4   | 1       | 2       | SANTDA4 | 21/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 53 |       | 40    | 7   | 3       | 2       | SANTDA5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 54 |       | 40    | 3   | 3       | 2       | SANTDA5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 55 |       | 40    | 6   | 7       | 2       | SANTDA5 | 23/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 56 |       | 40    | 2   | 3       | 2       | SANTDA5 | 19/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0107-05      | Thái Việt Hưng     |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 57 |       | 40    | 3   | 9       | 2       | SANTDA5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 58 |       | 41    | 3   | 1       | 2       | SANTDA5 | 20/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 59 |       | 40    | 5   | 7       | 2       | SANTDA5 | 22/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 60 |       | 40    | 7   | 9       | 2       | SANTDA3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 61 |       | 40    | 7   | 1       | 2       | SANTDA5 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4010705 | Giáo dục thể chất 5                        | 62 |       | 40    | 7   | 7       | 2       | SANTDA3 | 24/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0107-20      | Chu Thị Hồng Hạnh  |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 01 |       | 60    | 7   | 6       | 3       | HNBG408 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0201-11      | Nguyễn Thị Bích Lệ |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 02 |       | 128   | 4   | 3       | 3       | HNBG202 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 03 |       | 127   | 2   | 6       | 3       | HNBG202 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 04 |       | 131   | 3   | 3       | 3       | HNBG306 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 05 |       | 131   | 4   | 6       | 3       | HNBG302 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 06 |       | 115   | 3   | 3       | 3       | HNAD201 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0201-07      | Đỗ Thị Kim Thanh   |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 07 |       | 115   | 4   | 6       | 3       | HNBG306 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

**Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)**

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|--------------------|
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 08 |       | 115   | 5   | 3       | 3       | HNBG202 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 09 |       | 201   | 4   | 3       | 3       | HNAD101 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0201-07      | Đỗ Thị Kim Thanh   |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 10 |       | 189   | 3   | 6       | 3       | HNAD101 | 20/09/2016 - 18/10/2016 | 0201-11      | Nguyễn Thị Bích Lệ |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD101 | 22/09/2016 - 20/10/2016 | 0201-11      | Nguyễn Thị Bích Lệ |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 11 |       | 186   | 2   | 3       | 3       | HNAD301 | 19/09/2016 - 17/10/2016 | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAD201 | 21/09/2016 - 19/10/2016 | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 12 |       | 139   | 4   | 6       | 3       | HNAD201 | 21/09/2016 - 07/12/2016 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 13 |       | 70    | 2   | 1       | 3       | HNAD401 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0201-11      | Nguyễn Thị Bích Lệ |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 14 |       | 161   | 6   | 6       | 3       | HNBG206 | 23/09/2016 - 09/12/2016 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 16 |       | 134   | 6   | 1       | 3       | HNAD301 | 23/09/2016 - 09/12/2016 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 17 |       | 122   | 2   | 7       | 3       | HNAD301 | 19/09/2016 - 17/10/2016 | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAD101 | 23/09/2016 - 21/10/2016 | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 18 |       | 96    | 6   | 3       | 3       | HNBG306 | 23/09/2016 - 09/12/2016 | 0201-11      | Nguyễn Thị Bích Lệ |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 19 |       | 91    | 2   | 8       | 3       | HNBG306 | 19/09/2016 - 05/12/2016 | 0201-11      | Nguyễn Thị Bích Lệ |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 20 |       | 107   | 5   | 6       | 3       | HNAD401 | 22/09/2016 - 20/10/2016 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD401 | 23/09/2016 - 21/10/2016 | 0201-09      | Trần Thị Lan Hương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 21 |       | 84    | 7   | 6       | 3       | HNAD201 | 24/09/2016 - 10/12/2016 | 0201-12      | Bùi Thị Thùy Dương |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 22 |       | 85    | 6   | 1       | 3       | HNBG302 | 23/09/2016 - 09/12/2016 | 0201-07      | Đỗ Thị Kim Thanh   |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 23 |       | 98    | 5   | 1       | 3       | HNAD301 | 22/09/2016 - 08/12/2016 | 0201-07      | Đỗ Thị Kim Thanh   |
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 24 |       | 129   | 3   | 9       | 3       | HNAD401 | 20/09/2016 - 06/12/2016 | 0201-13      | Ngô Văn Hường      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

**Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)**

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4020101 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 25 |       | 85    | 7   | 8       | 3       | HNAD101 | 24/09/2016 - 10/12/2016                            | 0201-07      | Đỗ Thị Kim Thanh |
| 4020102 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 01 |       | 61    | 7   | 6       | 4       | HNBG608 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0201-08      | Phí Mạnh Phong   |
| 4020102 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 02 |       | 62    | 3   | 4       | 2       | HNAA409 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0201-05      | Nguyễn Thị Thu   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA207 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0201-05      | Nguyễn Thị Thu   |
| 4020102 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 03 |       | 189   | 5   | 6       | 3       | HNAD101 | 27/10/2016 - 08/12/2016                            | 0201-08      | Phí Mạnh Phong   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNAD301 | 28/10/2016 - 09/12/2016                            | 0201-08      | Phí Mạnh Phong   |
| 4020102 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 04 |       | 187   | 2   | 3       | 3       | HNAD301 | 24/10/2016 - 05/12/2016                            | 0201-05      | Nguyễn Thị Thu   |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAD201 | 26/10/2016 - 07/12/2016                            | 0201-05      | Nguyễn Thị Thu   |
| 4020102 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 05 |       | 122   | 3   | 6       | 3       | HNAD101 | 25/10/2016 - 06/12/2016                            | 0201-05      | Nguyễn Thị Thu   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAD101 | 28/10/2016 - 09/12/2016                            | 0201-05      | Nguyễn Thị Thu   |
| 4020102 | Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 06 |       | 108   | 5   | 6       | 3       | HNAD401 | 27/10/2016 - 08/12/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ    |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD401 | 28/10/2016 - 09/12/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ    |
| 4020103 | Pháp luật đại cương                        | 01 |       | 54    | 3   | 1       | 3       | HNAD202 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên  |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB505 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên  |
| 4020103 | Pháp luật đại cương                        | 02 |       | 55    | 3   | 8       | 3       | HNAB305 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên  |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB504 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên  |
| 4020103 | Pháp luật đại cương                        | 03 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAB503 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên  |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB201 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên  |
| 4020103 | Pháp luật đại cương                        | 04 |       | 61    | 3   | 9       | 3       | HNAB501 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ    |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD302 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ    |
| 4020103 | Pháp luật đại cương                        | 05 |       | 61    | 2   | 1       | 3       | HNAD203 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ    |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAD304 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ    |
| 4020103 | Pháp luật đại cương                        | 06 |       | 36    | 3   | 1       | 3       | HNAA409 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết    |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB207 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng (02 0203)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 07 |       | 25    | 2   | 6       | 3       | HNAB307 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB207 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 08 |       | 43    | 3   | 1       | 3       | HNAB507 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên       |
|         |                      |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAB505 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên       |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 09 |       | 26    | 3   | 8       | 3       | HNAB303 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên       |
|         |                      |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAB207 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên       |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 10 |       | 18    | 3   | 1       | 3       | HNAD304 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
|         |                      |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAD204 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 11 |       | 36    | 3   | 6       | 3       | HNAB504 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB504 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 12 |       | 24    | 3   | 6       | 3       | HNAB502 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB503 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 13 |       | 32    | 3   | 9       | 3       | HNAB401 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
|         |                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB306 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0204-01      | Dương Thị Tuyết Nhung |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 14 |       | 60    | 7   | 6       | 3       | HNBG407 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ         |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 15 |       | 129   | 2   | 3       | 3       | HNBG302 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên       |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 16 |       | 124   | 4   | 10      | 3       | HNBG206 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên       |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 17 |       | 135   | 4   | 1       | 3       | HNBG206 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 18 |       | 131   | 2   | 6       | 3       | HNBG206 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ         |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 20 |       | 136   | 4   | 1       | 3       | HNAD301 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0201-01      | Nguyễn Bình Yên       |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 21 |       | 129   | 4   | 8       | 3       | HNAD301 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0201-06      | Nguyễn Thị Nụ         |
| 4020103 | Pháp luật đại cương  | 22 |       | 86    | 7   | 1       | 3       | HNAD201 | 24/09/2016 - 10/12/2016                            | 0201-14      | Đào Thị Tuyết         |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 01 |       | 61    | 3   | 9       | 3       | HNAB206 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà         |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB505 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà         |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 02 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA405 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
|         |                      |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA404 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 03 |       | 59    | 4   | 1       | 3       | HNAB502 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn        |
|         |                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB503 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn        |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 04 |       | 60    | 3   | 9       | 3       | HNAB206 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |
|         |                      |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA402 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 0202)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 06 |       | 58    | 3   | 1       | 3       | HNAA405 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
|         |                      |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB206 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 07 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAB305 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
|         |                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB505 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 08 |       | 43    | 3   | 6       | 3       | HNAA405 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
|         |                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB502 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 09 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAA403 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA405 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 10 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA404 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
|         |                      |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA403 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 11 |       | 60    | 3   | 9       | 3       | HNAB305 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
|         |                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB503 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 12 |       | 46    | 3   | 9       | 3       | HNAB501 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
|         |                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB504 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 13 |       | 51    | 3   | 3       | 3       | HNAB205 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
|         |                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB305 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 14 |       | 59    | 2   | 6       | 3       | HNAA402 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
|         |                      |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAB502 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 15 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAA407 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB206 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 16 |       | 60    | 2   | 3       | 3       | HNAB205 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
|         |                      |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAB505 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 17 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAA404 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
|         |                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB502 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 18 |       | 30    | 3   | 9       | 3       | HNAA408 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA404 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 19 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA408 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
|         |                      |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB504 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 20 |       | 54    | 4   | 9       | 3       | HNAB503 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
|         |                      |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA407 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 0202)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|---------------------|
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 21 |       | 54    | 4   | 1       | 3       | HNAB503 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
|         |                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB504 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 22 |       | 59    | 4   | 6       | 3       | HNAB305 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
|         |                      |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB205 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 23 |       | 50    | 3   | 1       | 3       | HNAB501 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
|         |                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB305 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 24 |       | 39    | 2   | 9       | 3       | HNAA405 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
|         |                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB305 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 25 |       | 57    | 2   | 6       | 3       | HNAB206 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
|         |                      |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB305 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 26 |       | 60    | 4   | 1       | 3       | HNAB504 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
|         |                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB503 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 27 |       | 28    | 4   | 6       | 3       | HNAD204 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
|         |                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB504 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 28 |       | 45    | 4   | 9       | 3       | HNAB502 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
|         |                      |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB305 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn      |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 29 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAB503 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB504 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 30 |       | 15    | 3   | 6       | 3       | HNAB504 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
|         |                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB502 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 31 |       | 46    | 2   | 1       | 3       | HNAB501 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
|         |                      |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB505 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0202-06      | Lê Thị Yến          |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 32 |       | 58    | 3   | 6       | 3       | HNAB502 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
|         |                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB503 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 33 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAB305 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
|         |                      |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB206 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0202-03      | Trần Thị Phúc An    |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 34 |       | 61    | 2   | 1       | 3       | HNAB305 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
|         |                      |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB503 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 35 |       | 44    | 2   | 10      | 3       | HNAA406 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |
|         |                      |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNAA403 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 0202)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 36 |       | 38    | 3   | 9       | 3       | HNAA408 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB502 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung  |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 37 |       | 45    | 2   | 1       | 3       | HNAB205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn       |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB502 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn       |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 38 |       | 49    | 2   | 9       | 3       | HNAA404 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn       |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD202 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0202-01      | Nguyễn Văn Sơn       |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 39 |       | 59    | 3   | 1       | 3       | HNAB502 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung  |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB205 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0202-04      | Nguyễn Thị Kim Dung  |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 40 |       | 60    | 4   | 6       | 3       | HNAD203 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà        |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB501 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0202-05      | Đỗ Thị Vân Hà        |
| 4020201 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 41 |       | 55    | 3   | 1       | 3       | HNAB503 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0202-06      | Lê Thị Yến           |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB305 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0202-06      | Lê Thị Yến           |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 01 |       | 57    | 3   | 8       | 2       | HNAD202 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNAA407 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 02 |       | 51    | 3   | 8       | 2       | HNAB505 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNAA304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 03 |       | 61    | 4   | 2       | 2       | HNAD203 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAD203 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 04 |       | 35    | 2   | 10      | 2       | HNBG407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 11      | 2       | HNAD204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 05 |       | 61    | 5   | 2       | 2       | HNAB502 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAD204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 06 |       | 46    | 2   | 10      | 2       | HNAA408 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 08 |       | 60    | 4   | 4          | 2       | HNAA308 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAA308 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 09 |       | 36    | 3   | 8          | 2       | HNAD302 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 8          | 2       | HNAD202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 10 |       | 60    | 3   | 10         | 2       | HNAB404 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 10         | 2       | HNAB501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 11 |       | 49    | 2   | 8          | 2       | HNAA408 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 10         | 2       | HNAA407 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 12 |       | 60    | 2   | 6          | 2       | HNAB305 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAD303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 13 |       | 60    | 2   | 2          | 2       | HNAB503 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNAB501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 14 |       | 53    | 3   | 2          | 2       | HNAB505 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAB503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 15 |       | 62    | 3   | 2          | 2       | HNAB504 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAA407 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 16 |       | 45    | 4   | 8          | 2       | HNAD304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAB502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 17 |       | 31    | 3   | 2          | 2       | HNBG305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNBG301 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 19 |       | 61    | 3   | 4       | 2       | HNAA203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA203 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 20 |       | 63    | 4   | 9       | 2       | HNAA204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAB207 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 23 |       | 17    | 2   | 10      | 2       | HNBG502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNBG507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 24 |       | 38    | 2   | 8       | 2       | HNAB501 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 25 |       | 59    | 2   | 4       | 2       | HNBG401 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG401 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 27 |       | 60    | 3   | 4       | 2       | HNBG503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG502 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 29 |       | 39    | 2   | 1       | 2       | HNBG507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNBG501 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 30 |       | 60    | 4   | 6       | 2       | HNBG506 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 31 |       | 48    | 3   | 10      | 2       | HNAB205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAA408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 32 |       | 18    | 2   | 8       | 2       | HNAA406 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAD303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

**Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)**

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 33 |       | 22    | 2   | 4       | 2       | HNAB206 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
|         |                                                |    |       |       | 3   | 10      | 2       | HNAB405 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 34 |       | 60    | 4   | 4       | 2       | HNAB305 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA407 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 35 |       | 60    | 3   | 6       | 2       | HNAB405 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAB204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 36 |       | 60    | 4   | 4       | 2       | HNAB501 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAD202 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 37 |       | 45    | 2   | 10      | 2       | HNAA204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 38 |       | 49    | 3   | 8       | 2       | HNAD203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà   |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 39 |       | 60    | 5   | 2       | 2       | HNAB503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAD302 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương    |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 40 |       | 60    | 2   | 8       | 2       | HNAB305 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
|         |                                                |    |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAD204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-05      | Lê Quốc Hiệp         |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 41 |       | 61    | 4   | 2       | 2       | HNAD202 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-02      | Đặng Thị Thanh Trâm  |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 42 |       | 60    | 2   | 2       | 2       | HNAB502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA408 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-03      | Nguyễn Thị Thu Hương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Lý luận chính trị**

**Bộ môn: Triết học và Pháp luật (02 0201)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 43 |       | 60    | 3   | 6          | 2       | HNAD202 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAD203 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0203-04      | Nguyễn Thị Thúy Hà |
| 4020301 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 44 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAB305 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương  |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 10         | 2       | HNAA405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0203-06      | Nguyễn Tuấn Vương  |
| 4030102 | Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên        | 01 |       | 41    | 2   | 6          | 3       | HNBG106 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0301-16      | Phạm Văn Việt      |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG108 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0301-16      | Phạm Văn Việt      |
| 4030102 | Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên        | 02 |       | 62    | 2   | 1          | 3       | HNBG106 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0301-10      | Vũ Đình Hiếu       |
|         |                                                |    |       |       | 3   | 1          | 3       | HNBG108 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0301-10      | Vũ Đình Hiếu       |
| 4030102 | Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên        | 03 |       | 39    | 3   | 9          | 3       | HNBG607 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn    |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG103 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn    |
| 4030102 | Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên        | 04 |       | 30    | 4   | 6          | 3       | HNBG101 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0301-05      | Lê Hữu Quỳnh       |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNBG201 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0301-05      | Lê Hữu Quỳnh       |
| 4030102 | Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên        | 05 |       | 61    | 3   | 9          | 3       | HNBG205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNBG205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
| 4030102 | Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên        | 07 |       | 60    | 3   | 6          | 3       | HNBG205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
| 4030104 | Khai thác quặng lộ thiên                       | 02 |       | 30    | 5   | 11         | 3       | HNAB204 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0301-10      | Vũ Đình Hiếu       |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNAD402 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0301-10      | Vũ Đình Hiếu       |
| 4030104 | Khai thác quặng lộ thiên                       | 03 |       | 66    | 2   | 3          | 3       | HNBG205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 3          | 3       | HNBG205 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
| 4030105 | Khai thác vật liệu xây dựng                    | 01 |       | 28    | 7   | 6          | 3       | HNAA303 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0301-15      | Lê Quý Thảo        |
| 4030105 | Khai thác vật liệu xây dựng                    | 03 |       | 60    | 3   | 3          | 3       | HNBG205 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 3          | 3       | HNBG305 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa     |
| 4030105 | Khai thác vật liệu xây dựng                    | 06 |       | 23    | 6   | 10         | 3       | HNBG103 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0301-20      | Nguyễn Hoàng       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4030105 | Khai thác vật liệu xây dựng                          | 06 |       | 23    | 7   | 9       | 3       | HNAA205 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0301-20      | Nguyễn Hoàng     |
| 4030105 | Khai thác vật liệu xây dựng                          | 07 |       | 17    | 4   | 3       | 3       | HNBG205 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa   |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG305 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0301-06      | Lê Thị Thu Hoa   |
| 4030107 | Ổn định bờ mỏ và sườn dốc                            | 03 |       | 55    | 2   | 10      | 3       | HNBG603 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn  |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG108 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0301-11      | Nguyễn Anh Tuấn  |
| 4030107 | Ổn định bờ mỏ và sườn dốc                            | 05 |       | 50    | 4   | 6       | 3       | HNAD202 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0301-20      | Nguyễn Hoàng     |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG103 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0301-20      | Nguyễn Hoàng     |
| 4030107 | Ổn định bờ mỏ và sườn dốc                            | 06 |       | 24    | 2   | 1       | 3       | HNBG406 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0301-20      | Nguyễn Hoàng     |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG406 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0301-20      | Nguyễn Hoàng     |
| 4030108 | An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên | 01 |       | 40    | 6   | 6       | 3       | HNAB207 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0301-09      | Nguyễn Đình An   |
| 4030108 | An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên | 05 |       | 57    | 4   | 9       | 3       | HNBG101 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0301-14      | Trần Quang Hiếu  |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG506 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0301-14      | Trần Quang Hiếu  |
| 4030108 | An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên | 07 |       | 30    | 3   | 9       | 3       | HNBG106 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0301-14      | Trần Quang Hiếu  |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNBG107 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0301-14      | Trần Quang Hiếu  |
| 4030110 | Tin học ứng dụng trong khai thác lộ thiên            | 01 |       | 45    | 7   | 6       | 3       | HNBG101 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0301-16      | Phạm Văn Việt    |
| 4030112 | Thoát nước mỏ                                        | 01 |       | 67    | 7   | 9       | 3       | HNAB202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0301-15      | Lê Quý Thảo      |
| 4030112 | Thoát nước mỏ                                        | 02 |       | 71    | 7   | 2       | 3       | HNBG101 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0301-15      | Lê Quý Thảo      |
| 4030113 | Kỹ thuật khoan nổ mìn                                | 01 |       | 60    | 4   | 11      | 3       | HNAD203 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0301-03      | Lê Văn Quyền     |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAA303 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0301-03      | Lê Văn Quyền     |
| 4030113 | Kỹ thuật khoan nổ mìn                                | 03 |       | 61    | 3   | 8       | 3       | HNBG601 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0301-07      | Phạm Văn Hòa     |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG102 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0301-07      | Phạm Văn Hòa     |
| 4030113 | Kỹ thuật khoan nổ mìn                                | 04 |       | 60    | 5   | 9       | 3       | HNBG606 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0301-07      | Phạm Văn Hòa     |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG102 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0301-07      | Phạm Văn Hòa     |
| 4030114 | Cơ sở khai thác lộ thiên                             | 01 |       | 64    | 2   | 9       | 3       | HNAB206 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0301-12      | Lê Thị Minh Hạnh |
|         |                                                      |    |       |       | 3   | 6       | 3       | HNAD502 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0301-12      | Lê Thị Minh Hạnh |
| 4030114 | Cơ sở khai thác lộ thiên                             | 02 |       | 73    | 7   | 6       | 3       | HNBG406 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0301-12      | Lê Thị Minh Hạnh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác lộ thiên (03 0301)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4030114 | Cơ sở khai thác lộ thiên        | 03 |       | 65    | 7   | 9       | 3       | HNBG503 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0301-12      | Lê Thị Minh Hạnh |
| 4030118 | Cơ sở khai thác mỏ              | 01 |       | 61    | 3   | 1       | 3       | HNBG608 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0301-12      | Lê Thị Minh Hạnh |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG201 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0301-12      | Lê Thị Minh Hạnh |
| 4030202 | Công nghệ khai thác than hầm lò | 01 |       | 36    | 3   | 6       | 2       | HNAD402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 12      | 2       | HNAA307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
| 4030203 | Thông gió mỏ + BTL              | 01 |       | 29    | 2   | 11      | 3       | HNAB503 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAD403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
| 4030203 | Thông gió mỏ + BTL              | 03 |       | 64    | 4   | 1       | 3       | HNBG107 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG608 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
| 4030203 | Thông gió mỏ + BTL              | 04 |       | 39    | 3   | 6       | 3       | HNBG101 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG508 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
| 4030203 | Thông gió mỏ + BTL              | 05 |       | 52    | 2   | 1       | 3       | HNBG107 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG603 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0302-09      | Nguyễn Cao Khải  |
| 4030203 | Thông gió mỏ + BTL              | 06 |       | 49    | 3   | 6       | 3       | HNBG102 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG106 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
| 4030203 | Thông gió mỏ + BTL              | 07 |       | 35    | 2   | 1       | 3       | HNBG108 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG101 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
| 4030203 | Thông gió mỏ + BTL              | 08 |       | 30    | 3   | 9       | 3       | HNBG608 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG608 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0302-07      | Đặng Vũ Chí      |
| 4030204 | Khai thác quặng hầm lò          | 01 |       | 36    | 6   | 11      | 3       | HNAB207 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0302-14      | Nguyễn Phi Hùng  |
|         |                                 |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA206 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0302-14      | Nguyễn Phi Hùng  |
| 4030204 | Khai thác quặng hầm lò          | 02 |       | 54    | 2   | 9       | 3       | HNBG503 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG601 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
| 4030204 | Khai thác quặng hầm lò          | 03 |       | 37    | 4   | 11      | 3       | HNAA204 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0302-04      | Đỗ Mạnh Phong    |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG102 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0302-04      | Đỗ Mạnh Phong    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|------------------|
| 4030204 | Khai thác quặng hầm lò                          | 04 |       | 43    | 2   | 6       | 3       | HNBG606 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0302-04      | Đỗ Mạnh Phong    |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG607 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0302-04      | Đỗ Mạnh Phong    |
| 4030204 | Khai thác quặng hầm lò                          | 06 |       | 27    | 3   | 9       | 3       | HNBG107 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0302-04      | Đỗ Mạnh Phong    |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAB201 | 05/11/2016 - 10/12/2016 | 0302-04      | Đỗ Mạnh Phong    |
| 4030205 | Điều khiển áp lực mỏ                            | 01 |       | 57    | 3   | 6       | 3       | HNBG305 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0302-03      | Vũ Đình Tiến     |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG607 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0302-03      | Vũ Đình Tiến     |
| 4030205 | Điều khiển áp lực mỏ                            | 02 |       | 40    | 2   | 3       | 3       | HNBG507 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng    |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG601 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng    |
| 4030205 | Điều khiển áp lực mỏ                            | 03 |       | 47    | 3   | 3       | 3       | HNBG507 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0302-03      | Vũ Đình Tiến     |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG601 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0302-03      | Vũ Đình Tiến     |
| 4030205 | Điều khiển áp lực mỏ                            | 04 |       | 54    | 4   | 6       | 3       | HNBG607 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG601 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
| 4030205 | Điều khiển áp lực mỏ                            | 05 |       | 42    | 4   | 6       | 3       | HNBG608 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng    |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG602 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng    |
| 4030205 | Điều khiển áp lực mỏ                            | 06 |       | 28    | 2   | 6       | 3       | HNBG507 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng    |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG502 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0302-12      | Phạm Đức Hưng    |
| 4030207 | An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò | 01 |       | 28    | 3   | 11      | 3       | HNAD403 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 4   | 11      | 3       | HNAB204 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
| 4030207 | An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò | 03 |       | 34    | 2   | 11      | 3       | HNBG401 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 2       | 3       | HNAA403 | 10/09/2016 - 15/10/2016 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
| 4030207 | An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò | 04 |       | 38    | 2   | 6       | 3       | HNBG108 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG101 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
| 4030207 | An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò | 05 |       | 45    | 5   | 1       | 3       | HNBG103 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0302-23      | Đặng Phương Thảo |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD402 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0302-23      | Đặng Phương Thảo |
| 4030207 | An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò | 07 |       | 37    | 2   | 9       | 3       | HNBG606 | 31/10/2016 - 05/12/2016 | 0302-13      | Đào Văn Chi      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4030207 | An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò | 07 |       | 37    | 5   | 1       | 3       | HNBG108 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
| 4030207 | An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò | 08 |       | 21    | 6   | 9       | 3       | HNBG603 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB201 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
| 4030208 | Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò                   | 01 |       | 62    | 7   | 6       | 3       | HNBG106 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0302-23      | Đặng Phương Thảo |
| 4030209 | Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt           | 01 |       | 49    | 2   | 1       | 3       | HNBG205 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0302-15      | Đặng Quang Hưng  |
|         |                                                 |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG608 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0302-15      | Đặng Quang Hưng  |
| 4030209 | Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt           | 02 |       | 50    | 4   | 9       | 3       | HNBG401 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0302-15      | Đặng Quang Hưng  |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG502 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0302-15      | Đặng Quang Hưng  |
| 4030209 | Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt           | 03 |       | 35    | 3   | 1       | 3       | HNBG106 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0302-05      | Trần Văn Thanh   |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG305 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0302-05      | Trần Văn Thanh   |
| 4030209 | Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt           | 05 |       | 20    | 2   | 9       | 3       | HNBG106 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0302-17      | Bùi Mạnh Tùng    |
|         |                                                 |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAB207 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0302-17      | Bùi Mạnh Tùng    |
| 4030210 | Tin học ứng dụng mỏ hầm lò                      | 01 |       | 23    | 2   | 7       | 4       | HNAB203 | 05/12/2016 - 12/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 3   | 7       | 4       | HNAB203 | 06/12/2016 - 13/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 4   | 7       | 4       | HNAB203 | 07/12/2016 - 14/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 7       | 4       | HNAB203 | 08/12/2016 - 15/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 7       | 4       | HNAB203 | 09/12/2016 - 16/12/2016                            | 0302-13      | Đào Văn Chi      |
| 4030219 | Chống giữ mỏ hầm lò                             | 01 |       | 29    | 4   | 11      | 3       | HNBG102 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0302-11      | Vũ Trung Tiến    |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAA308 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0302-11      | Vũ Trung Tiến    |
| 4030219 | Chống giữ mỏ hầm lò                             | 02 |       | 29    | 3   | 11      | 3       | HNAB303 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0302-11      | Vũ Trung Tiến    |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA306 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0302-11      | Vũ Trung Tiến    |
| 4030219 | Chống giữ mỏ hầm lò                             | 03 |       | 68    | 3   | 1       | 3       | HNBG607 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB203 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0302-10      | Đỗ Anh Sơn       |
| 4030219 | Chống giữ mỏ hầm lò                             | 06 |       | 63    | 2   | 6       | 3       | HNBG107 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0302-15      | Đặng Quang Hưng  |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG606 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0302-15      | Đặng Quang Hưng  |
| 4030222 | Cơ sở khai thác hầm lò                          | 01 |       | 71    | 7   | 9       | 3       | HNAB507 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0302-15      | Đặng Quang Hưng  |
| 4030223 | Cơ sở thông gió                                 | 01 |       | 52    | 2   | 6       | 3       | HNBG205 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG606 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Khai thác hầm lò (03 0302)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4030223 | Cơ sở thông gió       | 02 |       | 37    | 3   | 11         | 3       | HNBG402 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                       |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNBG603 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
| 4030223 | Cơ sở thông gió       | 03 |       | 47    | 2   | 9          | 3       | HNBG602 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
|         |                       |    |       |       | 4   | 9          | 3       | HNBG301 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0302-18      | Nguyễn Văn Thịnh |
| 4030225 | Cơ sở khai thác mỏ    | 01 |       | 50    | 2   | 6          | 3       | HNAA203 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0302-21      | Nguyễn Văn Quang |
|         |                       |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNAA203 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0302-21      | Nguyễn Văn Quang |
| 4030225 | Cơ sở khai thác mỏ    | 02 |       | 36    | 3   | 10         | 3       | HNAA204 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0302-21      | Nguyễn Văn Quang |
|         |                       |    |       |       | 5   | 10         | 3       | HNAA204 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0302-21      | Nguyễn Văn Quang |
| 4030225 | Cơ sở khai thác mỏ    | 03 |       | 79    | 2   | 1          | 3       | HNAA207 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
|         |                       |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNAA207 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
| 4030225 | Cơ sở khai thác mỏ    | 04 |       | 56    | 4   | 1          | 3       | HNAA207 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
|         |                       |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNAA207 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0302-22      | Lê Quang Phục    |
| 4030225 | Cơ sở khai thác mỏ    | 05 |       | 54    | 3   | 11         | 3       | HNAB203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0301-12      | Lê Thị Minh Hạnh |
| 4030356 | Cơ học đá             | 01 |       | 17    | 2   | 4          | 2       | HNAA207 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0303-06      | Nguyễn Phúc Nhân |
|         |                       |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAA207 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0303-06      | Nguyễn Phúc Nhân |
| 4030402 | Tuyển trọng lực       | 01 |       | 47    | 3   | 9          | 3       | HNBG305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0304-02      | Phạm Hữu Giang   |
|         |                       |    |       |       | 4   | 6          | 3       | HNBG102 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0304-02      | Phạm Hữu Giang   |
| 4030402 | Tuyển trọng lực       | 02 |       | 46    | 2   | 6          | 3       | HNBG607 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0304-08      | Vũ Thị Chinh     |
|         |                       |    |       |       | 3   | 6          | 3       | HNBG106 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0304-08      | Vũ Thị Chinh     |
| 4030403 | Tuyển từ – tuyển điện | 01 |       | 47    | 3   | 6          | 3       | HNBG103 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
|         |                       |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNBG506 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
| 4030403 | Tuyển từ – tuyển điện | 02 |       | 46    | 2   | 9          | 3       | HNBG508 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
|         |                       |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG305 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
| 4030405 | Hóa tuyển             | 01 |       | 48    | 2   | 6          | 3       | HNBG406 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật |
|         |                       |    |       |       | 5   | 10         | 3       | HNBG608 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật |
| 4030406 | Khử nước khử bụi      | 01 |       | 45    | 2   | 9          | 3       | HNBG501 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0304-04      | Nguyễn Hoàng Sơn |
|         |                       |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG108 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0304-04      | Nguyễn Hoàng Sơn |
| 4030406 | Khử nước khử bụi      | 02 |       | 44    | 3   | 9          | 3       | HNBG101 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Tuyển khoáng (03 0304)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4030406 | Khử nước khử bụi                           | 02 |       | 44    | 4   | 6       | 3       | HNBG103 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung |
| 4030407 | Tự động hóa quá trình tuyển khoáng         | 01 |       | 61    | 7   | 6       | 3       | HNBG403 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0304-04      | Nguyễn Hoàng Sơn |
| 4030409 | Tiêu chuẩn phân tích                       | 01 |       | 33    | 2   | 1       | 3       | HNBG606 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0304-02      | Phạm Hữu Giang   |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNBG201 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-02      | Phạm Hữu Giang   |
| 4030412 | Tin học chuyên ngành tuyển khoáng          | 01 |       | 53    | 2   | 1       | 3       | HNAA208 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA208 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
| 4030412 | Tin học chuyên ngành tuyển khoáng          | 02 |       | 48    | 4   | 6       | 3       | HNAB201 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 10      | 3       | HNAD502 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
| 4030415 | Làm giàu nguyên liệu khoáng không kim loại | 01 |       | 57    | 4   | 1       | 3       | HNAA306 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-04      | Nguyễn Hoàng Sơn |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA308 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0304-04      | Nguyễn Hoàng Sơn |
| 4030416 | Làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại       | 01 |       | 51    | 4   | 1       | 3       | HNAA306 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0304-04      | Nguyễn Hoàng Sơn |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB203 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0304-04      | Nguyễn Hoàng Sơn |
| 4030417 | Luyện kim                                  | 01 |       | 18    | 4   | 12      | 3       | HNAA203 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-15      | Trần Văn Đước    |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 11      | 3       | HNAA205 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0304-15      | Trần Văn Đước    |
| 4030418 | Thực tế tuyển than                         | 01 |       | 31    | 3   | 1       | 3       | HNAB306 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0304-02      | Phạm Hữu Giang   |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG401 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0304-02      | Phạm Hữu Giang   |
| 4030419 | Chế biến tinh nguyên liệu khoáng           | 01 |       | 46    | 2   | 9       | 3       | HNBG201 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0304-05      | Nguyễn Ngọc Phú  |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG606 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0304-05      | Nguyễn Ngọc Phú  |
| 4030420 | Quản lí chất lượng sản phẩm                | 01 |       | 34    | 4   | 10      | 3       | HNBG205 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG108 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung |
| 4030421 | Chế biến than                              | 01 |       | 33    | 2   | 9       | 3       | HNBG107 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0304-05      | Nguyễn Ngọc Phú  |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 10      | 3       | HNBG608 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0304-05      | Nguyễn Ngọc Phú  |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng                         | 01 |       | 60    | 4   | 11      | 3       | HNAD403 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAB404 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0304-07      | Phạm Văn Luận    |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng                         | 02 |       | 71    | 4   | 3       | 3       | HNBG108 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-08      | Vũ Thị Chinh     |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG205 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0304-08      | Vũ Thị Chinh     |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng                         | 03 |       | 66    | 4   | 6       | 3       | HNBG305 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-09      | Trần Trung Tới   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG102 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0304-09      | Trần Trung Tới   |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng                         | 04 |       | 70    | 2   | 3       | 3       | HNBG305 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Tuyển khoáng (03 0304)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|----------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng               | 04 |       | 70    | 4   | 3          | 3       | HNBG102 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng               | 05 |       | 65    | 2   | 9          | 3       | HNBG103 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0304-08      | Vũ Thị Chinh      |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 11         | 3       | HNBG103 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0304-08      | Vũ Thị Chinh      |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng               | 06 |       | 55    | 3   | 1          | 3       | HNBG606 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 9          | 3       | HNAA307 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng               | 07 |       | 64    | 2   | 9          | 3       | HNAA208 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |
|         |                                  |    |       |       | 7   | 9          | 3       | HNAA409 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng               | 08 |       | 68    | 7   | 9          | 3       | HNAD304 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0304-06      | Nhữ Thị Kim Dung  |
| 4030422 | Cơ sở tuyển khoáng               | 09 |       | 62    | 6   | 8          | 3       | HNAD304 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0304-13      | Phùng Tiến Thuật  |
| 4030436 | NDH và ĐH các phản ứng luyện kim | 01 |       | 35    | 3   | 8          | 3       | HNAB303 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAD503 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0304-09      | Trần Trung Tới    |
| 4030437 | Đập-Nghiền-Sàng-Phân cấp         | 01 |       | 34    | 2   | 6          | 2       | HNAD402 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0304-05      | Nguyễn Ngọc Phú   |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 10         | 2       | HNAD304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0304-05      | Nguyễn Ngọc Phú   |
| 4030501 | Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN    | 01 |       | 54    | 3   | 4          | 2       | HNAB401 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0305-11      | Đinh Thị Thu Hà   |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0305-11      | Đinh Thị Thu Hà   |
| 4030501 | Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN    | 03 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAD203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAD302 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
| 4030501 | Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN    | 04 |       | 42    | 4   | 11         | 2       | HNAA303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0305-11      | Đinh Thị Thu Hà   |
|         |                                  |    |       |       | 6   | 11         | 2       | HNAA402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0305-11      | Đinh Thị Thu Hà   |
| 4030501 | Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN    | 05 |       | 56    | 3   | 4          | 2       | HNAB503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0305-03      | Trần Trung Thành  |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0305-03      | Trần Trung Thành  |
| 4030501 | Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN    | 06 |       | 50    | 2   | 10         | 2       | HNAB404 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 11         | 2       | HNAB205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
| 4030501 | Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN    | 07 |       | 44    | 3   | 4          | 2       | HNAB504 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB504 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Sức bền vật liệu (03 0305)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4030502 | Sức bền vật liệu 2 + BTL2 | 02 |       | 16    | 3   | 10      | 4       | HNAF102 | 22/11/2016 - 06/12/2016                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                           |    |       |       | 5   | 10      | 4       | HNAF102 | 24/11/2016 - 08/12/2016                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                           |    |       |       | 6   | 10      | 4       | HNAF102 | 25/11/2016 - 09/12/2016                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                           |    |       |       | 7   | 2       | 4       | HNAF102 | 26/11/2016 - 10/12/2016                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
| 4030504 | Sức bền vật liệu B        | 01 |       | 27    | 2   | 1       | 3       | HNAB404 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0305-03      | Trần Trung Thành  |
|         |                           |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB303 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0305-03      | Trần Trung Thành  |
| 4030504 | Sức bền vật liệu B        | 02 |       | 23    | 2   | 6       | 3       | HNAA402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết    |
|         |                           |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA408 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết    |
| 4030504 | Sức bền vật liệu B        | 03 |       | 61    | 2   | 1       | 3       | HNAA205 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
|         |                           |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAA404 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0305-04      | Nguyễn Viết Thắng |
| 4030504 | Sức bền vật liệu B        | 04 |       | 51    | 2   | 6       | 3       | HNAA305 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long    |
|         |                           |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA307 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long    |
| 4030507 | Cơ học kết cấu 1 + BTL1   | 01 |       | 53    | 4   | 2       | 2       | HNAA407 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0305-01      | Dương Đức Hùng    |
|         |                           |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0305-01      | Dương Đức Hùng    |
| 4030507 | Cơ học kết cấu 1 + BTL1   | 02 |       | 59    | 4   | 6       | 2       | HNAA407 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0305-01      | Dương Đức Hùng    |
|         |                           |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA407 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0305-01      | Dương Đức Hùng    |
| 4030507 | Cơ học kết cấu 1 + BTL1   | 03 |       | 55    | 2   | 4       | 2       | HNAA402 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0305-32      | Nguyễn Văn Cận    |
|         |                           |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0305-32      | Nguyễn Văn Cận    |
| 4030507 | Cơ học kết cấu 1 + BTL1   | 04 |       | 47    | 3   | 10      | 2       | HNAB507 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
|         |                           |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAA403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
| 4030507 | Cơ học kết cấu 1 + BTL1   | 05 |       | 46    | 3   | 4       | 2       | HNAD503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
|         |                           |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
| 4030507 | Cơ học kết cấu 1 + BTL1   | 06 |       | 28    | 5   | 10      | 2       | HNAA409 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
|         |                           |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA409 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
| 4030510 | Cơ học kết cấu B          | 01 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |
|         |                           |    |       |       | 3   | 6       | 3       | HNAA405 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0305-07      | Đỗ Ngọc Tú        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Mỏ**

**Bộ môn: Sức bền vật liệu (03 0305)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|----------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------|
| 4030510 | Cơ học kết cấu B           | 02 |       | 70    | 2   | 6          | 3       | HNAA306 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0305-32      | Nguyễn Văn Cận  |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6          | 3       | HNAA308 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0305-32      | Nguyễn Văn Cận  |
| 4030514 | Cơ học môi trường liên tục | 01 |       | 57    | 3   | 3          | 3       | HNAB205 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết  |
|         |                            |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNAA406 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết  |
| 4030514 | Cơ học môi trường liên tục | 02 |       | 52    | 2   | 8          | 3       | HNAB306 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0305-32      | Nguyễn Văn Cận  |
|         |                            |    |       |       | 4   | 8          | 3       | HNAD403 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0305-32      | Nguyễn Văn Cận  |
| 4030514 | Cơ học môi trường liên tục | 03 |       | 53    | 2   | 3          | 3       | HNAA403 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết  |
|         |                            |    |       |       | 4   | 3          | 3       | HNAA305 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết  |
| 4030514 | Cơ học môi trường liên tục | 04 |       | 48    | 3   | 6          | 3       | HNAA307 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết  |
|         |                            |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAA308 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0305-06      | Bùi Thị Thuyết  |
| 4030515 | Động lực học công trình    | 01 |       | 69    | 2   | 3          | 3       | HNBG502 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
|         |                            |    |       |       | 3   | 3          | 3       | HNBG502 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
| 4030515 | Động lực học công trình    | 02 |       | 69    | 3   | 6          | 3       | HNBG502 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
|         |                            |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG506 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
| 4030515 | Động lực học công trình    | 03 |       | 42    | 4   | 9          | 3       | HNBG301 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG602 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
| 4030515 | Động lực học công trình    | 04 |       | 53    | 2   | 6          | 3       | HNBG608 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG101 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
| 4030515 | Động lực học công trình    | 05 |       | 43    | 2   | 9          | 3       | HNBG508 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
|         |                            |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNBG603 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
| 4030515 | Động lực học công trình    | 06 |       | 46    | 3   | 9          | 3       | HNBG101 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
|         |                            |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNBG606 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0305-02      | Phạm Tuấn Long  |
| 4040101 | Địa chất đại cương         | 01 |       | 62    | 3   | 8          | 2       | HNAD303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
|         |                            |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNAD302 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi |
| 4040101 | Địa chất đại cương         | 02 |       | 62    | 2   | 4          | 2       | HNAB507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
|         |                            |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB507 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành  |
| 4040101 | Địa chất đại cương         | 03 |       | 62    | 4   | 9          | 2       | HNAB201 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp |
|         |                            |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNAB205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất (04 0401)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4040101 | Địa chất đại cương                        | 04 |       | 61    | 2   | 2       | 2       | HNAB306 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành     |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAB507 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành     |
| 4040101 | Địa chất đại cương                        | 05 |       | 64    | 5   | 4       | 2       | HNAD303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp    |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD302 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp    |
| 4040101 | Địa chất đại cương                        | 06 |       | 63    | 7   | 2       | 4       | HNBG301 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0401-22      | Vũ Anh Đạo         |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 01 |       | 46    | 3   | 11      | 3       | HNAB506 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi    |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAD402 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi    |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 02 |       | 22    | 2   | 1       | 3       | HNAB404 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0401-24      | Phan Văn Bình      |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB204 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0401-24      | Phan Văn Bình      |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 03 |       | 61    | 3   | 6       | 3       | HNAB206 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0401-24      | Phan Văn Bình      |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB305 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0401-24      | Phan Văn Bình      |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 04 |       | 60    | 3   | 3       | 3       | HNAB501 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0401-22      | Vũ Anh Đạo         |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAB205 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0401-22      | Vũ Anh Đạo         |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 05 |       | 41    | 2   | 1       | 3       | HNAD203 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0401-22      | Vũ Anh Đạo         |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB303 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0401-22      | Vũ Anh Đạo         |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 06 |       | 46    | 3   | 6       | 3       | HNAB201 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0401-23      | Lê Minh Hiếu       |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD302 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0401-23      | Lê Minh Hiếu       |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 07 |       | 54    | 2   | 3       | 3       | HNAB405 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0401-23      | Lê Minh Hiếu       |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB202 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0401-23      | Lê Minh Hiếu       |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 08 |       | 60    | 3   | 3       | 3       | HNAD304 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0401-12      | Phạm Nguyên Phương |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAD203 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0401-12      | Phạm Nguyên Phương |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 09 |       | 58    | 3   | 6       | 3       | HNAB201 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0401-12      | Phạm Nguyên Phương |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA207 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0401-12      | Phạm Nguyên Phương |
| 4040102 | Địa chất cơ sở                            | 10 |       | 55    | 2   | 9       | 3       | HNAB205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0401-12      | Phạm Nguyên Phương |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 8       | 3       | HNAB204 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0401-12      | Phạm Nguyên Phương |
| 4040103 | Cổ sinh - địa sử                          | 01 |       | 59    | 2   | 6       | 3       | HNBG402 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi    |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG401 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0401-02      | Ngô Thị Kim Chi    |
| 4040104 | Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất | 01 |       | 60    | 3   | 12      | 2       | HNAA205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất (04 0401)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4040104 | Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất | 01 |       | 60    | 5   | 12      | 2       | HNAA206 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
| 4040104 | Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất | 02 |       | 62    | 3   | 9       | 2       | HNAA405 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA406 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
| 4040104 | Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất | 03 |       | 20    | 2   | 8       | 2       | HNAD502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAB506 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
| 4040104 | Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất | 04 |       | 24    | 3   | 4       | 2       | HNAB201 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB306 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
| 4040104 | Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất | 05 |       | 18    | 3   | 6       | 2       | HNAB306 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
| 4040105 | Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất    | 01 |       | 30    | 4   | 6       | 3       | HNAB305 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAA407 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
| 4040105 | Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất    | 02 |       | 61    | 3   | 1       | 3       | HNAA404 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA403 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
| 4040105 | Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất    | 03 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAA206 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA303 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
| 4040106 | Địa chất Việt Nam                         | 01 |       | 41    | 3   | 1       | 3       | HNAA203 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0401-06      | Trần Thanh Hải   |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA203 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0401-06      | Trần Thanh Hải   |
| 4040106 | Địa chất Việt Nam                         | 03 |       | 48    | 4   | 8       | 3       | HNAA303 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0401-06      | Trần Thanh Hải   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAA303 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0401-06      | Trần Thanh Hải   |
| 4040106 | Địa chất Việt Nam                         | 04 |       | 66    | 2   | 9       | 3       | HNBG506 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG402 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
| 4040106 | Địa chất Việt Nam                         | 05 |       | 62    | 4   | 9       | 3       | HNAA203 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA203 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long   |
| 4040107 | Địa mạo và trầm tích đệ tứ                | 01 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAA403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA308 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
| 4040107 | Địa mạo và trầm tích đệ tứ                | 02 |       | 71    | 2   | 6       | 3       | HNAA403 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB205 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất (04 0401)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4040107 | Địa mạo và trầm tích đệ tứ                                   | 03 |       | 44    | 5   | 9       | 3       | HNAD502 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
|         |                                                              |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB303 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
| 4040107 | Địa mạo và trầm tích đệ tứ                                   | 04 |       | 65    | 2   | 1       | 3       | HNAB201 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
|         |                                                              |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB506 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
| 4040107 | Địa mạo và trầm tích đệ tứ                                   | 05 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAB504 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
|         |                                                              |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD503 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0401-09      | Nguyễn Quốc Hưng |
| 4040108 | Địa chất biển đại cương                                      | 01 |       | 61    | 2   | 1       | 3       | HNBG403 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp  |
|         |                                                              |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG402 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0401-21      | Nguyễn Hữu Hiệp  |
| 4040111 | Địa chất môi trường                                          | 01 |       | 58    | 7   | 8       | 3       | HNBG607 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0401-23      | Lê Minh Hiếu     |
| 4040112 | Kiến tạo mảng                                                | 01 |       | 42    | 2   | 10      | 3       | HNAB210 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0401-13      | Ngô Xuân Thành   |
| 4040136 | Ứng dụng địa chất cấu tạo trong nghiên cứu tài biến địa chất | 01 |       | 26    | 3   | 9       | 3       | HNAB210 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0401-06      | Trần Thanh Hải   |
| 4040202 | Toán địa chất                                                | 01 |       | 70    | 2   | 6       | 3       | HNBG402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc    |
|         |                                                              |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG403 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0402-06      | Bùi Hoàng Bắc    |
| 4040202 | Toán địa chất                                                | 02 |       | 61    | 3   | 9       | 3       | HNBG403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0402-08      | Khương Thế Hùng  |
|         |                                                              |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG403 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0402-08      | Khương Thế Hùng  |
| 4040203 | Phương pháp thăm dò mỏ + BTL                                 | 01 |       | 69    | 3   | 1       | 3       | HNBG406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng |
|         |                                                              |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG407 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng |
| 4040203 | Phương pháp thăm dò mỏ + BTL                                 | 02 |       | 30    | 2   | 6       | 3       | HNBG403 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0402-07      | Phan Viết Sơn    |
|         |                                                              |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG406 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0402-07      | Phan Viết Sơn    |
| 4040204 | Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng      | 01 |       | 52    | 4   | 11      | 3       |         | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0402-03      | Nguyễn Tiến Dũng |
| 4040205 | Tin ứng dụng trong Địa chất                                  | 01 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA203 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh   |
|         |                                                              |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA203 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh   |
| 4040205 | Tin ứng dụng trong Địa chất                                  | 02 |       | 39    | 3   | 6       | 3       | HNAA203 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh   |
|         |                                                              |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA203 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh   |
| 4040205 | Tin ứng dụng trong Địa chất                                  | 03 |       | 55    | 7   | 7       | 3       | HNAB303 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0402-15      | Bùi Thanh Tịnh   |
| 4040206 | Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng trong địa chất (GIS)      | 01 |       | 61    | 7   | 6       | 3       | HNBG107 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0402-08      | Khương Thế Hùng  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Tìm kiếm thăm dò (04 0402)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4040206 | Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng trong địa chất (GIS) | 02 |       | 62    | 7   | 10      | 3       | HNAB305 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0402-11      | Đỗ Mạnh An        |
| 4040207 | Địa chất mỏ                                             | 01 |       | 60    | 4   | 1       | 3       | HNAA203 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0402-05      | Nguyễn Trọng Toàn |
|         |                                                         |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA203 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0402-05      | Nguyễn Trọng Toàn |
| 4040207 | Địa chất mỏ                                             | 02 |       | 54    | 3   | 6       | 3       | HNAA203 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
|         |                                                         |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA203 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0402-08      | Khương Thế Hùng   |
| 4040207 | Địa chất mỏ                                             | 03 |       | 53    | 4   | 11      | 3       | HNAA204 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0402-11      | Đỗ Mạnh An        |
|         |                                                         |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAA204 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0402-11      | Đỗ Mạnh An        |
| 4040218 | Luật khoáng sản và luật môi trường                      | 01 |       | 65    | 7   | 2       | 3       | HNBG503 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0402-05      | Nguyễn Trọng Toàn |
| 4040301 | Tinh thể khoáng vật + TN                                | 01 |       | 60    | 3   | 4       | 2       | HNAD303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                                         |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD304 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
| 4040301 | Tinh thể khoáng vật + TN                                | 02 |       | 58    | 3   | 4       | 2       | HNAD302 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                                         |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
| 4040304 | Thạch học 1 + TN                                        | 01 |       | 52    | 4   | 1       | 3       | HNAD502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0403-01      | Phạm Thị Vân Anh  |
|         |                                                         |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB207 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0403-01      | Phạm Thị Vân Anh  |
| 4040305 | Thạch học 2                                             | 01 |       | 51    | 2   | 9       | 3       | HNAA205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0403-04      | Lê Tiến Dũng      |
|         |                                                         |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA206 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0403-04      | Lê Tiến Dũng      |
| 4040310 | Địa hoá                                                 | 01 |       | 60    | 4   | 11      | 3       | HNAD203 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                                         |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA207 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
| 4040310 | Địa hoá                                                 | 02 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAB505 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                                         |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNAA403 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
| 4040313 | Tinh thể học - khoáng vật học đại cương                 | 01 |       | 60    | 4   | 9       | 3       | HNAB204 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
|         |                                                         |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB202 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0403-06      | Nguyễn Khắc Giảng |
| 4040313 | Tinh thể học - khoáng vật học đại cương                 | 02 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAD403 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                                         |    |       |       | 3   | 6       | 3       | HNAA409 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
| 4040313 | Tinh thể học - khoáng vật học đại cương                 | 03 |       | 62    | 4   | 9       | 3       | HNAB503 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
|         |                                                         |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB505 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
| 4040313 | Tinh thể học - khoáng vật học đại cương                 | 04 |       | 63    | 3   | 6       | 3       | HNAD304 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Khoáng thạch - Địa hóa (04 0403)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                             | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4040313 | Tinh thể học - khoáng vật học đại cương | 04 |       | 63    | 5   | 6          | 3       | HNAB505 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0403-16      | Đặng Thị Vinh     |
| 4040401 | Địa chất các mỏ khoáng + TH             | 01 |       | 25    | 4   | 11         | 2       | HNAB404 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
|         |                                         |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAB204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
| 4040401 | Địa chất các mỏ khoáng + TH             | 02 |       | 47    | 3   | 10         | 2       | HNAD503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
|         |                                         |    |       |       | 5   | 10         | 2       | HNAB506 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
| 4040401 | Địa chất các mỏ khoáng + TH             | 03 |       | 53    | 2   | 9          | 2       | HNAD403 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
|         |                                         |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAD503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0404-07      | Hoàng Thị Thoa    |
| 4040401 | Địa chất các mỏ khoáng + TH             | 04 |       | 18    | 2   | 10         | 2       | HNAB207 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0404-05      | Lê Thị Thu        |
|         |                                         |    |       |       | 3   | 11         | 2       | HNAD304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0404-05      | Lê Thị Thu        |
| 4040401 | Địa chất các mỏ khoáng + TH             | 05 |       | 27    | 2   | 2          | 2       | HNAA204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0404-05      | Lê Thị Thu        |
|         |                                         |    |       |       | 3   | 6          | 2       | HNAA204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0404-05      | Lê Thị Thu        |
| 4040402 | Các mỏ khoáng kim loại + TH             | 01 |       | 25    | 3   | 6          | 2       | HNBG108 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0404-04      | Trần Bình Chư     |
|         |                                         |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNBG301 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0404-04      | Trần Bình Chư     |
| 4040403 | Các mỏ khoáng không kim loại +TH        | 01 |       | 21    | 2   | 6          | 2       | HNBG101 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0404-05      | Lê Thị Thu        |
|         |                                         |    |       |       | 4   | 9          | 2       | HNBG102 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0404-05      | Lê Thị Thu        |
| 4040405 | Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng      | 01 |       | 46    | 2   | 3          | 3       | HNAA403 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0404-02      | Nguyễn Quang Luật |
|         |                                         |    |       |       | 4   | 6          | 3       | HNBG403 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0404-02      | Nguyễn Quang Luật |
| 4040405 | Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng      | 02 |       | 53    | 3   | 6          | 3       | HNBG401 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0404-02      | Nguyễn Quang Luật |
|         |                                         |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG403 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0404-02      | Nguyễn Quang Luật |
| 4040405 | Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng      | 03 |       | 56    | 6   | 11         | 3       | HNAB203 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0404-02      | Nguyễn Quang Luật |
| 4040406 | Tiếng Anh chuyên ngành địa chất         | 01 |       | 69    | 3   | 4          | 2       | HNBG403 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0404-04      | Trần Bình Chư     |
|         |                                         |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNBG403 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0404-04      | Trần Bình Chư     |
| 4040406 | Tiếng Anh chuyên ngành địa chất         | 02 |       | 39    | 2   | 9          | 2       | HNBG401 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0404-04      | Trần Bình Chư     |
|         |                                         |    |       |       | 4   | 9          | 2       | HNBG402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0404-04      | Trần Bình Chư     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Khoáng sản (04 0404)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4040406 | Tiếng Anh chuyên ngành địa chất | 03 |       | 58    | 7   | 2       | 4       | HNAB205 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0404-04      | Trần Bình Chư     |
| 4040413 | Khoáng sản Việt Nam             | 01 |       | 72    | 7   | 2       | 3       | HNBG502 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0404-02      | Nguyễn Quang Luật |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 01 |       | 68    | 4   | 2       | 2       | HNBG406 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng  |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNBG402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng  |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 02 |       | 57    | 3   | 8       | 2       | HNBG406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng  |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG406 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng  |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 03 |       | 54    | 2   | 1       | 2       | HNAA305 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà       |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAB205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà       |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 04 |       | 59    | 2   | 6       | 2       | HNAA408 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà       |
|         |                                 |    |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAB404 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà       |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 05 |       | 58    | 3   | 4       | 2       | HNAA405 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0405-20      | Dương Bình        |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA406 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-20      | Dương Bình        |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 06 |       | 45    | 4   | 4       | 2       | HNAD502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-20      | Dương Bình        |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 12      | 2       | HNAA205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0405-20      | Dương Bình        |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 07 |       | 24    | 2   | 8       | 2       | HNAA206 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng  |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAA409 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-11      | Nguyễn Văn Phóng  |
| 4040502 | Cơ học đất                      | 08 |       | 20    | 2   | 10      | 2       | HNAD303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà       |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB506 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-14      | Nhữ Việt Hà       |
| 4040504 | Nền và móng                     | 01 |       | 51    | 2   | 6       | 3       | HNBG201 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0405-20      | Dương Bình        |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG606 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0405-20      | Dương Bình        |
| 4040504 | Nền và móng                     | 02 |       | 66    | 2   | 6       | 3       | HNBG305 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0405-20      | Dương Bình        |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG301 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0405-20      | Dương Bình        |
| 4040505 | Cơ học đá                       | 01 |       | 70    | 2   | 1       | 3       | HNBG406 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0405-10      | Bùi Trường Sơn    |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG406 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0405-10      | Bùi Trường Sơn    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4040505 | Cơ học đá                                      | 02 |       | 45    | 4   | 6          | 3       | HNBG402 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG402 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
| 4040505 | Cơ học đá                                      | 03 |       | 41    | 4   | 1          | 3       | HNBG601 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNBG601 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
| 4040506 | Địa chất động lực công trình                   | 01 |       | 54    | 2   | 4          | 2       | HNBG607 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0405-06      | Nguyễn Viết Tình |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNBG507 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-06      | Nguyễn Viết Tình |
| 4040507 | Vật liệu xây dựng +TN                          | 01 |       | 52    | 4   | 4          | 2       | HNBG402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ    |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNBG401 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ    |
| 4040507 | Vật liệu xây dựng +TN                          | 02 |       | 59    | 3   | 6          | 2       | HNBG406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0405-09      | Phạm Minh Tuấn   |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNBG406 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0405-09      | Phạm Minh Tuấn   |
| 4040508 | Công trình xây dựng                            | 01 |       | 58    | 2   | 6          | 3       | HNAA305 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0405-10      | Bùi Trường Sơn   |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAA404 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0405-10      | Bùi Trường Sơn   |
| 4040508 | Công trình xây dựng                            | 02 |       | 60    | 3   | 9          | 3       | HNAA403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0405-20      | Dương Bình       |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNAA406 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0405-20      | Dương Bình       |
| 4040509 | Tin học ứng dụng trong địa chất công trình     | 01 |       | 64    | 2   | 1          | 3       | HNBG402 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNBG403 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
| 4040509 | Tin học ứng dụng trong địa chất công trình     | 02 |       | 54    | 4   | 9          | 3       | HNBG401 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNBG401 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0405-21      | Bùi Bình         |
| 4040512 | Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình | 01 |       | 64    | 4   | 1          | 2       | HNBG108 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 1          | 2       | HNBG108 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
| 4040512 | Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình | 02 |       | 32    | 2   | 6          | 2       | HNBG508 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0405-05      | Tô Xuân Vu       |
|         |                                                |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAB203 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-05      | Tô Xuân Vu       |
| 4040513 | Khảo sát địa chất công trình                   | 01 |       | 60    | 4   | 3          | 3       | HNBG108 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 3          | 3       | HNBG108 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0405-03      | Lê Trọng Thắng   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất công trình (04 0405)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4040513 | Khảo sát địa chất công trình                              | 02 |       | 36    | 3   | 6          | 3       | HNAB203 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0405-05      | Tô Xuân Vu       |
|         |                                                           |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG603 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0405-05      | Tô Xuân Vu       |
| 4040516 | Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật | 01 |       | 57    | 4   | 3          | 3       | HNBG106 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0405-19      | Vũ Thái Linh     |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 3          | 3       | HNBG108 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0405-19      | Vũ Thái Linh     |
| 4040516 | Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật | 02 |       | 42    | 5   | 6          | 3       | HNBG104 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0405-19      | Vũ Thái Linh     |
|         |                                                           |    |       |       | 5   | 10         | 3       | HNBG104 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0405-19      | Vũ Thái Linh     |
| 4040519 | Địa chất công trình                                       | 01 |       | 60    | 4   | 2          | 2       | HNAD503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng  |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAA402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng  |
| 4040519 | Địa chất công trình                                       | 02 |       | 41    | 4   | 6          | 2       | HNAA402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng  |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAA403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-24      | Nguyễn Văn Hùng  |
| 4040519 | Địa chất công trình                                       | 03 |       | 45    | 4   | 4          | 2       | HNAB506 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-23      | Nguyễn Ngọc Dũng |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB207 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-23      | Nguyễn Ngọc Dũng |
| 4040519 | Địa chất công trình                                       | 04 |       | 34    | 4   | 9          | 2       | HNAD503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-23      | Nguyễn Ngọc Dũng |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAB401 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-23      | Nguyễn Ngọc Dũng |
| 4040519 | Địa chất công trình                                       | 05 |       | 51    | 2   | 4          | 2       | HNAA409 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0405-23      | Nguyễn Ngọc Dũng |
|         |                                                           |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0405-23      | Nguyễn Ngọc Dũng |
| 4040519 | Địa chất công trình                                       | 07 |       | 21    | 5   | 6          | 2       | HNAD402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ    |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAB507 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-12      | Nguyễn Thị Nụ    |
| 4040521 | Đất đá xây dựng +TN                                       | 01 |       | 24    | 3   | 2          | 2       | HNAB405 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn     |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAA409 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-02      | Đỗ Minh Toàn     |
| 4040521 | Đất đá xây dựng +TN                                       | 02 |       | 22    | 3   | 8          | 2       | HNAD503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0405-09      | Phạm Minh Tuấn   |
|         |                                                           |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAD402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0405-09      | Phạm Minh Tuấn   |
| 4040529 | Thiết bị khảo sát trong địa chất công trình               | 01 |       | 60    | 7   | 3          | 3       | HNAB404 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0405-21      | Bùi Bình         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4040601 | Địa chất thủy văn đại cương                | 01 |       | 56    | 4   | 1          | 2       | HNAA205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0406-15      | Đào Đức Bằng          |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1          | 2       | HNAA206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0406-15      | Đào Đức Bằng          |
| 4040601 | Địa chất thủy văn đại cương                | 02 |       | 58    | 3   | 6          | 2       | HNAA406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0406-14      | Trần Quang Tuấn       |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAA408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0406-14      | Trần Quang Tuấn       |
| 4040601 | Địa chất thủy văn đại cương                | 03 |       | 25    | 2   | 4          | 2       | HNAB307 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAB401 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
| 4040601 | Địa chất thủy văn đại cương                | 04 |       | 26    | 2   | 10         | 2       | HNAD204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 10         | 2       | HNAB306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
| 4040602 | Thủy văn đại cương                         | 01 |       | 27    | 7   | 9          | 3       | HNBG103 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0406-09      | Vũ Thu Hiền           |
| 4040606 | Cấp nước và xử lý nước cấp                 | 01 |       | 49    | 4   | 4          | 2       | HNBG601 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0406-09      | Vũ Thu Hiền           |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNBG102 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0406-09      | Vũ Thu Hiền           |
| 4040606 | Cấp nước và xử lý nước cấp                 | 02 |       | 28    | 2   | 8          | 2       | HNBG502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-09      | Vũ Thu Hiền           |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 8          | 2       | HNBG507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0406-09      | Vũ Thu Hiền           |
| 4040607 | Thủy địa hóa và nước khoáng                | 01 |       | 34    | 2   | 2          | 2       | HNBG201 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNBG607 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
| 4040607 | Thủy địa hóa và nước khoáng                | 02 |       | 33    | 3   | 6          | 2       | HNBG507 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNBG508 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
| 4040610 | Địa chất thủy văn chuyên môn               | 01 |       | 34    | 3   | 6          | 3       | HNAB203 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAB502 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
| 4040610 | Địa chất thủy văn chuyên môn               | 02 |       | 34    | 3   | 9          | 3       | HNAB506 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAD503 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
| 4040611 | Bảo vệ tài nguyên môi trường nước dưới đất | 01 |       | 20    | 7   | 2          | 3       | HNBG501 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
| 4040612 | Địa chất thủy văn Việt Nam                 | 01 |       | 36    | 3   | 1          | 3       | HNBG102 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNBG103 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**  
**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4040612 | Địa chất thủy văn Việt Nam                    | 02 |       | 32    | 4   | 9       | 3       | HNBG603 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG407 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm        |
| 4040613 | Đánh giá trữ lượng nước dưới đất              | 01 |       | 34    | 3   | 1       | 3       | HNBG606 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB203 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
| 4040613 | Đánh giá trữ lượng nước dưới đất              | 02 |       | 34    | 5   | 9       | 3       | HNBG601 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAB307 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
| 4040616 | Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình | 01 |       | 17    | 2   | 8       | 2       | HNBG101 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-15      | Đào Đức Bằng          |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 11      | 2       | HNBG402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0406-15      | Đào Đức Bằng          |
| 4040616 | Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình | 02 |       | 51    | 2   | 4       | 2       | HNAD503 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAD503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
| 4040616 | Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình | 03 |       | 44    | 3   | 11      | 2       | HNAB502 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 11      | 2       | HNAB205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy  |
| 4040616 | Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình | 04 |       | 51    | 2   | 1       | 2       | HNAD502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-14      | Trần Quang Tuấn       |
|         |                                               |    |       |       | 3   | 1       | 2       | HNAB404 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0406-14      | Trần Quang Tuấn       |
| 4040616 | Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình | 05 |       | 48    | 2   | 6       | 2       | HNAA205 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0406-10      | Nguyễn Bách Thảo      |
| 4040617 | Địa chất thủy văn                             | 01 |       | 56    | 3   | 6       | 3       | HNAB501 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0406-15      | Đào Đức Bằng          |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB306 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0406-15      | Đào Đức Bằng          |
| 4040617 | Địa chất thủy văn                             | 02 |       | 39    | 3   | 9       | 3       | HNAA207 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAD402 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0406-06      | Nguyễn Thị Thanh Thủy |
| 4040617 | Địa chất thủy văn                             | 03 |       | 45    | 3   | 8       | 3       | HNAB207 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0406-14      | Trần Quang Tuấn       |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAB303 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0406-14      | Trần Quang Tuấn       |
| 4040617 | Địa chất thủy văn                             | 04 |       | 40    | 3   | 9       | 3       | HNAB503 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0406-11      | Trần Vũ Long          |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD304 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0406-11      | Trần Vũ Long          |
| 4040617 | Địa chất thủy văn                             | 05 |       | 48    | 3   | 6       | 3       | HNAA409 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0406-11      | Trần Vũ Long          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**

**Bộ môn: Địa chất thủy văn (04 0406)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4040617 | Địa chất thủy văn                                                                 | 05 |       | 48    | 4   | 9          | 3       | HNAD403 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0406-11      | Trần Vũ Long         |
| 4040621 | Các PP điều tra địa chất thủy văn và nghiên cứu động thái, cân bằng nước dưới đất | 01 |       | 43    | 4   | 1          | 3       | HNBG608 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNBG503 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
| 4040621 | Các PP điều tra địa chất thủy văn và nghiên cứu động thái, cân bằng nước dưới đất | 02 |       | 32    | 2   | 9          | 3       | HNBG503 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
|         |                                                                                   |    |       |       | 4   | 6          | 3       | HNBG603 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0406-07      | Dương Thị Thanh Thủy |
| 4040637 | Cơ sở môi trường học                                                              | 01 |       | 18    | 7   | 9          | 3       | HNBG102 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0406-03      | Nguyễn Văn Lâm       |
| 4040702 | Nhiên liệu khoáng                                                                 | 01 |       | 33    | 4   | 11         | 3       | HNAA206 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0407-07      | Nguyễn Văn Lâm       |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 3       | HNAA206 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0407-07      | Nguyễn Văn Lâm       |
| 4040710 | Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất phân bón                                 | 01 |       | 52    | 2   | 4          | 2       | HNBG608 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0407-08      | Phạm Thị Thanh Hiền  |
|         |                                                                                   |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNBG607 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0407-08      | Phạm Thị Thanh Hiền  |
| 4040901 | Các phương pháp nghiên cứu biển                                                   | 01 |       | 25    | 4   | 1          | 3       | HNBG402 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long       |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNBG403 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0401-10      | Hoàng Văn Long       |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                                                   | 01 |       | 14    | 2   | 4          | 2       | HNBG108 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-03      | Nguyễn Quang Phúc    |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNBG201 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-03      | Nguyễn Quang Phúc    |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                                                   | 03 |       | 37    | 2   | 6          | 2       | HNAD503 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-11      | Nguyễn Hà            |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 11         | 2       | HNAB405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-11      | Nguyễn Hà            |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                                                   | 04 |       | 61    | 3   | 4          | 2       | HNAD402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0501-11      | Nguyễn Hà            |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAD403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-11      | Nguyễn Hà            |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                                                   | 05 |       | 59    | 2   | 9          | 2       | HNAA403 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà       |
|         |                                                                                   |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAB206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà       |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                                                   | 06 |       | 61    | 2   | 4          | 2       | HNAA406 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                   | 06 |       | 61    | 4   | 4       | 2       | HNAB206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                   | 07 |       | 41    | 4   | 9       | 2       | HNBG502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà       |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 10      | 2       |         | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-08      | Đinh Thị Lệ Hà       |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                   | 08 |       | 49    | 3   | 6       | 2       | HNAA208 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0501-10      | Lê Đức Tình          |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAD303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-10      | Lê Đức Tình          |
| 4050101 | Cơ sở trắc địa công trình + BTL                   | 09 |       | 33    | 4   | 2       | 2       | HNAA208 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-15      | Trần Thùy Linh       |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA409 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0501-15      | Trần Thùy Linh       |
| 4050104 | Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA    | 02 |       | 68    | 3   | 10      | 3       | HNBG602 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh      |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 10      | 3       | HNBG508 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh      |
| 4050104 | Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA    | 04 |       | 25    | 6   | 11      | 3       | HNBG106 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0501-03      | Nguyễn Quang Phúc    |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAB306 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 03/12/2016 | 0501-03      | Nguyễn Quang Phúc    |
| 4050104 | Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA    | 05 |       | 55    | 6   | 10      | 3       | HNAA308 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh      |
| 4050105 | Trắc địa công trình đường hầm + BTL               | 01 |       | 66    | 2   | 4       | 2       | HNBG508 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-04      | Trần Viết Tuấn       |
|         |                                                   |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-04      | Trần Viết Tuấn       |
| 4050105 | Trắc địa công trình đường hầm + BTL               | 02 |       | 54    | 5   | 4       | 2       | HNAD204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh      |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-09      | Phạm Quốc Khánh      |
| 4050106 | Quan trắc biến dạng công trình                    | 01 |       | 60    | 5   | 10      | 3       | HNAA407 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0501-10      | Lê Đức Tình          |
|         |                                                   |    |       |       | 7   | 3       | 3       | HNBG401 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0501-10      | Lê Đức Tình          |
| 4050106 | Quan trắc biến dạng công trình                    | 02 |       | 25    | 7   | 9       | 3       | HNAB306 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0501-14      | Nguyễn Thị Kim Thanh |
| 4050107 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA | 01 |       | 51    | 2   | 6       | 2       | HNBG502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |
|         |                                                   |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNBG507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |
| 4050107 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA | 02 |       | 35    | 2   | 4       | 2       | HNBG602 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-14      | Nguyễn Thị Kim Thanh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4050107 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA | 02 |       | 35    | 6   | 4       | 2       | HNBG503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-14      | Nguyễn Thị Kim Thanh |
| 4050107 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA | 03 |       | 58    | 2   | 4       | 2       | HNBG601 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-15      | Trần Thùy Linh       |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG408 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-15      | Trần Thùy Linh       |
| 4050107 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA | 04 |       | 36    | 2   | 9       | 2       | HNBG408 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-14      | Nguyễn Thị Kim Thanh |
|         |                                                   |    |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-14      | Nguyễn Thị Kim Thanh |
| 4050107 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA | 05 |       | 60    | 2   | 2       | 2       | HNBG603 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |
|         |                                                   |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNBG603 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |
| 4050107 | Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA | 06 |       | 56    | 3   | 12      | 2       | HNAA304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAB203 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-06      | Hoàng Thị Minh Hương |
| 4050111 | Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL  | 01 |       | 61    | 3   | 10      | 2       | HNBG501 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà       |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNBG501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà       |
| 4050111 | Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL  | 02 |       | 61    | 4   | 4       | 2       | HNBG507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0501-01      | Trần Khánh           |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNBG506 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0501-01      | Trần Khánh           |
| 4050111 | Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL  | 03 |       | 61    | 3   | 4       | 2       | HNBG601 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà       |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG506 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà       |
| 4050111 | Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL  | 04 |       | 59    | 3   | 8       | 2       | HNBG508 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0501-01      | Trần Khánh           |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG508 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0501-01      | Trần Khánh           |
| 4050111 | Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL  | 05 |       | 60    | 3   | 2       | 2       | HNBG601 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà       |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG602 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0501-07      | Nguyễn Việt Hà       |
| 4050113 | Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đô thị               | 01 |       | 15    | 2   | 6       | 3       | HNAA207 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0501-04      | Trần Viết Tuấn       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa công trình (05 0501)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4050113 | Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đô thị                | 01 |       | 15    | 5   | 1       | 3       | HNBG104 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0501-04      | Trần Viết Tuấn   |
| 4050201 | Trắc địa cao cấp đại cương                         | 01 |       | 25    | 2   | 8       | 3       | HNAB204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0502-11      | Lê Thị Thanh Tâm |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAD403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0502-11      | Lê Thị Thanh Tâm |
| 4050201 | Trắc địa cao cấp đại cương                         | 02 |       | 60    | 2   | 9       | 3       | HNBG305 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0502-13      | Vũ Văn Trí       |
|         |                                                    |    |       |       | 5   | 10      | 3       | HNAB405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0502-13      | Vũ Văn Trí       |
| 4050201 | Trắc địa cao cấp đại cương                         | 03 |       | 60    | 4   | 10      | 3       | HNAB307 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0502-13      | Vũ Văn Trí       |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNAD204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0502-13      | Vũ Văn Trí       |
| 4050201 | Trắc địa cao cấp đại cương                         | 05 |       | 73    | 2   | 6       | 3       | HNAA407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
|         |                                                    |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB505 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0502-08      | Dương Văn Phong  |
| 4050201 | Trắc địa cao cấp đại cương                         | 06 |       | 61    | 3   | 1       | 3       | HNAB206 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0502-10      | Lê Minh Tá       |
|         |                                                    |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA407 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0502-10      | Lê Minh Tá       |
| 4050201 | Trắc địa cao cấp đại cương                         | 07 |       | 26    | 4   | 10      | 3       | HNAB405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0502-11      | Lê Thị Thanh Tâm |
|         |                                                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAD304 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0502-11      | Lê Thị Thanh Tâm |
| 4050202 | Xây dựng lưới trắc địa                             | 01 |       | 18    | 7   | 2       | 4       | HNAB505 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0502-11      | Lê Thị Thanh Tâm |
| 4050203 | Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL | 02 |       | 57    | 3   | 8       | 2       | HNBG507 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                    |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG507 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
| 4050203 | Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL | 03 |       | 61    | 3   | 2       | 2       | HNBG603 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
|         |                                                    |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG606 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0502-09      | Nguyễn Văn Sáng  |
| 4050203 | Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL | 04 |       | 62    | 2   | 2       | 2       | HNBG601 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
|         |                                                    |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNBG508 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng |
| 4050203 | Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL | 05 |       | 63    | 3   | 6       | 2       | HNBG601 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0502-19      | Nguyễn Văn Lâm   |
|         |                                                    |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG601 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0502-19      | Nguyễn Văn Lâm   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa cao cấp (05 0502)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4050203 | Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL                             | 06 |       | 60    | 2   | 4       | 2       | HNBG603 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0502-01      | Đặng Nam Chính    |
|         |                                                                                |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG602 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0502-01      | Đặng Nam Chính    |
| 4050204 | Trắc địa lý thuyết + BTL                                                       | 01 |       | 62    | 2   | 12      | 2       | HNBG403 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0502-10      | Lê Minh Tá        |
|         |                                                                                |    |       |       | 7   | 4       | 2       | HNBG403 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0502-10      | Lê Minh Tá        |
| 4050206 | Trắc địa mặt cầu + BTL                                                         | 01 |       | 21    | 4   | 10      | 3       | HNAB203 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0502-19      | Nguyễn Văn Lâm    |
| 4050206 | Trắc địa mặt cầu + BTL                                                         | 02 |       | 17    | 5   | 11      | 3       | HNBG104 | 03/11/2016 - 05/01/2017                            | 0502-18      | Kim Thị Thu Hương |
| 4050209 | Đo trọng lực                                                                   | 01 |       | 32    | 7   | 1       | 3       | HNBG403 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0502-10      | Lê Minh Tá        |
| 4050211 | Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mô- công trình, Tin trắc địa) | 01 |       | 60    | 6   | 3       | 3       | HNBG103 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0502-17      | Phạm Ngọc Quang   |
| 4050211 | Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mô- công trình, Tin trắc địa) | 02 |       | 56    | 4   | 9       | 3       | HNAA305 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0502-17      | Phạm Ngọc Quang   |
|         |                                                                                |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA304 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0502-17      | Phạm Ngọc Quang   |
| 4050211 | Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mô- công trình, Tin trắc địa) | 03 |       | 57    | 7   | 6       | 3       | HNAB202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0502-14      | Nguyễn Gia Trọng  |
| 4050301 | Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)                                                | 01 |       | 16    | 2   | 9       | 3       | HNAA208 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0503-17      | Lê Thanh Nghị     |
|         |                                                                                |    |       |       | 3   | 12      | 2       | HNAA208 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0503-17      | Lê Thanh Nghị     |
|         |                                                                                |    |       |       | 4   | 11      | 3       | HNAB207 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0503-17      | Lê Thanh Nghị     |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám                                                                | 01 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAA308 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0503-06      | Phạm Hà Thái      |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám                                                                | 02 |       | 65    | 3   | 6       | 3       | HNAD403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0503-06      | Phạm Hà Thái      |
|         |                                                                                |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB207 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0503-06      | Phạm Hà Thái      |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám                                                                | 03 |       | 61    | 3   | 10      | 3       | HNAD302 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0503-06      | Phạm Hà Thái      |
|         |                                                                                |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNAD202 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0503-06      | Phạm Hà Thái      |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám                                                                | 04 |       | 60    | 2   | 9       | 3       | HNBG403 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0503-06      | Phạm Hà Thái      |
|         |                                                                                |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG408 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0503-06      | Phạm Hà Thái      |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám                                                                | 05 |       | 64    | 2   | 1       | 3       | HNBG602 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0503-18      | Nguyễn Minh Hải   |
|         |                                                                                |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG602 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0503-18      | Nguyễn Minh Hải   |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám                                                                | 06 |       | 61    | 4   | 3       | 3       | HNBG506 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0503-17      | Lê Thanh Nghị     |
|         |                                                                                |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG503 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0503-17      | Lê Thanh Nghị     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**  
**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4050302 | Cơ sở viễn thám            | 07 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNBG503 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0503-18      | Nguyễn Minh Hải    |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG508 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0503-18      | Nguyễn Minh Hải    |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám            | 08 |       | 62    | 3   | 9       | 3       | HNBG601 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0503-17      | Lê Thanh Nghị      |
|         |                            |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG506 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0503-17      | Lê Thanh Nghị      |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám            | 09 |       | 61    | 3   | 6       | 3       | HNAD403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
|         |                            |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD403 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám            | 10 |       | 62    | 7   | 6       | 3       | HNAA203 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0503-17      | Lê Thanh Nghị      |
| 4050302 | Cơ sở viễn thám            | 11 |       | 62    | 2   | 11      | 3       | HNBG507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0503-05      | Trần Trung Anh     |
| 4050303 | Cơ sở đo ảnh + BTL         | 01 |       | 50    | 3   | 10      | 2       | HNAD303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
|         |                            |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB506 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
| 4050303 | Cơ sở đo ảnh + BTL         | 02 |       | 27    | 2   | 4       | 2       | HNAA208 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0503-18      | Nguyễn Minh Hải    |
|         |                            |    |       |       | 3   | 8       | 2       | HNAB204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0503-18      | Nguyễn Minh Hải    |
| 4050303 | Cơ sở đo ảnh + BTL         | 03 |       | 71    | 4   | 9       | 2       | HNAB305 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0503-17      | Lê Thanh Nghị      |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA408 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0503-17      | Lê Thanh Nghị      |
| 4050303 | Cơ sở đo ảnh + BTL         | 04 |       | 59    | 3   | 4       | 2       | HNAA404 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
|         |                            |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA404 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0503-19      | Phạm Thị Thanh Hòa |
| 4050306 | Công nghệ đo ảnh + ĐA      | 01 |       | 31    | 4   | 1       | 3       | HNAA206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0503-10      | Trần Thanh Hà      |
|         |                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0503-10      | Trần Thanh Hà      |
| 4050308 | Đoán đọc và điều vẽ ảnh    | 01 |       | 62    | 4   | 9       | 3       | HNBG603 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0503-05      | Trần Trung Anh     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNBG201 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0503-05      | Trần Trung Anh     |
| 4050311 | Xử lý số tư liệu viễn thám | 01 |       | 44    | 2   | 6       | 3       | HNBG608 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG106 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
| 4050319 | Sử dụng phần mềm GIS       | 01 |       | 45    | 2   | 9       | 2       | HNBG601 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0503-04      | Trần Văn Anh       |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG201 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0503-04      | Trần Văn Anh       |
| 4050320 | Cơ sở kỹ thuật Lidar       | 01 |       | 46    | 2   | 6       | 3       | HNBG602 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0503-02      | Trần Đình Trí      |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG301 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0503-02      | Trần Đình Trí      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám (05 0503)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng    | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|----------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4050328 | Kỹ thuật lập trình GIS + BTL              | 01 |       | 24    | 3   | 1          | 2       | HNAB201  | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0503-04      | Trần Văn Anh         |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAB203  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0503-04      | Trần Văn Anh         |
| 4050329 | GIS ứng dụng                              | 01 |       | 25    | 2   | 4          | 2       | HNAA306  | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung     |
|         |                                           |    |       |       | 3   | 7          | 2       |          | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung     |
| 4050330 | GIS mã nguồn mở + BTL                     | 01 |       | 23    | 5   | 4          | 2       | HNABG606 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0503-04      | Trần Văn Anh         |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNABG101 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0503-04      | Trần Văn Anh         |
| 4050401 | Trắc địa cơ sở 1 + BTL                    | 02 |       | 61    | 4   | 1          | 3       | HNAB404  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0504-14      | Lê Ngọc Giang        |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNAB306  | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0504-14      | Lê Ngọc Giang        |
| 4050401 | Trắc địa cơ sở 1 + BTL                    | 03 |       | 38    | 2   | 9          | 3       | HNAA303  | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0504-12      | Lã Phú Hiến          |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 9          | 3       | HNAA308  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0504-12      | Lã Phú Hiến          |
| 4050401 | Trắc địa cơ sở 1 + BTL                    | 04 |       | 53    | 2   | 3          | 3       | HNAA305  | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy       |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 3          | 3       | HNAA402  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy       |
| 4050401 | Trắc địa cơ sở 1 + BTL                    | 05 |       | 57    | 4   | 11         | 3       | HNAA307  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0504-02      | Đinh Công Hòa        |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 10         | 3       | HNAA307  | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0504-02      | Đinh Công Hòa        |
| 4050401 | Trắc địa cơ sở 1 + BTL                    | 06 |       | 41    | 4   | 6          | 3       | HNAB404  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0504-08      | Nguyễn Thị Thu Hương |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNAD203  | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0504-08      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 4050401 | Trắc địa cơ sở 1 + BTL                    | 07 |       | 17    | 7   | 1          | 5       | HNAA408  | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0504-08      | Nguyễn Thị Thu Hương |
| 4050402 | Trắc địa cơ sở 2 + ĐA                     | 01 |       | 37    | 4   | 4          | 2       | HNAA409  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0504-14      | Lê Ngọc Giang        |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB405  | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0504-14      | Lê Ngọc Giang        |
| 4050403 | Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình | 01 |       | 57    | 5   | 1          | 3       | HNAB203  | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0504-12      | Lã Phú Hiến          |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNAB201  | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0504-12      | Lã Phú Hiến          |
| 4050403 | Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình | 02 |       | 59    | 4   | 11         | 3       | HNABG305 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0504-14      | Lê Ngọc Giang        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa phổ thông (05 0504)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4050403 | Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình | 02 |       | 59    | 7   | 9       | 3       | HNAB201 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0504-14      | Lê Ngọc Giang     |
| 4050403 | Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình | 03 |       | 28    | 5   | 3       | 3       | HNBG205 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0504-07      | Dương Thành Trung |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAB203 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0504-07      | Dương Thành Trung |
| 4050404 | Lý thuyết sai số + BTL                    | 01 |       | 64    | 3   | 4       | 2       | HNAB405 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0504-15      | Phạm Thanh Thảo   |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA409 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0504-15      | Phạm Thanh Thảo   |
| 4050405 | Xử lý số liệu trắc địa + BTL              | 01 |       | 70    | 3   | 6       | 3       | HNAB206 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0504-10      | Lưu Anh Tuấn      |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB305 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0504-10      | Lưu Anh Tuấn      |
| 4050405 | Xử lý số liệu trắc địa + BTL              | 02 |       | 62    | 2   | 1       | 3       | HNAA308 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB206 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0504-03      | Nguyễn Quang Minh |
| 4050405 | Xử lý số liệu trắc địa + BTL              | 03 |       | 18    | 3   | 11      | 3       | HNBG104 | 01/11/2016 - 03/01/2017                            | 0504-07      | Dương Thành Trung |
| 4050407 | Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL   | 01 |       | 17    | 7   | 2       | 4       |         | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0504-02      | Đình Công Hòa     |
| 4050408 | Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL      | 01 |       | 44    | 3   | 6       | 2       | HNBG508 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy    |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG506 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy    |
| 4050408 | Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL      | 02 |       | 61    | 3   | 4       | 2       | HNBG602 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0504-02      | Đình Công Hòa     |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG507 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0504-02      | Đình Công Hòa     |
| 4050408 | Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL      | 03 |       | 55    | 3   | 2       | 2       | HNBG602 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0504-02      | Đình Công Hòa     |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG603 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0504-02      | Đình Công Hòa     |
| 4050408 | Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL      | 04 |       | 59    | 3   | 10      | 2       | HNBG503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy    |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNBG503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy    |
| 4050408 | Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL      | 05 |       | 61    | 3   | 4       | 2       | HNBG603 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy    |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG602 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy    |
| 4050408 | Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL      | 06 |       | 45    | 4   | 8       | 2       | HNAA405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0504-02      | Đình Công Hòa     |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0504-02      | Đình Công Hòa     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa phổ thông (05 0504)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4050408 | Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL                          | 07 |       | 16    | 2   | 12      | 2       | HNAA207 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0504-12      | Lê Phú Hiến      |
|         |                                                               |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAB203 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0504-12      | Lê Phú Hiến      |
| 4050409 | Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới | 01 |       | 61    | 5   | 6       | 3       | HNBG506 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy   |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNBG506 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0504-06      | Hoàng Thị Thủy   |
| 4050409 | Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới | 02 |       | 49    | 6   | 11      | 3       | HNBG205 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0504-15      | Phạm Thanh Thạo  |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNBG401 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0504-15      | Phạm Thanh Thạo  |
| 4050503 | Trắc địa mô hình                                              | 01 |       | 54    | 4   | 6       | 3       | HNBG503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0505-02      | Nguyễn Xuân Thụy |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0505-02      | Nguyễn Xuân Thụy |
| 4050507 | Tin học ứng dụng trong trắc địa mô                            | 01 |       | 53    | 7   | 3       | 3       | HNAA307 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0505-10      | Phạm Văn Chung   |
| 4050508 | Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa mô                            | 01 |       | 59    | 3   | 6       | 3       | HNBG407 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
|         |                                                               |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG502 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long |
| 4050509 | Kỹ thuật môi trường                                           | 01 |       | 69    | 7   | 9       | 3       | HNAD303 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0505-09      | Phạm Thị Làn     |
| 4050509 | Kỹ thuật môi trường                                           | 02 |       | 69    | 7   | 2       | 3       | HNBG607 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0505-09      | Phạm Thị Làn     |
| 4050509 | Kỹ thuật môi trường                                           | 03 |       | 93    | 5   | 11      | 3       | HNBG202 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 12      | 2       | HNBG202 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |
| 4050510 | Trắc địa phổ thông + TT                                       | 01 |       | 22    | 3   | 9       | 2       | HNBG103 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0505-11      | Lê Văn Cảnh      |
|         |                                                               |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNBG102 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0505-11      | Lê Văn Cảnh      |
| 4050511 | Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS Mô địa chất                        | 01 |       | 20    | 7   | 1       | 3       |         | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0505-04      | Phạm Công Khải   |
| 4050512 | Cơ sở toán học mô hình hóa khoáng sản                         | 01 |       | 19    | 7   | 6       | 3       |         | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0505-04      | Phạm Công Khải   |
| 4050513 | Quy hoạch và quản lý môi trường                               | 01 |       | 58    | 3   | 10      | 3       | HNBG108 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |
|         |                                                               |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNBG503 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |
| 4050513 | Quy hoạch và quản lý môi trường                               | 02 |       | 67    | 2   | 9       | 3       | HNAD202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0505-09      | Phạm Thị Làn     |
| 4050514 | Quan trắc môi trường                                          | 01 |       | 24    | 2   | 11      | 3       | HNBG408 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |
|         |                                                               |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNBG401 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0505-05      | Lê Thị Thu Hà    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Trắc địa mỏ (05 0505)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|----------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4050515 | Bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản | 01 |       | 24    | 3   | 10      | 3       | HNBG507 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0505-09      | Phạm Thị Làn      |
|         |                                        |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG403 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0505-09      | Phạm Thị Làn      |
| 4050521 | Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ      | 01 |       | 53    | 3   | 1       | 3       | HNAD403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD403 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
| 4050521 | Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ      | 02 |       | 35    | 3   | 6       | 3       | HNAB401 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA208 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0505-04      | Phạm Công Khải    |
| 4050521 | Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ      | 03 |       | 37    | 2   | 8       | 3       | HNAB405 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0505-03      | Vương Trọng Kha   |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAB405 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0505-03      | Vương Trọng Kha   |
| 4050521 | Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ      | 04 |       | 37    | 3   | 6       | 3       | HNAB401 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng      |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAD402 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng      |
| 4050521 | Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ      | 05 |       | 48    | 2   | 9       | 3       | HNAA405 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB501 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
| 4050526 | Trắc địa đại cương                     | 01 |       | 60    | 4   | 9       | 3       | HNAB303 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0505-03      | Vương Trọng Kha   |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB507 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0505-03      | Vương Trọng Kha   |
| 4050526 | Trắc địa đại cương                     | 02 |       | 62    | 2   | 3       | 3       | HNBG507 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0505-11      | Lê Văn Cảnh       |
|         |                                        |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG508 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0505-11      | Lê Văn Cảnh       |
| 4050526 | Trắc địa đại cương                     | 03 |       | 59    | 3   | 9       | 3       | HNBG506 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG502 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0505-07      | Nguyễn Quốc Long  |
| 4050526 | Trắc địa đại cương                     | 04 |       | 61    | 3   | 1       | 3       | HNAA403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB305 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0505-10      | Phạm Văn Chung    |
| 4050526 | Trắc địa đại cương                     | 05 |       | 60    | 4   | 6       | 3       | HNAB207 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng      |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB505 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0505-08      | Võ Ngọc Dũng      |
| 4050526 | Trắc địa đại cương                     | 06 |       | 67    | 7   | 6       | 3       | HNAB507 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0505-11      | Lê Văn Cảnh       |
| 4050601 | Địa chính đại cương                    | 01 |       | 22    | 2   | 6       | 3       | HNBG606 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0506-09      | Phạm Thị Kim Thoa |
|         |                                        |    |       |       | 3   | 6       | 3       | HNBG107 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0506-09      | Phạm Thị Kim Thoa |
| 4050601 | Địa chính đại cương                    | 02 |       | 38    | 2   | 3       | 3       | HNAB506 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0506-05      | Trần Đình Thành   |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB506 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0506-05      | Trần Đình Thành   |
| 4050602 | Kỹ thuật lập trình trong trắc địa      | 01 |       | 32    | 7   | 11      | 3       | HNBG104 | 05/11/2016 - 07/01/2017                            | 0506-14      | Phùng Minh Sơn    |
| 4050603 | Kỹ thuật thành lập bản đồ số           | 01 |       | 60    | 2   | 1       | 2       | HNBG506 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0506-08      | Phạm Thế Huỳnh    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4050603 | Kỹ thuật thành lập bản đồ số              | 01 |       | 60    | 4   | 4       | 2       | HNBG502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
| 4050603 | Kỹ thuật thành lập bản đồ số              | 02 |       | 69    | 3   | 8       | 2       | HNBG503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
| 4050605 | Đồ họa vi tính                            | 01 |       | 62    | 3   | 1       | 3       | HNAB503 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0506-14      | Phùng Minh Sơn     |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB305 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0506-14      | Phùng Minh Sơn     |
| 4050607 | Định giá bất động sản + BTL               | 01 |       | 12    | 4   | 4       | 2       | HNAA204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA203 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
| 4050607 | Định giá bất động sản + BTL               | 03 |       | 25    | 2   | 9       | 2       | HNAB203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 12      | 2       | HNAA403 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga |
| 4050608 | Cơ sở quy hoạch và quản lý lãnh thổ + BTL | 01 |       | 17    | 2   | 12      | 2       | HNAB404 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0506-13      | Trần Xuân Miễn     |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 11      | 3       | HNAB401 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0506-13      | Trần Xuân Miễn     |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAB405 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0506-13      | Trần Xuân Miễn     |
| 4050609 | Đo đạc địa chính 1 + ĐA                   | 01 |       | 60    | 3   | 6       | 2       | HNAB303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0506-08      | Phạm Thế Huynh     |
| 4050609 | Đo đạc địa chính 1 + ĐA                   | 02 |       | 40    | 3   | 4       | 2       | HNAB204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA208 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0506-12      | Đinh Hải Nam       |
| 4050611 | Luật và quản lý nhà nước về đất đai       | 01 |       | 60    | 2   | 3       | 3       | HNBG506 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung    |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG502 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung    |
| 4050611 | Luật và quản lý nhà nước về đất đai       | 02 |       | 68    | 2   | 9       | 3       | HNBG406 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung    |
|         |                                           |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG408 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung    |
| 4050612 | Quy hoạch sử dụng đất + ĐA                | 01 |       | 41    | 3   | 4       | 2       | HNAA205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0506-06      | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 4050613 | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính          | 01 |       | 62    | 3   | 1       | 3       | HNBG506 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0506-05      | Trần Đình Thành    |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG507 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0506-05      | Trần Đình Thành    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4050613 | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính                    | 02 |       | 70    | 2   | 6       | 3       | HNBG501 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |
|         |                                                     |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG502 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |
| 4050613 | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính                    | 03 |       | 61    | 7   | 6       | 3       | HNAD304 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0506-05      | Trần Đình Thành   |
| 4050613 | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính                    | 04 |       | 24    | 2   | 6       | 2       | HNAB205 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0506-05      | Trần Đình Thành   |
|         |                                                     |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG104 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0506-05      | Trần Đình Thành   |
| 4050614 | Thị trường bất động sản                             | 02 |       | 25    | 7   | 6       | 3       | HNBG201 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0506-09      | Phạm Thị Kim Thoa |
| 4050615 | Hệ thống thông tin đất đai 1                        | 01 |       | 61    | 4   | 2       | 2       | HNBG507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0506-03      | Trần Thùy Dương   |
|         |                                                     |    |       |       | 6   | 1       | 2       | HNBG502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0506-03      | Trần Thùy Dương   |
| 4050615 | Hệ thống thông tin đất đai 1                        | 02 |       | 70    | 3   | 6       | 2       | HNBG506 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0506-03      | Trần Thùy Dương   |
|         |                                                     |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0506-03      | Trần Thùy Dương   |
| 4050616 | Quản lý bất động sản                                | 01 |       | 40    | 4   | 9       | 3       | HNAA305 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung   |
|         |                                                     |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA306 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung   |
| 4050616 | Quản lý bất động sản                                | 03 |       | 24    | 7   | 2       | 3       | HNBG201 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung   |
| 4050619 | Đăng ký thống kê đất                                | 02 |       | 24    | 7   | 9       | 3       | HNBG201 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0506-12      | Đinh Hải Nam      |
| 4050620 | Bản đồ chuyên đề trong quản lý đất đai              | 02 |       | 24    | 6   | 11      | 3       |         | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0506-13      | Trần Xuân Miến    |
| 4050621 | Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai | 01 |       | 57    | 3   | 1       | 3       | HNAA303 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
|         |                                                     |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA206 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
| 4050621 | Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai | 02 |       | 21    | 7   | 3       | 3       | HNAA203 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
| 4050621 | Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai | 03 |       | 24    | 2   | 3       | 3       | HNAB203 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
|         |                                                     |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAD203 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0506-07      | Nguyễn Thế Công   |
| 4050623 | Hệ thống thông tin đất đai 2                        | 01 |       | 70    | 3   | 9       | 3       | HNAA303 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0506-03      | Trần Thùy Dương   |
|         |                                                     |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA305 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0506-03      | Trần Thùy Dương   |
| 4050625 | Thanh tra đất đai                                   | 01 |       | 39    | 3   | 9       | 3       | HNAA206 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung   |
|         |                                                     |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA305 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Địa chính (05 0506)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4050625 | Thanh tra đất đai                            | 02 |       | 19    | 7   | 9       | 3       | HNAD203 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung     |
| 4050625 | Thanh tra đất đai                            | 03 |       | 24    | 3   | 12      | 2       | HNAA306 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0506-04      | Nguyễn Thị Dung     |
| 4050626 | Quản lý tài chính đất đai                    | 01 |       | 62    | 3   | 1       | 3       | HNAA203 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga  |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA203 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga  |
| 4050626 | Quản lý tài chính đất đai                    | 02 |       | 21    | 2   | 11      | 3       | HNAB203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0506-10      | Đặng Thị Hoàng Nga  |
| 4050701 | Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA               | 01 |       | 23    | 7   | 6       | 5       | HNAA402 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0507-08      | Trần Thị Tuyết Vinh |
| 4050701 | Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA               | 02 |       | 20    | 5   | 12      | 2       | HNAA402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0507-13      | Nguyễn Danh Đức     |
|         |                                              |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAB203 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0507-13      | Nguyễn Danh Đức     |
| 4050701 | Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA               | 03 |       | 26    | 4   | 11      | 3       | HNBG104 | 02/11/2016 - 04/01/2017                            | 0507-05      | Trần Quỳnh An       |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 11      | 2       | HNBG104 | 04/11/2016 - 06/01/2017                            | 0507-05      | Trần Quỳnh An       |
| 4050702 | Địa lý tự nhiên                              | 01 |       | 44    | 2   | 4       | 2       | HNAD403 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi      |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAD503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi      |
| 4050703 | Địa lý kinh tế xã hội                        | 01 |       | 62    | 3   | 6       | 3       | HNAA205 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi      |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB306 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi      |
| 4050706 | Bản đồ địa lý chung 1                        | 01 |       | 35    | 2   | 9       | 3       | HNBG506 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý        |
|         |                                              |    |       |       | 3   | 9       | 3       | HNBG506 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý        |
| 4050707 | Bản đồ chuyên đề + ĐA                        | 01 |       | 39    | 4   | 6       | 2       | HNBG107 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo  |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo  |
| 4050709 | Trình bày bản đồ 1                           | 01 |       | 37    | 4   | 8       | 3       | HNBG305 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0507-08      | Trần Thị Tuyết Vinh |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNBG205 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0507-08      | Trần Thị Tuyết Vinh |
| 4050712 | Cơ sở dữ liệu GIS                            | 01 |       | 36    | 6   | 2       | 2       | HNAF209 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi      |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAF209 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi      |
| 4050713 | Internet – GIS                               | 01 |       | 34    | 4   | 2       | 2       | HNAF209 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý        |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAF209 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý        |
| 4050714 | ứng dụng GIS trong biên tập thành lập Bản đồ | 01 |       | 34    | 2   | 4       | 2       | HNAF209 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0507-05      | Trần Quỳnh An       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai**

**Bộ môn: Bản đồ (05 0507)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|-------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4050714 | ứng dụng GIS trong biên tập thành lập Bđô                   | 01 |       | 34    | 7   | 4       | 2       | HNAF209 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0507-05      | Trần Quỳnh An      |
| 4050715 | ứng dụng tư liệu viễn thám trong thành lập bản đồ chuyên đề | 01 |       | 34    | 3   | 2       | 2       | HNAF209 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
|         |                                                             |    |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAF209 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 4050718 | ứng dụng GIS hỗ trợ ra quyết định                           | 01 |       | 34    | 5   | 2       | 2       | HNAF209 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
|         |                                                             |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAF209 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0507-06      | Bùi Ngọc Quý       |
| 4050720 | Sử dụng phần mềm GIS                                        | 01 |       | 34    | 2   | 2       | 2       | HNAF209 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi     |
|         |                                                             |    |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAF209 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0507-12      | Nguyễn Văn Lợi     |
| 4050727 | ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ         | 01 |       | 54    | 2   | 9       | 3       | HNBG301 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0507-05      | Trần Quỳnh An      |
|         |                                                             |    |       |       | 3   | 9       | 3       | HNBG102 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0507-05      | Trần Quỳnh An      |
| 4050730 | Các phương pháp sử dụng bản đồ                              | 01 |       | 29    | 7   | 1       | 3       | HNAB203 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0507-05      | Trần Quỳnh An      |
| 4050730 | Các phương pháp sử dụng bản đồ                              | 02 |       | 60    | 7   | 6       | 3       | HNAD403 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0507-04      | Đỗ Thị Phương Thảo |
| 4050731 | Công nghệ vẽ bản đồ                                         | 01 |       | 30    | 3   | 9       | 3       | HNAB202 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0507-13      | Nguyễn Danh Đức    |
|         |                                                             |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB202 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0507-13      | Nguyễn Danh Đức    |
| 4050813 | Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa                             | 01 |       | 62    | 2   | 9       | 3       | HNBG102 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                                             |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNBG107 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
| 4050813 | Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa                             | 02 |       | 46    | 3   | 10      | 3       | HNBG606 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                                             |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNBG602 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
| 4050813 | Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa                             | 03 |       | 63    | 3   | 1       | 3       | HNBG607 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
|         |                                                             |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD403 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
| 4050813 | Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa                             | 04 |       | 30    | 2   | 11      | 3       | HNBG104 | 31/10/2016 - 02/01/2017                            | 0503-15      | Nguyễn Văn Trung   |
| 4060101 | Địa vật lý đại cương + TT                                   | 01 |       | 18    | 3   | 11      | 2       | HNBG408 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung   |
|         |                                                             |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG106 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung   |
| 4060102 | Lý thuyết trường + BTL                                      | 01 |       | 44    | 4   | 6       | 3       | HNAA206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0601-17      | Trương Thị Chinh   |
|         |                                                             |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0601-17      | Trương Thị Chinh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Địa vật lý (06 0601)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4060104 | Thăm dò điện khoáng sản và môi trường + ĐA                 | 01 |       | 22    | 2   | 10      | 2       | HNAB501 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên    |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAA205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên    |
| 4060116 | Thăm dò phóng xạ khoáng sản và môi trường + ĐA             | 01 |       | 22    | 2   | 8       | 2       | HNAA204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0601-02      | Lê Khánh Phồn     |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNAA205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0601-02      | Lê Khánh Phồn     |
| 4060117 | Thăm dò địa chấn                                           | 01 |       | 64    | 3   | 4       | 2       | HNBG406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung  |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG406 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung  |
| 4060118 | Xử lý số liệu địa chấn + ĐA                                | 01 |       | 34    | 2   | 6       | 2       | HNAA204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0601-11      | Nguyễn Thanh Tùng |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0601-11      | Nguyễn Thanh Tùng |
| 4060119 | Địa chấn địa tầng + BTL                                    | 01 |       | 34    | 4   | 10      | 2       | HNAA205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0601-09      | Phan Thiên Hương  |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0601-09      | Phan Thiên Hương  |
| 4060120 | Thăm dò địa chấn khoáng sản và môi trường + BTL            | 01 |       | 22    | 4   | 6       | 2       | HNAA204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0601-09      | Phan Thiên Hương  |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0601-09      | Phan Thiên Hương  |
| 4060121 | Địa vật lý giếng khoan + TH                                | 01 |       | 43    | 3   | 6       | 2       | HNBG606 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung  |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG608 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung  |
| 4060121 | Địa vật lý giếng khoan + TH                                | 02 |       | 61    | 3   | 2       | 2       | HNBG407 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung  |
|         |                                                            |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0601-18      | Trần Quang Trung  |
| 4060123 | Địa vật lý giếng khoan dầu khí + ĐA                        | 01 |       | 35    | 4   | 8       | 2       | HNAA205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0601-05      | Lê Hải An         |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0601-05      | Lê Hải An         |
| 4060125 | Địa vật lý biển                                            | 01 |       | 34    | 3   | 9       | 3       | HNAA205 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0601-11      | Nguyễn Thanh Tùng |
|         |                                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA204 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0601-11      | Nguyễn Thanh Tùng |
| 4060126 | Tổ hợp các phương pháp địa vật lý khoáng sản và môi trường | 01 |       | 22    | 6   | 1       | 3       | HNAA203 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên    |
|         |                                                            |    |       |       | 7   | 2       | 3       | HNAA407 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

**Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)**

| Mã MH   | Tên môn học                                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4060130 | Kĩ thuật số và máy địa vật lý                  | 01 |       | 42    | 4   | 10         | 3       | HNAA203 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-15      | Thái Hải Âu          |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 10         | 3       | HNAA203 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-15      | Thái Hải Âu          |
| 4060132 | Tin học ứng dụng trong địa vật lý              | 01 |       | 37    | 7   | 6          | 4       | HNAB506 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0601-17      | Trương Thị Chinh     |
| 4060142 | Địa vật lý đại cương                           | 01 |       | 60    | 4   | 3          | 3       | HNAA406 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0601-16      | Phan Thị Hồng        |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 3          | 3       | HNAA403 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0601-16      | Phan Thị Hồng        |
| 4060142 | Địa vật lý đại cương                           | 02 |       | 70    | 3   | 9          | 3       | HNAA403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0601-16      | Phan Thị Hồng        |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNAA404 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0601-16      | Phan Thị Hồng        |
| 4060142 | Địa vật lý đại cương                           | 03 |       | 61    | 2   | 9          | 3       | HNAB303 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0601-16      | Phan Thị Hồng        |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNAD503 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0601-16      | Phan Thị Hồng        |
| 4060142 | Địa vật lý đại cương                           | 04 |       | 61    | 3   | 6          | 3       | HNAD502 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0601-17      | Trương Thị Chinh     |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAA208 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0601-17      | Trương Thị Chinh     |
| 4060142 | Địa vật lý đại cương                           | 05 |       | 60    | 2   | 1          | 3       | HNBG602 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0601-17      | Trương Thị Chinh     |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNBG503 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0601-17      | Trương Thị Chinh     |
| 4060142 | Địa vật lý đại cương                           | 06 |       | 60    | 2   | 1          | 3       | HNBG607 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên       |
|         |                                                |    |       |       | 3   | 9          | 3       | HNBG407 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên       |
| 4060144 | Thăm dò điện 2                                 | 01 |       | 56    | 4   | 1          | 3       | HNBG408 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên       |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNBG406 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0601-19      | Phạm Ngọc Kiên       |
| 4060201 | Trầm tích, tướng đá, cổ địa lý + TH            | 01 |       | 48    | 2   | 4          | 2       | HNAD402 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0602-10      | Nguyễn Duy Mười      |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAD502 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0602-10      | Nguyễn Duy Mười      |
| 4060203 | Địa chất dầu khí 1                             | 01 |       | 65    | 4   | 4          | 2       | HNAA208 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
|         |                                                |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAD402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
| 4060206 | Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí | 01 |       | 60    | 2   | 1          | 3       | HNBG301 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0602-10      | Nguyễn Duy Mười      |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG201 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0602-10      | Nguyễn Duy Mười      |
| 4060206 | Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí | 02 |       | 53    | 2   | 6          | 3       | HNBG602 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
|         |                                                |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNBG506 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
| 4060207 | Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí 1     | 01 |       | 38    | 2   | 9          | 3       | HNBG406 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Địa chất dầu (06 0602)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4060207 | Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí 1    | 01 |       | 38    | 4   | 6       | 3       | HNBG601 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |
| 4060209 | Địa chất dầu khí Việt nam và Thế giới         | 01 |       | 57    | 2   | 1       | 3       | HNBG606 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG305 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
| 4060211 | Thủy động lực mô dầu khí                      | 01 |       | 45    | 3   | 1       | 3       | HNBG107 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG106 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
| 4060212 | Địa chất giếng khoan dầu khí                  | 01 |       | 38    | 4   | 6       | 3       | HNBG606 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG406 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |
| 4060214 | Tiếng Anh chuyên ngành địa chất dầu khí       | 01 |       | 45    | 2   | 6       | 3       | HNBG601 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
| 4060216 | An toàn lao động và bảo vệ môi trường         | 01 |       | 61    | 7   | 9       | 3       | HNAD202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
| 4060217 | Quản lý phát triển mô dầu khí                 | 01 |       | 61    | 3   | 9       | 3       | HNBG407 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG607 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0602-06      | Phạm Văn Tuấn        |
| 4060218 | Địa chất dầu khí                              | 01 |       | 35    | 3   | 2       | 2       | HNAA204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
| 4060218 | Địa chất dầu khí                              | 02 |       | 71    | 3   | 4       | 2       | HNAA307 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |
| 4060218 | Địa chất dầu khí                              | 03 |       | 55    | 3   | 10      | 2       | HNAA305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAA307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0602-05      | Nguyễn Thị Minh Hồng |
| 4060223 | Mô hình hóa tầng chứa dầu khí                 | 01 |       | 47    | 4   | 1       | 3       | HNBG601 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA308 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0602-08      | Lê Ngọc ánh          |
| 4060302 | Hoá hữu cơ 1                                  | 01 |       | 59    | 2   | 1       | 3       | HNAA404 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB501 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
| 4060302 | Hoá hữu cơ 1                                  | 02 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA307 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA408 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0603-12      | Bùi Thị Lệ Thủy      |
| 4060305 | Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời | 01 |       | 54    | 2   | 1       | 3       | HNAA206 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0603-13      | Vũ Văn Toàn          |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA406 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0603-13      | Vũ Văn Toàn          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 4060305 | Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời | 02 |       | 59    | 2   | 1       | 3       | HNAA405 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB502 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
| 4060307 | Quá trình và thiết bị truyền chất             | 01 |       | 59    | 2   | 1       | 3       | HNBG102 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG103 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
| 4060307 | Quá trình và thiết bị truyền chất             | 02 |       | 61    | 4   | 6       | 3       | HNBG201 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG408 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng |
| 4060308 | Kỹ thuật phản ứng                             | 01 |       | 63    | 4   | 1       | 3       | HNBG602 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải   |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG606 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải   |
| 4060308 | Kỹ thuật phản ứng                             | 02 |       | 66    | 4   | 6       | 3       | HNBG606 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải   |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG602 | 09/09/2016 - 14/10/2016 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải   |
| 4060311 | Kỹ thuật môi trường trong công nghệ hóa học   | 01 |       | 62    | 3   | 1       | 3       | HNAA405 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA404 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
| 4060311 | Kỹ thuật môi trường trong công nghệ hóa học   | 02 |       | 56    | 4   | 1       | 3       | HNAA406 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA407 | 04/11/2016 - 09/12/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
| 4060315 | Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên                | 01 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNBG506 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải   |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG507 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-05      | Ngô Thanh Hải   |
| 4060315 | Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên                | 02 |       | 56    | 3   | 6       | 3       | HNBG603 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG305 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
| 4060317 | Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học         | 01 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNBG106 | 06/09/2016 - 11/10/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG108 | 08/09/2016 - 13/10/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
| 4060317 | Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học         | 02 |       | 51    | 3   | 9       | 3       | HNBG502 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG601 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-13      | Vũ Văn Toàn     |
| 4060321 | An toàn lao động trong công nghệ hoá học      | 01 |       | 62    | 3   | 1       | 3       | HNAA402 | 01/11/2016 - 06/12/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA308 | 03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |
| 4060321 | An toàn lao động trong công nghệ hoá học      | 02 |       | 60    | 4   | 1       | 3       | HNAB206 | 07/09/2016 - 12/10/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Lọc hoá dầu (06 0603)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4060321 | An toàn lao động trong công nghệ hoá học | 02 |       | 60    | 6   | 1          | 3       | HNAA407 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
| 4060322 | Công nghệ chế biến khí                   | 01 |       | 47    | 3   | 2          | 2       | HNAA304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
|         |                                          |    |       |       | 5   | 2          | 2       | HNAA303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
| 4060322 | Công nghệ chế biến khí                   | 02 |       | 47    | 3   | 8          | 2       | HNAA305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
|         |                                          |    |       |       | 5   | 8          | 2       | HNAA307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
| 4060323 | Công nghệ hóa dầu và chế biến Polyme     | 01 |       | 51    | 3   | 4          | 2       | HNAA303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
|         |                                          |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAA303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-06      | Tổng Thị Thanh Hương |
| 4060323 | Công nghệ hóa dầu và chế biến Polyme     | 02 |       | 41    | 3   | 10         | 2       | HNAA208 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
|         |                                          |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAA304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
| 4060324 | Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu         | 01 |       | 51    | 6   | 1          | 3       | HNAA304 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
|         |                                          |    |       |       | 7   | 1          | 3       | HNAA308 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0603-11      | Công Ngọc Thắng      |
| 4060324 | Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu         | 02 |       | 45    | 4   | 6          | 3       | HNAA203 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0603-04      | Nguyễn Anh Dũng      |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNAA304 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0603-04      | Nguyễn Anh Dũng      |
| 4060325 | Thiết kế quá trình công nghệ lọc dầu     | 01 |       | 29    | 4   | 1          | 3       | HNAA204 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0603-04      | Nguyễn Anh Dũng      |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNAA304 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0603-04      | Nguyễn Anh Dũng      |
| 4060325 | Thiết kế quá trình công nghệ lọc dầu     | 02 |       | 17    | 4   | 6          | 3       | HNAA307 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0603-04      | Nguyễn Anh Dũng      |
|         |                                          |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNAA306 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0603-04      | Nguyễn Anh Dũng      |
| 4060326 | Xúc tác trong công nghệ lọc dầu          | 02 |       | 33    | 2   | 6          | 3       | HNBG503 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
|         |                                          |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNBG407 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
| 4060328 | Thiết kế quá trình công nghệ hóa dầu     | 01 |       | 48    | 7   | 3          | 3       | HNBG406 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0603-04      | Nguyễn Anh Dũng      |
| 4060329 | Xúc tác trong công nghệ hoá dầu          | 02 |       | 46    | 7   | 9          | 3       | HNBG506 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0603-08      | Nguyễn Thị Linh      |
| 4060329 | Xúc tác trong công nghệ hoá dầu          | 03 |       | 55    | 5   | 12         | 2       | HNAA404 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
| 4060346 | Nhiên liệu sạch                          | 01 |       | 62    | 7   | 6          | 3       | HNAD302 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0603-09      | Phạm Xuân Núi        |
| 4060402 | Kỹ thuật dầu khí đại cương               | 01 |       | 87    | 2   | 1          | 3       | HNAA207 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm        |
|         |                                          |    |       |       | 4   | 6          | 3       | HNAA207 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm        |
| 4060402 | Kỹ thuật dầu khí đại cương               | 02 |       | 87    | 3   | 9          | 3       | HNAA207 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4060402 | Kỹ thuật dầu khí đại cương            | 02 |       | 87    | 5   | 9       | 3       | HNAA207 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm    |
| 4060402 | Kỹ thuật dầu khí đại cương            | 03 |       | 60    | 7   | 9       | 3       | HNAB505 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt   |
| 4060406 | Dung dịch khoan và vữa trám + TN      | 01 |       | 28    | 2   | 3       | 3       | HNBG101 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0604-02      | Trần Đình Kiên   |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG107 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0604-02      | Trần Đình Kiên   |
| 4060410 | Tính chất vật lý tầng chứa            | 01 |       | 61    | 3   | 1       | 3       | HNBG103 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm    |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG106 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm    |
| 4060410 | Tính chất vật lý tầng chứa            | 02 |       | 56    | 4   | 9       | 3       | HNBG606 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm    |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG406 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0604-09      | Doãn Thị Trâm    |
| 4060412 | Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu | 01 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNBG402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
|         |                                       |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG402 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
| 4060412 | Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu | 02 |       | 60    | 2   | 6       | 3       | HNBG401 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
|         |                                       |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG401 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
| 4060412 | Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu | 04 |       | 65    | 3   | 1       | 3       | HNBG403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG403 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |
| 4060413 | Công nghệ khoan dầu khí               | 01 |       | 60    | 4   | 3       | 3       | HNBG508 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG501 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
| 4060413 | Công nghệ khoan dầu khí               | 02 |       | 60    | 4   | 6       | 3       | HNBG603 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-07      | Lê Quang Duyệt   |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG601 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0604-07      | Lê Quang Duyệt   |
| 4060413 | Công nghệ khoan dầu khí               | 03 |       | 50    | 4   | 3       | 3       | HNBG102 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG603 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
| 4060413 | Công nghệ khoan dầu khí               | 04 |       | 60    | 7   | 6       | 3       | HNAD204 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0604-07      | Lê Quang Duyệt   |
| 4060414 | Công nghệ khai thác dầu khí           | 01 |       | 47    | 4   | 3       | 3       | HNBG608 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG603 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |
| 4060414 | Công nghệ khai thác dầu khí           | 02 |       | 58    | 2   | 3       | 3       | HNBG403 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |
|         |                                       |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG403 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-04      | Vũ Thiết Thạch   |
| 4060414 | Công nghệ khai thác dầu khí           | 04 |       | 60    | 7   | 9       | 3       | HNAB504 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0604-12      | Nguyễn Văn Thành |
| 4060416 | Tiếng Anh chuyên ngành                | 01 |       | 59    | 3   | 1       | 2       | HNBG402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0604-20      | Tổng Trần Anh    |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNBG402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0604-20      | Tổng Trần Anh    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4060416 | Tiếng Anh chuyên ngành                        | 02 |       | 40    | 3   | 6       | 2       | HNBG402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
| 4060416 | Tiếng Anh chuyên ngành                        | 04 |       | 33    | 3   | 10      | 2       | HNAA308 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAA402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0604-21      | Trần Hữu Kiên    |
| 4060417 | Tin học ứng dụng chuyên ngành                 | 01 |       | 60    | 3   | 3       | 3       | HNBG402 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG402 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
| 4060417 | Tin học ứng dụng chuyên ngành                 | 02 |       | 36    | 3   | 9       | 3       | HNBG401 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG401 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
| 4060417 | Tin học ứng dụng chuyên ngành                 | 04 |       | 34    | 2   | 6       | 3       | HNBG401 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
|         |                                               |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG401 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
| 4060418 | Hiện tượng phức tạp và sự cố trong khoan      | 01 |       | 61    | 3   | 3       | 3       | HNBG402 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG402 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
| 4060418 | Hiện tượng phức tạp và sự cố trong khoan      | 02 |       | 60    | 3   | 9       | 3       | HNBG401 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG401 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0604-05      | Nguyễn Thế Vinh  |
| 4060420 | Thu hồi dầu khí tăng cường                    | 01 |       | 71    | 7   | 6       | 3       | HNAD203 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0604-01      | Lê Xuân Lâm      |
| 4060423 | Khoan khảo sát công trình và giếng kỹ thuật   | 01 |       | 42    | 3   | 6       | 3       | HNBG403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0604-32      | Hoàng Dung       |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG403 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0604-32      | Hoàng Dung       |
| 4060426 | Khoan thăm dò - khảo sát                      | 01 |       | 42    | 4   | 3       | 3       | HNBG101 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-18      | Nguyễn Xuân Thảo |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG601 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0604-18      | Nguyễn Xuân Thảo |
| 4060426 | Khoan thăm dò - khảo sát                      | 02 |       | 57    | 4   | 6       | 3       | HNBG607 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG407 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
| 4060428 | Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường | 01 |       | 66    | 7   | 9       | 3       | HNAB503 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0604-03      | Hồ Quốc Hoa      |
| 4060436 | Kỹ thuật khoan                                | 02 |       | 52    | 4   | 1       | 3       | HNBG407 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-02      | Trần Đình Kiên   |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG403 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0604-02      | Trần Đình Kiên   |
| 4060436 | Kỹ thuật khoan                                | 03 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNBG407 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0604-03      | Hồ Quốc Hoa      |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG407 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0604-03      | Hồ Quốc Hoa      |
| 4060436 | Kỹ thuật khoan                                | 04 |       | 31    | 3   | 11      | 3       | HNAA203 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0604-03      | Hồ Quốc Hoa      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Dầu khí**

**Bộ môn: Khoan khai thác dầu khí (06 0604)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4060436 | Kỹ thuật khoan                             | 04 |       | 31    | 4   | 8       | 3       | HNAA303 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0604-03      | Hồ Quốc Hoa      |
| 4060436 | Kỹ thuật khoan                             | 05 |       | 29    | 3   | 3       | 3       | HNAD403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0604-02      | Trần Đình Kiên   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD503 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0604-02      | Trần Đình Kiên   |
| 4060436 | Kỹ thuật khoan                             | 06 |       | 49    | 2   | 1       | 3       | HNAB201 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAB307 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0604-13      | Nguyễn Trần Tuấn |
| 4060438 | Công nghệ khoan dầu khí 1                  | 01 |       | 28    | 4   | 1       | 2       | HNBG205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0604-30      | Lê Văn Thắng     |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 2       | HNBG602 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0604-30      | Lê Văn Thắng     |
| 4060438 | Công nghệ khoan dầu khí 1                  | 02 |       | 18    | 3   | 6       | 2       | HNBG607 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0604-30      | Lê Văn Thắng     |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG301 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0604-30      | Lê Văn Thắng     |
| 4060501 | Kỹ thuật ma sát                            | 01 |       | 42    | 3   | 6       | 2       | HNBG608 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG101 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
| 4060504 | Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí | 01 |       | 44    | 3   | 4       | 2       | HNBG401 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0605-02      | Nguyễn Văn Giáp  |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG401 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0605-02      | Nguyễn Văn Giáp  |
| 4060521 | Thiết bị khai thác dầu khí 1               | 01 |       | 43    | 3   | 8       | 2       | HNBG606 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG608 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0605-03      | Lê Đức Vinh      |
| 4060523 | Thiết bị khoan thăm dò khảo sát            | 01 |       | 26    | 4   | 1       | 2       | HNBG101 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0605-02      | Nguyễn Văn Giáp  |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG508 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0605-02      | Nguyễn Văn Giáp  |
| 4070101 | Kinh tế vi mô                              | 01 |       | 17    | 4   | 11      | 2       | HNAA208 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11      | 2       | HNAD203 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường   |
| 4070101 | Kinh tế vi mô                              | 02 |       | 24    | 3   | 12      | 2       | HNAA206 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường   |
| 4070101 | Kinh tế vi mô                              | 04 |       | 60    | 4   | 2       | 2       | HNAB405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường   |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB307 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường   |
| 4070101 | Kinh tế vi mô                              | 05 |       | 29    | 4   | 8       | 2       | HNAB405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|---------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 05 |       | 29    | 5   | 8       | 2       | HNAB307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-05      | Phí Mạnh Cường       |
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 06 |       | 61    | 2   | 4       | 2       | HNAA204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
|         |               |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 07 |       | 18    | 4   | 8       | 2       | HNAA409 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
|         |               |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 08 |       | 41    | 2   | 2       | 2       | HNAB202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
|         |               |    |       |       | 3   | 4       | 2       | HNAD203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 09 |       | 60    | 3   | 2       | 2       | HNAD303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
|         |               |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAB202 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 10 |       | 60    | 2   | 6       | 2       | HNAD203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
|         |               |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAB401 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-10      | Nguyễn Thanh Thảo    |
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 11 |       | 60    | 4   | 4       | 2       | HNAD203 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |               |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB504 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 4070101 | Kinh tế vi mô | 12 |       | 61    | 2   | 8       | 2       | HNAD204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |               |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA403 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 01 |       | 26    | 2   | 2       | 2       | HNAA303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
|         |               |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAA307 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 02 |       | 22    | 3   | 8       | 2       | HNAA308 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
|         |               |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNAA402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 03 |       | 55    | 3   | 2       | 2       | HNAA307 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |               |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA305 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 04 |       | 52    | 3   | 6       | 2       | HNAA308 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
|         |               |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|---------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 05 |       | 59    | 2   | 2          | 2       | HNAB507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
|         |               |    |       |       | 3   | 4          | 2       | HNAD202 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 06 |       | 48    | 2   | 10         | 2       | HNAB502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
|         |               |    |       |       | 3   | 10         | 2       | HNAB505 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 07 |       | 61    | 2   | 4          | 2       | HNAD303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
|         |               |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAB202 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-04      | Trần Anh Dũng        |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 08 |       | 60    | 3   | 4          | 2       | HNAB206 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |               |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB305 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 09 |       | 20    | 2   | 2          | 2       | HNAA304 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |               |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAA308 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 10 |       | 16    | 3   | 8          | 2       |         | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |               |    |       |       | 5   | 8          | 2       |         | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 11 |       | 29    | 2   | 4          | 2       | HNAA303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |               |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAA306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070102 | Kinh tế vĩ mô | 12 |       | 39    | 7   | 6          | 4       | HNBG606 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 4070103 | Kinh tế lượng | 01 |       | 61    | 3   | 4          | 2       | HNAB505 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |               |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAD202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
| 4070103 | Kinh tế lượng | 02 |       | 38    | 2   | 8          | 2       | HNAD302 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |               |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAD303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
| 4070103 | Kinh tế lượng | 03 |       | 37    | 4   | 2          | 2       | HNAA409 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |               |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAD204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
| 4070103 | Kinh tế lượng | 04 |       | 30    | 2   | 6          | 2       | HNAD303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |
|         |               |    |       |       | 3   | 6          | 2       | HNAD302 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-06      | Vũ Diệp Anh          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|--------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4070103 | Kinh tế lượng                  | 05 |       | 61    | 5   | 2          | 2       | HNAD303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                                |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAB401 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 4070103 | Kinh tế lượng                  | 06 |       | 61    | 2   | 4          | 2       | HNAB505 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-08      | Vũ Thị Hiền          |
|         |                                |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAB507 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-08      | Vũ Thị Hiền          |
| 4070103 | Kinh tế lượng                  | 07 |       | 50    | 3   | 8          | 2       | HNAB507 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-08      | Vũ Thị Hiền          |
|         |                                |    |       |       | 5   | 8          | 2       | HNAB201 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-08      | Vũ Thị Hiền          |
| 4070103 | Kinh tế lượng                  | 08 |       | 54    | 2   | 2          | 2       | HNAD302 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-08      | Vũ Thị Hiền          |
|         |                                |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAB201 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-08      | Vũ Thị Hiền          |
| 4070103 | Kinh tế lượng                  | 09 |       | 57    | 3   | 9          | 2       | HNAD304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
|         |                                |    |       |       | 4   | 8          | 2       | HNAB401 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-03      | Nguyễn Thị Hồng Loan |
| 4070103 | Kinh tế lượng                  | 10 |       | 21    | 7   | 2          | 4       | HNAB504 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0701-08      | Vũ Thị Hiền          |
| 4070104 | Nguyên lý thống kê             | 01 |       | 25    | 4   | 9          | 3       | HNAA406 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
|         |                                |    |       |       | 5   | 8          | 3       | HNAD204 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0702-02      | Nguyễn Văn Bưởi      |
| 4070106 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | 02 |       | 40    | 2   | 8          | 2       | HNBG603 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0701-07      | Phạm Thu Trang       |
|         |                                |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNBG602 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0701-07      | Phạm Thu Trang       |
| 4070106 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | 03 |       | 53    | 4   | 4          | 2       | HNBG607 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0701-07      | Phạm Thu Trang       |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1          | 2       | HNBG607 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0701-07      | Phạm Thu Trang       |
| 4070107 | Luật kinh tế                   | 01 |       | 60    | 7   | 3          | 3       | HNAA306 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070107 | Luật kinh tế                   | 03 |       | 47    | 3   | 6          | 3       | HNBG201 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG606 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070107 | Luật kinh tế                   | 04 |       | 61    | 4   | 1          | 3       | HNBG201 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
|         |                                |    |       |       | 6   | 3          | 3       | HNBG502 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070108 | Mô hình toán kinh tế           | 01 |       | 61    | 3   | 11         | 3       | HNAA203 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng          |
|         |                                |    |       |       | 5   | 11         | 3       | HNAA203 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng          |
| 4070109 | Kinh doanh quốc tế             | 01 |       | 69    | 7   | 9          | 3       | HNAB502 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0701-07      | Phạm Thu Trang       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế cơ sở (07 0701)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4070109 | Kinh doanh quốc tế                                                     | 02 |       | 62    | 7   | 6       | 3       | HNAA208 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0701-07      | Phạm Thu Trang       |
| 4070113 | Thống kê kinh tế doanh nghiệp                                          | 01 |       | 59    | 7   | 6       | 3       | HNAD202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0701-02      | Nguyễn Thị Bích Ngọc |
| 4070203 | Quản trị học                                                           | 01 |       | 48    | 7   | 6       | 4       | HNBG603 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0702-10      | Nguyễn Đức Thắng     |
| 4070205 | Marketing căn bản                                                      | 01 |       | 60    | 2   | 8       | 2       | HNAD402 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh   |
|         |                                                                        |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAB503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0702-09      | Phan Thị Thùy Linh   |
| 4070208 | Quản trị chất lượng                                                    | 02 |       | 19    | 2   | 10      | 3       | HNAB506 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà        |
|         |                                                                        |    |       |       | 3   | 9       | 3       | HNAD402 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà        |
| 4070208 | Quản trị chất lượng                                                    | 03 |       | 51    | 2   | 9       | 3       | HNAB505 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà        |
|         |                                                                        |    |       |       | 3   | 1       | 3       | HNAB401 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà        |
| 4070208 | Quản trị chất lượng                                                    | 04 |       | 29    | 4   | 9       | 3       | HNAD302 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà        |
|         |                                                                        |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAD503 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0703-09      | Nguyễn Thu Hà        |
| 4070210 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mô | 01 |       | 24    | 2   | 2       | 2       | HNBG103 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0702-07      | Lê Thị Thu Hường     |
|         |                                                                        |    |       |       | 3   | 4       | 2       | HNBG608 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-07      | Lê Thị Thu Hường     |
| 4070215 | Tâm lý học quản trị kinh doanh                                         | 01 |       | 68    | 7   | 6       | 3       | HNAB505 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0702-07      | Lê Thị Thu Hường     |
| 4070216 | Quản trị học                                                           | 01 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAA409 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
|         |                                                                        |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB506 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
| 4070216 | Quản trị học                                                           | 02 |       | 58    | 2   | 11      | 3       | HNAA403 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
|         |                                                                        |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAD302 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
| 4070216 | Quản trị học                                                           | 03 |       | 44    | 4   | 9       | 3       | HNAB501 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
|         |                                                                        |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAB504 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0702-03      | Đào Anh Tuấn         |
| 4070301 | Quản trị chiến lược                                                    | 01 |       | 60    | 3   | 4       | 2       | HNAB506 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0703-11      | Kim Mạnh Tuấn        |
|         |                                                                        |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB506 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0703-11      | Kim Mạnh Tuấn        |
| 4070301 | Quản trị chiến lược                                                    | 02 |       | 32    | 2   | 4       | 2       | HNAB207 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0703-11      | Kim Mạnh Tuấn        |
|         |                                                                        |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAD403 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0703-11      | Kim Mạnh Tuấn        |
| 4070303 | Kinh tế công nghiệp                                                    | 01 |       | 48    | 3   | 1       | 2       | HNBG408 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thương    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế mô (07 0702)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4070303 | Kinh tế công nghiệp              | 01 |       | 48    | 5   | 1          | 2       | HNBG501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thường   |
| 4070303 | Kinh tế công nghiệp              | 02 |       | 47    | 3   | 10         | 2       | HNBG406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thường   |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 10         | 2       | HNBG406 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-14      | Nguyễn Văn Thường   |
| 4070303 | Kinh tế công nghiệp              | 03 |       | 42    | 3   | 4          | 2       | HNBG407 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-15      | Lê Văn Chiến        |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNBG407 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-15      | Lê Văn Chiến        |
| 4070303 | Kinh tế công nghiệp              | 04 |       | 21    | 3   | 8          | 2       | HNBG501 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương    |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 8          | 2       | HNBG501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương    |
| 4070303 | Kinh tế công nghiệp              | 05 |       | 26    | 3   | 1          | 2       | HNBG502 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương    |
|         |                                  |    |       |       | 6   | 1          | 2       | HNBG501 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0702-11      | Nguyễn Thị Hương    |
| 4070304 | Kinh tế và quản trị doanh nghiệp | 01 |       | 63    | 3   | 9          | 2       | HNAA203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0703-11      | Kim Mạnh Tuấn       |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNAA303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0703-11      | Kim Mạnh Tuấn       |
| 4070305 | Kinh tế môi trường               | 02 |       | 60    | 3   | 6          | 3       | HNAA306 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNAD502 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 4070305 | Kinh tế môi trường               | 03 |       | 61    | 3   | 10         | 3       | HNBG403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG502 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 4070305 | Kinh tế môi trường               | 04 |       | 60    | 3   | 6          | 3       | HNBG403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG407 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0703-04      | Nguyễn Thị Kim Ngân |
| 4070305 | Kinh tế môi trường               | 05 |       | 63    | 2   | 9          | 3       | HNBG403 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0702-15      | Lê Văn Chiến        |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 9          | 3       | HNBG407 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0702-15      | Lê Văn Chiến        |
| 4070305 | Kinh tế môi trường               | 06 |       | 63    | 7   | 9          | 3       | HNAB501 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0702-13      | Phạm Kiên Trung     |
| 4070306 | Định mức kinh tế kỹ thuật        | 01 |       | 61    | 2   | 3          | 3       | HNAB506 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNAB405 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 4070306 | Định mức kinh tế kỹ thuật        | 02 |       | 36    | 4   | 1          | 3       | HNAB204 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                  |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNAD502 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 4070307 | Quản trị dự án đầu tư            | 01 |       | 25    | 2   | 12         | 2       | HNAA204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn      |
|         |                                  |    |       |       | 4   | 11         | 2       | HNAD204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4070307 | Quản trị dự án đầu tư                  | 03 |       | 22    | 2   | 8       | 2       | HNAB506 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn      |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNAD503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn      |
| 4070307 | Quản trị dự án đầu tư                  | 04 |       | 60    | 2   | 1       | 2       | HNAB204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA208 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 4070307 | Quản trị dự án đầu tư                  | 05 |       | 32    | 4   | 4       | 2       | HNAD403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0703-03      | Phan Thị Thái       |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | 01 |       | 62    | 3   | 4       | 2       | HNBG305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG101 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành    |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | 02 |       | 70    | 2   | 4       | 2       | HNBG402 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | 03 |       | 70    | 3   | 8       | 2       | HNBG408 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-04      | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | 04 |       | 70    | 4   | 2       | 2       | HNBG502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0702-12      | Lê Đình Chiêu       |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNBG408 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0702-12      | Lê Đình Chiêu       |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | 05 |       | 70    | 3   | 6       | 2       | HNBG501 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0702-07      | Lê Thị Thu Hường    |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG501 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-07      | Lê Thị Thu Hường    |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | 06 |       | 70    | 4   | 2       | 2       | HNBG503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
|         |                                        |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0702-06      | Nguyễn Ngọc Khánh   |
| 4070309 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh | 07 |       | 24    | 7   | 2       | 4       | HNAB503 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn      |
| 4070313 | Kinh tế phát triển                     | 01 |       | 60    | 7   | 6       | 3       | HNAB504 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0703-10      | Phạm Ngọc Tuấn      |
| 4070314 | Quản trị thương mại                    | 01 |       | 61    | 3   | 9       | 3       | HNAD502 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                        |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD502 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
| 4070314 | Quản trị thương mại                    | 04 |       | 68    | 2   | 9       | 3       | HNBG402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |
|         |                                        |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG406 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kinh tế Địa chất- Dầu khí (07 0703)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|-------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 4070314 | Quản trị thương mại                                               | 05 |       | 66    | 4   | 6       | 3       | HNBG408 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng            |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG407 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng            |
| 4070314 | Quản trị thương mại                                               | 06 |       | 69    | 3   | 3       | 3       | HNBG502 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng            |
|         |                                                                   |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG503 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng            |
| 4070314 | Quản trị thương mại                                               | 08 |       | 17    | 2   | 1       | 3       | HNAD503 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo  |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB303 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0703-08      | Nguyễn Lan Hoàng Thảo  |
| 4070315 | Quản trị marketing                                                | 01 |       | 62    | 3   | 9       | 3       | HNAD502 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0703-05      | Nguyễn Thanh Thủy      |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD503 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0703-05      | Nguyễn Thanh Thủy      |
| 4070315 | Quản trị marketing                                                | 02 |       | 32    | 2   | 1       | 3       | HNAD402 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0703-05      | Nguyễn Thanh Thủy      |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA208 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0703-05      | Nguyễn Thanh Thủy      |
| 4070316 | Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản         | 01 |       | 64    | 5   | 6       | 3       | HNAD502 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng            |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB306 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng            |
| 4070316 | Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản         | 02 |       | 68    | 7   | 6       | 3       | HNAD503 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0703-02      | Đỗ Hữu Tùng            |
| 4070324 | Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp dầu khí | 01 |       | 22    | 2   | 6       | 2       | HNBG603 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành       |
|         |                                                                   |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNBG205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0703-01      | Nguyễn Đức Thành       |
| 4070401 | Nguyên lý kế toán                                                 | 01 |       | 60    | 3   | 4       | 2       | HNBG202 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNBG607 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 4070401 | Nguyên lý kế toán                                                 | 02 |       | 60    | 2   | 4       | 2       | HNBG301 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG602 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 4070401 | Nguyên lý kế toán                                                 | 04 |       | 60    | 7   | 6       | 4       | HNBG602 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 4070403 | Kế toán tài chính 1                                               | 01 |       | 57    | 2   | 6       | 3       | HNAA404 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
|         |                                                                   |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
| 4070403 | Kế toán tài chính 1                                               | 02 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAA407 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA408 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học            | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 4070403 | Kế toán tài chính 1    | 03 |       | 48    | 3   | 6          | 3       | HNAA408 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0704-03      | Nguyễn Thị Bích Phượng |
|         |                        |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAB205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0704-03      | Nguyễn Thị Bích Phượng |
| 4070403 | Kế toán tài chính 1    | 04 |       | 28    | 2   | 6          | 3       | HNAA405 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0704-03      | Nguyễn Thị Bích Phượng |
|         |                        |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNAA406 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0704-03      | Nguyễn Thị Bích Phượng |
| 4070404 | Kế toán tài chính 2    | 01 |       | 29    | 4   | 12         | 2       | HNAB108 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
|         |                        |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAA208 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
| 4070406 | Tài chính doanh nghiệp | 01 |       | 18    | 3   | 4          | 2       | HNAA304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư        |
|         |                        |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAA304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư        |
| 4070406 | Tài chính doanh nghiệp | 02 |       | 57    | 3   | 6          | 2       | HNAA305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư        |
|         |                        |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAA306 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-05      | Phí Thị Kim Thư        |
| 4070406 | Tài chính doanh nghiệp | 03 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAA405 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
|         |                        |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNAA408 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
| 4070406 | Tài chính doanh nghiệp | 04 |       | 53    | 4   | 6          | 2       | HNAB206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
|         |                        |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAB506 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
| 4070406 | Tài chính doanh nghiệp | 05 |       | 53    | 2   | 2          | 2       | HNAA407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
|         |                        |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAA403 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-06      | Lưu Thị Thu Hà         |
| 4070407 | Kế toán quản trị       | 01 |       | 35    | 4   | 10         | 2       | HNAB206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                        |    |       |       | 4   | 12         | 2       | HNAB206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 4070407 | Kế toán quản trị       | 02 |       | 61    | 2   | 2          | 2       | HNAA406 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                        |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAB205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 4070407 | Kế toán quản trị       | 03 |       | 50    | 3   | 9          | 2       | HNAA407 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                        |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNAB206 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 4070407 | Kế toán quản trị       | 04 |       | 60    | 3   | 4          | 2       | HNAA403 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|--------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 4070407 | Kế toán quản trị               | 04 |       | 60    | 6   | 4       | 2       | HNAA405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
| 4070409 | Kiểm toán căn bản              | 01 |       | 16    | 2   | 6       | 2       | HNBG104 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                                |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNBG606 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 4070409 | Kiểm toán căn bản              | 02 |       | 60    | 3   | 8       | 2       | HNAA406 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                                |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNAA408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 4070409 | Kiểm toán căn bản              | 03 |       | 61    | 3   | 4       | 2       | HNAA402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                                |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA404 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 4070409 | Kiểm toán căn bản              | 04 |       | 48    | 4   | 8       | 2       | HNAB504 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
|         |                                |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA408 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-10      | Phạm Thu Hương         |
| 4070409 | Kiểm toán căn bản              | 05 |       | 35    | 3   | 2       | 2       | HNAA408 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
|         |                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-13      | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 4070410 | Quản trị tài chính             | 02 |       | 18    | 2   | 6       | 2       | HNAB306 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-18      | Vũ Ngọc Thịnh          |
|         |                                |    |       |       | 5   | 11      | 2       | HNAB206 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-18      | Vũ Ngọc Thịnh          |
| 4070411 | Tài chính tiền tệ              | 01 |       | 53    | 2   | 6       | 2       | HNAB204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
|         |                                |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAB506 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
| 4070411 | Tài chính tiền tệ              | 02 |       | 59    | 7   | 2       | 4       | HNAB502 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0704-20      | Nguyễn Thục Anh        |
| 4070419 | Kế toán tài chính doanh nghiệp | 02 |       | 54    | 3   | 9       | 2       | HNBG603 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                                |    |       |       | 3   | 12      | 2       | HNBG201 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 4070419 | Kế toán tài chính doanh nghiệp | 03 |       | 62    | 3   | 1       | 2       | HNBG508 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-19      | Phan Minh Quang        |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNBG205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-19      | Phan Minh Quang        |
| 4070419 | Kế toán tài chính doanh nghiệp | 04 |       | 59    | 5   | 11      | 2       | HNAB307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-19      | Phan Minh Quang        |
|         |                                |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAA407 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-19      | Phan Minh Quang        |
| 4070420 | Thuế                           | 02 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAB305 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 4070420 | Thuế                       | 02 |       | 60    | 5   | 6       | 3       | HNAB404 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
| 4070421 | Kế toán chi phí sản xuất   | 01 |       | 30    | 2   | 1       | 3       | HNBG408 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
|         |                            |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG501 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
| 4070421 | Kế toán chi phí sản xuất   | 02 |       | 44    | 4   | 9       | 3       | HNBG403 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
|         |                            |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG402 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
| 4070421 | Kế toán chi phí sản xuất   | 03 |       | 56    | 3   | 1       | 3       | HNBG501 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
|         |                            |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG502 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
| 4070421 | Kế toán chi phí sản xuất   | 04 |       | 17    | 2   | 9       | 3       | HNBG402 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG407 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0704-12      | Phạm Minh Hải          |
| 4070421 | Kế toán chi phí sản xuất   | 05 |       | 34    | 2   | 1       | 3       | HNBG408 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                            |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG406 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 4070422 | Kế toán xây dựng cơ bản    | 01 |       | 33    | 3   | 3       | 3       | HNBG408 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                            |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG501 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 4070422 | Kế toán xây dựng cơ bản    | 02 |       | 55    | 4   | 6       | 3       | HNBG403 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG402 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0704-07      | Phạm Thị Hồng Hạnh     |
| 4070422 | Kế toán xây dựng cơ bản    | 03 |       | 30    | 2   | 3       | 3       | HNBG407 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                            |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG403 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 4070422 | Kế toán xây dựng cơ bản    | 04 |       | 23    | 2   | 6       | 3       | HNBG406 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                            |    |       |       | 2   | 9       | 3       |         | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 4070422 | Kế toán xây dựng cơ bản    | 05 |       | 41    | 2   | 2       | 2       | HNBG502 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
|         |                            |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNBG501 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0704-17      | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 4070423 | Kế toán thương mại dịch vụ | 01 |       | 27    | 4   | 1       | 2       | HNBG403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                            |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNBG407 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 4070423 | Kế toán thương mại dịch vụ | 02 |       | 37    | 3   | 6       | 2       | HNBG408 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                            |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 4070423 | Kế toán thương mại dịch vụ | 03 |       | 47    | 4   | 4       | 2       | HNBG406 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
|         |                            |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG403 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-08      | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 4070423 | Kế toán thương mại dịch vụ | 05 |       | 39    | 2   | 4       | 2       | HNBG406 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-03      | Nguyễn Thị Bích Phượng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Kinh tế & QTKD**

**Bộ môn: Kế toán (07 0704)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên              |
|---------|-------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------------|
| 4070423 | Kế toán thương mại dịch vụ          | 05 |       | 39    | 4   | 4          | 2       | HNBG407 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0704-03      | Nguyễn Thị Bích Phượng |
| 4070424 | Thanh toán quốc tế                  | 01 |       | 52    | 3   | 3          | 3       | HNBG408 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0704-11      | Dương Thị Nhân         |
|         |                                     |    |       |       | 5   | 3          | 3       | HNBG501 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0704-11      | Dương Thị Nhân         |
| 4070424 | Thanh toán quốc tế                  | 02 |       | 47    | 4   | 6          | 3       | HNBG407 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0704-11      | Dương Thị Nhân         |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG406 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0704-11      | Dương Thị Nhân         |
| 4070424 | Thanh toán quốc tế                  | 03 |       | 32    | 2   | 3          | 3       | HNBG501 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0704-11      | Dương Thị Nhân         |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNBG403 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0704-11      | Dương Thị Nhân         |
| 4070424 | Thanh toán quốc tế                  | 05 |       | 16    | 3   | 3          | 3       | HNBG501 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0704-16      | Lê Thị Thu Hồng        |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 3          | 3       | HNBG406 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0704-16      | Lê Thị Thu Hồng        |
| 4070429 | Lý thuyết kế toán công              | 01 |       | 42    | 2   | 10         | 2       | HNAD203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 8          | 2       | HNAA204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0704-04      | Nguyễn Thị Kim Oanh    |
| 4070430 | Lý thuyết tài chính công            | 01 |       | 42    | 3   | 10         | 2       | HNAD204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-20      | Nguyễn Thục Anh        |
|         |                                     |    |       |       | 3   | 12         | 2       | HNAD204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0704-20      | Nguyễn Thục Anh        |
| 4080101 | Nguyên lý Hệ điều hành + BTL        | 01 |       | 48    | 2   | 6          | 2       | HNAB207 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình        |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNAD302 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình        |
| 4080101 | Nguyên lý Hệ điều hành + BTL        | 02 |       | 60    | 2   | 2          | 2       | HNAD202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương  |
|         |                                     |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNAD303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương  |
| 4080101 | Nguyên lý Hệ điều hành + BTL        | 03 |       | 60    | 2   | 6          | 2       | HNAB501 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương  |
|         |                                     |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAD304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương  |
| 4080101 | Nguyên lý Hệ điều hành + BTL        | 04 |       | 60    | 3   | 2          | 2       | HNAD203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương  |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNAD303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương  |
| 4080101 | Nguyên lý Hệ điều hành + BTL        | 05 |       | 15    | 7   | 6          | 4       | PMAY2   | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình        |
| 4080103 | Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA | 01 |       | 19    | 2   | 4          | 2       | HNBG201 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng          |
|         |                                     |    |       |       | 4   | 8          | 2       | HNBG107 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng          |
| 4080103 | Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA | 02 |       | 56    | 2   | 6          | 2       | HNBG103 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4080103 | Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA | 02 |       | 56    | 5   | 4       | 2       | HNBG106 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 4080103 | Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA | 03 |       | 54    | 2   | 9       | 2       | HNBG608 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNBG608 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 4080103 | Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA | 04 |       | 60    | 6   | 8       | 4       | HNBG107 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0805-04      | Nông Thị Oanh        |
| 4080103 | Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA | 05 |       | 53    | 3   | 4       | 2       | HNBG103 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng        |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG603 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng        |
| 4080103 | Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA | 07 |       | 42    | 4   | 9       | 2       | HNBG106 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên    |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNBG301 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên    |
| 4080105 | Lập trình .NET 1 + BTL              | 01 |       | 34    | 2   | 1       | 2       |         | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 8       | 2       |         | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
| 4080105 | Lập trình .NET 1 + BTL              | 02 |       | 61    | 3   | 4       | 2       |         | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 4       | 2       |         | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0805-07      | Lê Hồng Anh          |
| 4080105 | Lập trình .NET 1 + BTL              | 03 |       | 41    | 4   | 11      | 2       | HNAD502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng        |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 11      | 2       | HNAB507 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng        |
| 4080105 | Lập trình .NET 1 + BTL              | 04 |       | 43    | 3   | 12      | 2       | HNAA303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng        |
|         |                                     |    |       |       | 5   | 12      | 2       | HNAA306 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0801-04      | Phạm Văn Đồng        |
| 4080106 | Phát triển ứng dụng Web + BTL       | 01 |       | 30    | 3   | 4       | 2       | HNBG101 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức        |
|         |                                     |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG103 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức        |
| 4080106 | Phát triển ứng dụng Web + BTL       | 03 |       | 29    | 4   | 11      | 2       | HNBG602 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức        |
|         |                                     |    |       |       | 7   | 10      | 2       | HNAA204 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức        |
| 4080107 | Tương tác người - máy               | 01 |       | 43    | 2   | 8       | 2       | HNAD503 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức        |
|         |                                     |    |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA308 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức        |
| 4080107 | Tương tác người - máy               | 02 |       | 56    | 3   | 1       | 2       | HNBG301 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức        |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Công nghệ phần mềm (08 0801)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|--------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4080107 | Tương tác người - máy    | 02 |       | 56    | 6   | 1       | 2       | HNBG103 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức         |
| 4080107 | Tương tác người - máy    | 03 |       | 36    | 4   | 9       | 2       | HNBG103 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức         |
|         |                          |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG607 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức         |
| 4080108 | Lập trình Java           | 01 |       | 53    | 3   | 1       | 2       | HNBG205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
|         |                          |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNBG107 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
| 4080108 | Lập trình Java           | 03 |       | 59    | 2   | 4       | 2       | HNBG102 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
|         |                          |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG305 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
| 4080108 | Lập trình Java           | 04 |       | 19    | 3   | 4       | 2       | HNBG107 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
|         |                          |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNBG106 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang     |
| 4080110 | Mã nguồn mở              | 01 |       | 70    | 7   | 6       | 3       | HNAB502 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
| 4080113 | Cơ sở dữ liệu nâng cao   | 01 |       | 30    | 2   | 10      | 3       | HNAD402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0801-05      | Đỗ Anh Tuấn           |
|         |                          |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAB303 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0801-05      | Đỗ Anh Tuấn           |
| 4080113 | Cơ sở dữ liệu nâng cao   | 02 |       | 37    | 4   | 11      | 3       | HNAD402 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0801-05      | Đỗ Anh Tuấn           |
|         |                          |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAB201 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0801-05      | Đỗ Anh Tuấn           |
| 4080113 | Cơ sở dữ liệu nâng cao   | 03 |       | 56    | 2   | 10      | 3       | HNAB206 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
|         |                          |    |       |       | 3   | 10      | 3       | HNBG508 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
| 4080114 | Ngôn ngữ mô hình hóa UML | 01 |       | 54    | 3   | 11      | 3       | HNBG301 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
|         |                          |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNBG102 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0801-10      | Nguyễn Thị Hữu Phương |
| 4080115 | Công nghệ phần mềm       | 01 |       | 36    | 3   | 4       | 2       | HNBG108 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-13      | Nguyễn Thị Thanh      |
|         |                          |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG107 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-13      | Nguyễn Thị Thanh      |
| 4080116 | Lập trình .NET 2 + BTL   | 01 |       | 36    | 5   | 4       | 2       | HNAA308 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
|         |                          |    |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA405 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
| 4080116 | Lập trình .NET 2 + BTL   | 02 |       | 54    | 2   | 1       | 2       | HNBG101 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
|         |                          |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNBG106 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |
| 4080116 | Lập trình .NET 2 + BTL   | 03 |       | 21    | 2   | 4       | 2       | HNBG106 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam          |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Khoa học máy tính (08 0805)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4080116 | Lập trình .NET 2 + BTL                     | 03 |       | 21    | 4   | 4       | 2       | HNBG103 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam      |
| 4080119 | Chuyên đề 1                                | 01 |       | 49    | 2   | 10      | 3       | HNBG101 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang |
|         |                                            |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAA206 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0801-14      | Hồ Thị Thảo Trang |
| 4080122 | Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin | 01 |       | 62    | 7   | 9       | 3       | HNAB205 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0801-13      | Nguyễn Thị Thanh  |
| 4080125 | Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm    | 01 |       | 22    | 3   | 1       | 3       | HNAB506 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-06      | Hoàng Anh Đức     |
| 4080126 | Tin học ứng dụng                           | 01 |       | 60    | 7   | 6       | 3       | HNAC504 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0801-03      | Phạm Thị Hải Vân  |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 01 |       | 30    | 7   | 6       | 4       | HNAD502 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh   |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 02 |       | 136   | 3   | 1       | 2       | HNBG206 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNBG202 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị     |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 03 |       | 134   | 3   | 8       | 2       | HNBG302 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương     |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNBG206 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương     |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 04 |       | 132   | 2   | 2       | 2       | HNBG206 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu    |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG306 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu    |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 05 |       | 133   | 3   | 6       | 2       | HNBG306 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-07      | Đào Thu Vân       |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG302 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0802-07      | Đào Thu Vân       |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 06 |       | 204   | 2   | 2       | 2       | HNAD201 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu      |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAD101 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu      |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 07 |       | 142   | 2   | 6       | 2       | HNBG302 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0802-14      | Đặng Quốc Trung   |
|         |                                            |    |       |       | 3   | 6       | 2       | HNAD301 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-14      | Đặng Quốc Trung   |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)  | 08 |       | 70    | 3   | 4       | 2       | HNAD401 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu    |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 3       | 2       | HNAD401 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                               | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|-------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------|
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật) | 09 |       | 161   | 3   | 10      | 2       | HNAD201 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG306 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật) | 11 |       | 134   | 4   | 4       | 2       | HNAD301 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị   |
|         |                                           |    |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAD401 | 24/09/2016 - 10/12/2016                            | 0802-02      | Đặng Hữu Nghị   |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật) | 12 |       | 84    | 5   | 9       | 2       | HNAD401 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu    |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAD401 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0804-04      | Phạm Đức Hậu    |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật) | 13 |       | 85    | 2   | 6       | 2       | HNAD401 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                                           |    |       |       | 3   | 6       | 2       | HNBG302 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật) | 14 |       | 99    | 4   | 10      | 2       | HNAD101 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNBG206 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật) | 15 |       | 129   | 2   | 10      | 2       | HNAD201 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu  |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNAD201 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu  |
| 4080201 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật) | 17 |       | 20    | 2   | 12      | 2       | HNAB306 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu  |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAB303 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu  |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA208 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu  |
| 4080202 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)  | 01 |       | 190   | 3   | 4       | 2       | HNAD301 | 20/09/2016 - 06/12/2016                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện |
|         |                                           |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAD301 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0802-03      | Dương Chí Thiện |
| 4080202 | Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)  | 02 |       | 110   | 4   | 8       | 2       | HNAD401 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
|         |                                           |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAD401 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0802-07      | Đào Thu Vân     |
| 4080203 | Cơ sở lập trình                           | 01 |       | 60    | 2   | 8       | 2       | HNAB404 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Hệ thống thông tin và Tri thức (08 0802)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4080203 | Cơ sở lập trình              | 01 |       | 60    | 5   | 8       | 2       | HNAB506 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung  |
| 4080203 | Cơ sở lập trình              | 02 |       | 61    | 2   | 2       | 2       | HNAB504 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0806-01      | Lê Thanh Huệ     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAD204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0806-01      | Lê Thanh Huệ     |
| 4080203 | Cơ sở lập trình              | 03 |       | 61    | 5   | 8       | 2       | HNAD203 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
|         |                              |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAB504 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
| 4080203 | Cơ sở lập trình              | 04 |       | 60    | 5   | 2       | 2       | HNAB504 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
|         |                              |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB305 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
| 4080203 | Cơ sở lập trình              | 05 |       | 60    | 2   | 8       | 2       | HNAB502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB202 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |
| 4080203 | Cơ sở lập trình              | 06 |       | 61    | 2   | 4       | 2       | HNAB502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0804-04      | Phạm Đức Hậu     |
| 4080203 | Cơ sở lập trình              | 07 |       | 60    | 7   | 6       | 4       | HNBG508 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0802-14      | Đặng Quốc Trung  |
| 4080205 | Lý thuyết đồ thị cho tin học | 01 |       | 30    | 5   | 10      | 3       | HNBG507 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
|         |                              |    |       |       | 7   | 3       | 3       | HNAA407 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0802-09      | Vũ Lan Phương    |
| 4080206 | Cơ sở dữ liệu                | 01 |       | 61    | 3   | 11      | 2       | HNAA405 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
|         |                              |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAB201 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh  |
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu    | 01 |       | 16    | 4   | 10      | 2       | HNBG506 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0802-07      | Đào Thu Vân      |
|         |                              |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNBG501 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0802-07      | Đào Thu Vân      |
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu    | 02 |       | 21    | 3   | 12      | 2       | HNAA307 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
|         |                              |    |       |       | 5   | 11      | 2       | HNAD302 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0804-12      | Trương Xuân Bình |
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu    | 03 |       | 39    | 3   | 11      | 2       | HNAA409 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến  |
|         |                              |    |       |       | 5   | 11      | 2       | HNAB401 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến  |
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu    | 04 |       | 60    | 2   | 6       | 2       | HNAA206 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0806-08      | Phạm Quang Hiến  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

**Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)**

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                       | 04 |       | 60    | 4   | 12         | 2       | HNAA205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0806-08      | Phạm Quang Hiền     |
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                       | 05 |       | 48    | 3   | 8          | 2       | HNAA208 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0805-03      | Nguyễn Thùy Dương   |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 7          | 2       | HNAD302 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0805-03      | Nguyễn Thùy Dương   |
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                       | 06 |       | 19    | 3   | 11         | 2       | HNAB207 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 11         | 2       | HNAB404 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
| 4080207 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                       | 07 |       | 41    | 4   | 11         | 2       | HNAD503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 11         | 2       | HNAB202 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-01      | Lê Văn Hưng         |
| 4080208 | Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng trên C++ BTL | 01 |       | 52    | 2   | 10         | 2       | HNAB202 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
|         |                                                 |    |       |       | 3   | 6          | 2       | HNAA303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0805-07      | Lê Hồng Anh         |
| 4080216 | Tin học B + TH (khối kỹ thuật)                  | 03 |       | 86    | 6   | 1          | 2       | HNAD201 | 23/09/2016 - 09/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu      |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 4          | 2       | HNAD201 | 24/09/2016 - 10/12/2016                            | 0802-04      | Tạ Quang Chiêu      |
| 4080217 | Tin học B + TH (khối kinh tế)                   | 01 |       | 189   | 2   | 8          | 2       | HNAD101 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh     |
|         |                                                 |    |       |       | 4   | 8          | 2       | HNAD101 | 21/09/2016 - 07/12/2016                            | 0802-13      | Bùi Thị Vân Anh     |
| 4080217 | Tin học B + TH (khối kinh tế)                   | 02 |       | 122   | 2   | 10         | 2       | HNAD401 | 19/09/2016 - 05/12/2016                            | 0802-14      | Đặng Quốc Trung     |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 10         | 2       | HNAD101 | 22/09/2016 - 08/12/2016                            | 0802-14      | Đặng Quốc Trung     |
| 4080304 | Cơ sở xử lý ảnh số                              | 01 |       | 48    | 7   | 6          | 3       | HNAB305 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0803-07      | Trần Mai Hương      |
| 4080306 | Hệ thống tin địa lý + BTL                       | 01 |       | 48    | 3   | 4          | 2       | HNAB203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB203 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0803-05      | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 4080309 | Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở                | 01 |       | 40    | 3   | 1          | 3       | HNAB303 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
| 4080309 | Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở                | 02 |       | 45    | 7   | 3          | 3       | HNAA404 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
| 4080310 | Chuyên đề địa tin học 2                         | 01 |       | 39    | 2   | 11         | 3       | HNAD403 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0803-02      | Trần Trung Chuyên   |
| 4080313 | Cơ sở dữ liệu nền địa lý                        | 01 |       | 39    | 5   | 1          | 3       | HNAA208 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
|         |                                                 |    |       |       | 7   | 3          | 3       | HNAA403 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0803-01      | Nguyễn Trường Xuân  |
| 4080314 | Đồ án 1                                         | 01 |       | 38    | 2   | 6          | 3       | HNBG305 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNBG106 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0803-08      | Ngô Thị Phương Thảo |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Trắc địa (08 0803)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên             |
|---------|----------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 4080316 | Tin học đại cương ứng dụng                               | 01 |       | 24    | 7   | 9       | 3       | HNAB207 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0803-04      | Nguyễn Tuấn Anh       |
| 4080319 | Phương pháp tính ứng dụng                                | 01 |       | 34    | 7   | 6       | 3       | HNAB401 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0803-04      | Nguyễn Tuấn Anh       |
| 4080402 | Thuật toán trong tin địa chất                            | 01 |       | 25    | 3   | 9       | 3       | HNBG107 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0804-11      | Phạm An Cường         |
|         |                                                          |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG107 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0804-11      | Phạm An Cường         |
| 4080404 | Đồ họa máy tính ứng dụng trong tin địa chất              | 01 |       | 26    | 3   | 1       | 3       | HNBG101 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến    |
|         |                                                          |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG101 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến    |
| 4080407 | Cơ sở lý thuyết xử lý ảnh                                | 01 |       | 44    | 7   | 3       | 3       | HNBG601 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0804-07      | Ngô Hùng Long         |
| 4080408 | Anh văn chuyên ngành tin địa chất                        | 01 |       | 27    | 2   | 1       | 3       | HNBG102 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0804-06      | Bùi Thị ánh Nguyệt    |
|         |                                                          |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG101 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0804-06      | Bùi Thị ánh Nguyệt    |
| 4080410 | Phát triển phần mềm ứng dụng trong địa chất              | 01 |       | 34    | 2   | 6       | 3       | HNAB307 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0804-12      | Trương Xuân Bình      |
|         |                                                          |    |       |       | 3   | 9       | 3       | HNAA404 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0804-12      | Trương Xuân Bình      |
| 4080412 | Chuyên đề 1                                              | 01 |       | 27    | 4   | 9       | 3       | HNBG608 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0804-05      | Dương Thị Tâm         |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNAA204 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0804-05      | Dương Thị Tâm         |
| 4080414 | Nghiên cứu, đánh giá tài nguyên khoáng                   | 01 |       | 18    | 4   | 9       | 3       | HNBG108 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0804-01      | Trương Xuân Luận      |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG107 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0804-01      | Trương Xuân Luận      |
| 4080504 | Phát triển phần mềm ứng dụng trong mỏ + BTL              | 01 |       | 16    | 3   | 4       | 2       | HNBG201 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0805-01      | Cảnh Chí Thanh        |
|         |                                                          |    |       |       | 6   | 11      | 2       | HNBG408 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0805-01      | Cảnh Chí Thanh        |
| 4080505 | Mô hình hóa và giải bài toán kỹ thuật bằng máy tính + TH | 01 |       | 27    | 2   | 4       | 2       | HNBG103 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0805-03      | Nguyễn Thùy Dương     |
|         |                                                          |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG108 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0805-03      | Nguyễn Thùy Dương     |
| 4080506 | Chuyên đề 1 (công nghệ thông tin)                        | 01 |       | 30    | 4   | 2       | 4       | PMAY2   | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0805-06      | Nguyễn Thị Phương Bắc |
| 4080512 | Mapinfo                                                  | 01 |       | 17    | 3   | 9       | 3       | PMAY2   | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0805-04      | Nông Thị Oanh         |
|         |                                                          |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAC504 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0805-04      | Nông Thị Oanh         |
| 4080515 | Tin học ứng dụng chuyên ngành tin học mỏ                 | 01 |       | 31    | 7   | 3       | 3       | HNAC504 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0805-04      | Nông Thị Oanh         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên            |
|---------|-------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 4080602 | Ứng dụng tin học trong lập và phân tích dự án đầu tư  | 01 |       | 44    | 2   | 6       | 3       | HNAD202 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG205 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 4080603 | Kinh tế thông tin                                     | 01 |       | 39    | 2   | 9       | 3       | HNAC504 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
|         |                                                       |    |       |       | 5   | 9       | 3       | PMAY2   | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
| 4080603 | Kinh tế thông tin                                     | 02 |       | 49    | 2   | 6       | 3       | HNBG108 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG101 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0806-01      | Lê Thanh Huệ         |
| 4080606 | Thống kê và ứng dụng tin học                          | 01 |       | 39    | 4   | 1       | 2       | HNAC504 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAC504 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 4080606 | Thống kê và ứng dụng tin học                          | 02 |       | 50    | 3   | 6       | 2       | HNAC504 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
|         |                                                       |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAC504 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0806-03      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 4080607 | Sử dụng bảng tính điện tử trong các bài toán kinh tế  | 01 |       | 41    | 4   | 3       | 3       | HNAC504 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAC504 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 4080607 | Sử dụng bảng tính điện tử trong các bài toán kinh tế  | 02 |       | 48    | 3   | 8       | 3       | HNAC504 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                                       |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAC504 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 4080608 | Lập trình quản lý + TH                                | 01 |       | 47    | 3   | 6       | 3       | PMAY2   | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
|         |                                                       |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAC504 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 4080610 | Tối ưu hóa - thuật toán                               | 01 |       | 60    | 2   | 11      | 3       | HNBG205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
|         |                                                       |    |       |       | 3   | 11      | 3       | HNBG106 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình      |
| 4080612 | Chuyên đề - thực hành 2                               | 01 |       | 45    | 3   | 9       | 3       | HNAC504 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
|         |                                                       |    |       |       | 5   | 6       | 3       | PMAY2   | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0806-02      | Dương Thị Hiền Thanh |
| 4080616 | Phát triển phần mềm ứng dụng trong kinh tế và quản lý | 01 |       | 43    | 3   | 11      | 3       | HNAD302 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAA304 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0806-05      | Phạm Thị Nguyệt      |
| 4080618 | Mã nguồn mở chuyên ngành kinh tế                      | 01 |       | 42    | 6   | 11      | 3       | HNBG201 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0806-08      | Phạm Quang Hiền      |
|         |                                                       |    |       |       | 7   | 8       | 3       | HNAA304 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0806-08      | Phạm Quang Hiền      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**

**Bộ môn: Tin học Kinh tế (08 0806)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                        | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4080621 | Thương mại điện tử                 | 01 |       | 77    | 7   | 3       | 3       | PMAY2   | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0806-07      | Nguyễn Thế Bình    |
| 4080703 | Tiếng Anh chuyên ngành mạng        | 01 |       | 55    | 3   | 1       | 3       | HNAA306 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư        |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA306 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư        |
| 4080703 | Tiếng Anh chuyên ngành mạng        | 02 |       | 17    | 3   | 8       | 3       | HNAA303 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư        |
|         |                                    |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNAA204 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư        |
| 4080705 | An ninh mạng + BTL                 | 01 |       | 60    | 6   | 4       | 2       | HNBG106 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0802-05      | Đỗ Như Hải         |
|         |                                    |    |       |       | 7   | 4       | 2       | HNAA402 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0802-05      | Đỗ Như Hải         |
| 4080706 | Mạng máy tính + BTL                | 01 |       | 62    | 3   | 4       | 2       | HNAA305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA305 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
| 4080706 | Mạng máy tính + BTL                | 04 |       | 60    | 5   | 4       | 2       | HNAA305 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA307 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
| 4080706 | Mạng máy tính + BTL                | 05 |       | 60    | 4   | 9       | 2       | HNAA306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-15      | Phạm Đình Tân      |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAA402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-15      | Phạm Đình Tân      |
| 4080706 | Mạng máy tính + BTL                | 06 |       | 29    | 3   | 6       | 2       | HNAD503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0801-07      | Đào Anh Thư        |
|         |                                    |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0801-07      | Đào Anh Thư        |
| 4080707 | Lập trình mạng                     | 01 |       | 54    | 2   | 4       | 2       | HNBG107 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0801-11      | Phan Mạnh Tiến     |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG608 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-11      | Phan Mạnh Tiến     |
| 4080708 | Cơ sở truyền tin và truyền số liệu | 01 |       | 71    | 7   | 3       | 3       | HNAA204 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
| 4080709 | Kiến trúc máy tính                 | 01 |       | 37    | 2   | 11      | 3       | HNAA402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAA407 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến |
| 4080709 | Kiến trúc máy tính                 | 02 |       | 47    | 3   | 9       | 3       | HNAB401 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến |
|         |                                    |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB205 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0804-08      | Nguyễn Thị Hải Yến |
| 4080709 | Kiến trúc máy tính                 | 03 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNAA307 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
|         |                                    |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA308 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
| 4080709 | Kiến trúc máy tính                 | 04 |       | 60    | 2   | 3       | 3       | HNAA206 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |
|         |                                    |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAA305 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Công nghệ thông tin**  
**Bộ môn: Mạng máy tính (08 0807)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                    | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4080709 | Kiến trúc máy tính             | 05 |       | 59    | 2   | 6       | 3       | HNAA303 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                                |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA305 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 4080709 | Kiến trúc máy tính             | 06 |       | 60    | 4   | 1       | 3       | HNAA303 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                                |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA306 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 4080709 | Kiến trúc máy tính             | 07 |       | 41    | 3   | 9       | 3       | HNAA306 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0807-07      | Đặng Xuân Diệp    |
|         |                                |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA308 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0807-07      | Đặng Xuân Diệp    |
| 4080709 | Kiến trúc máy tính             | 08 |       | 16    | 7   | 9       | 3       | HNAB206 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0805-08      | Đặng Văn Nam      |
| 4080714 | Quản trị mạng + ĐA             | 01 |       | 53    | 3   | 9       | 3       | HNBG201 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0801-15      | Phạm Đình Tân     |
|         |                                |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG201 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0801-15      | Phạm Đình Tân     |
| 4080716 | Truyền dữ liệu                 | 01 |       | 60    | 2   | 6       | 3       | HNBG201 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy |
|         |                                |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG201 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0802-11      | Trần Thị Thu Thúy |
| 4080717 | Chuyên đề 1                    | 01 |       | 54    | 2   | 9       | 3       | HNBG201 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0807-07      | Đặng Xuân Diệp    |
|         |                                |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNBG201 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0807-07      | Đặng Xuân Diệp    |
| 4080721 | Mã nguồn mở chuyên ngành + BTL | 01 |       | 32    | 4   | 11      | 2       | HNBG503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0801-15      | Phạm Đình Tân     |
|         |                                |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG201 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0801-15      | Phạm Đình Tân     |
| 4080722 | Mô phỏng mạng + BTL            | 01 |       | 33    | 6   | 11      | 2       | HNBG301 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0801-11      | Phan Mạnh Tiến    |
|         |                                |    |       |       | 7   | 2       | 2       | HNAA406 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0801-11      | Phan Mạnh Tiến    |
| 4080725 | Thiết kế mạng                  | 01 |       | 33    | 4   | 1       | 3       | HNBG201 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
|         |                                |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG201 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0801-07      | Đào Anh Thư       |
| 4090101 | Máy điện 1 + BTL               | 01 |       | 70    | 4   | 2       | 2       | HNAA403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến  |
|         |                                |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA404 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến  |
| 4090102 | Máy điện 2 + TN                | 01 |       | 35    | 2   | 9       | 3       | HNAA308 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến  |
|         |                                |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAA408 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến  |
| 4090106 | Vật liệu điện và cao áp        | 01 |       | 26    | 4   | 4       | 2       | HNBG201 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0901-08      | Đỗ Như ý          |
|         |                                |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG102 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0901-08      | Đỗ Như ý          |
| 4090106 | Vật liệu điện và cao áp        | 02 |       | 71    | 3   | 1       | 2       | HNAA308 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                         | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4090106 | Vật liệu điện và cao áp             | 02 |       | 71    | 5   | 1       | 2       | HNAA306 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
| 4090107 | An toàn điện                        | 01 |       | 60    | 3   | 6       | 3       | HNBG305 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                     |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG305 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
| 4090107 | An toàn điện                        | 02 |       | 61    | 4   | 3       | 3       | HNAA205 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun      |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA403 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun      |
| 4090107 | An toàn điện                        | 03 |       | 61    | 2   | 6       | 3       | HNAA306 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-07      | Bùi Đình Thanh   |
|         |                                     |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA405 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-07      | Bùi Đình Thanh   |
| 4090107 | An toàn điện                        | 04 |       | 61    | 7   | 3       | 3       | HNAA206 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
| 4090109 | Bảo vệ role                         | 01 |       | 36    | 5   | 11      | 2       | HNAB505 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 11      | 2       | HNAB504 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
| 4090109 | Bảo vệ role                         | 02 |       | 44    | 2   | 1       | 2       | HNBG407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0901-10      | Hồ Việt Bun      |
|         |                                     |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNBG601 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0901-10      | Hồ Việt Bun      |
| 4090111 | Tiếng Anh chuyên ngành điện khí hóa | 01 |       | 57    | 7   | 2       | 4       | HNAA305 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
| 4090113 | Truyền tin công nghiệp              | 01 |       | 23    | 2   | 11      | 3       | HNAA305 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-17      | Lê Văn Tuấn      |
|         |                                     |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNAB507 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0901-17      | Lê Văn Tuấn      |
| 4090113 | Truyền tin công nghiệp              | 02 |       | 40    | 2   | 3       | 3       | HNBG506 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0901-17      | Lê Văn Tuấn      |
|         |                                     |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG508 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0901-17      | Lê Văn Tuấn      |
| 4090114 | Điện khí hoá xí nghiệp + ĐA         | 01 |       | 42    | 3   | 8       | 2       | HNBG602 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNBG106 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa |
| 4090115 | Tin học chuyên ngành điện khí hóa   | 01 |       | 55    | 2   | 10      | 3       | HNAB401 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
|         |                                     |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD502 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
| 4090121 | Máy điện                            | 01 |       | 59    | 4   | 2       | 2       | HNAA405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn  |
|         |                                     |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAA405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn  |
| 4090121 | Máy điện                            | 02 |       | 62    | 2   | 6       | 2       | HNAB404 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn  |
|         |                                     |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB206 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn  |
| 4090125 | Nhà máy điện                        | 01 |       | 75    | 7   | 9       | 3       | HNAA408 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0901-18      | Nguyễn Xuân Nhi  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 01 |       | 60    | 3   | 6          | 3       | HNBG201 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0901-18      | Nguyễn Xuân Nhi  |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNBG102 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-18      | Nguyễn Xuân Nhi  |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 02 |       | 50    | 2   | 3          | 3       | HNBG305 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG305 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 03 |       | 60    | 3   | 3          | 3       | HNBG205 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun      |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 3          | 3       | HNBG205 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun      |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 04 |       | 60    | 4   | 9          | 3       | HNBG508 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG606 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 05 |       | 55    | 3   | 3          | 3       | HNBG508 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 3          | 3       | HNBG608 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0901-09      | Ngô Thanh Tuấn   |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 06 |       | 43    | 5   | 9          | 3       | HNBG305 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNBG305 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0901-02      | Nguyễn Hanh Tiến |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 07 |       | 61    | 2   | 6          | 3       | HNAB503 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 6          | 3       | HNAD302 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 08 |       | 60    | 2   | 1          | 3       | HNAA208 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn  |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 10         | 3       | HNAB504 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn  |
| 4090126 | Cơ sở cung cấp điện                          | 09 |       | 60    | 7   | 6          | 3       | HNAB205 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
| 4090129 | Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống điện         | 01 |       | 60    | 3   | 3          | 3       | HNBG508 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 3          | 3       | HNBG601 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |
| 4090131 | Lưới điện 2                                  | 01 |       | 43    | 4   | 1          | 2       | HNBG102 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0901-07      | Bùi Đình Thanh   |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 2          | 2       | HNBG507 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0901-07      | Bùi Đình Thanh   |
| 4090131 | Lưới điện 2                                  | 02 |       | 34    | 3   | 9          | 2       | HNBG402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0901-07      | Bùi Đình Thanh   |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 9          | 2       | HNBG402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0901-07      | Bùi Đình Thanh   |
| 4090133 | Ngắn mạch trong hệ thống điện                | 01 |       | 58    | 2   | 1          | 3       | HNBG607 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNBG101 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
| 4090133 | Ngắn mạch trong hệ thống điện                | 02 |       | 50    | 2   | 9          | 3       | HNBG501 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 9          | 3       | HNBG601 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn   |
| 4090134 | Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp | 01 |       | 46    | 4   | 4          | 2       | HNBG503 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0901-04      | Lê Xuân Thành    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Điện khí hoá (09 0901)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090134 | Phân điện trong nhà máy điện và trạm biến áp | 01 |       | 46    | 6   | 4       | 2       | HNBG407 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
| 4090134 | Phân điện trong nhà máy điện và trạm biến áp | 02 |       | 31    | 2   | 6       | 2       | HNBG506 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG507 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0901-04      | Lê Xuân Thành       |
| 4090137 | Cơ khí đường dây                             | 01 |       | 31    | 3   | 11      | 3       | HNAB305 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB204 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
| 4090139 | Hệ thống cung cấp điện 1                     | 01 |       | 57    | 2   | 9       | 3       | HNAA306 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAA406 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 4090140 | Công nghệ phát điện                          | 01 |       | 40    | 2   | 6       | 3       | HNBG107 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNBG501 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0901-10      | Hồ Việt Bun         |
| 4090141 | Quá điện áp trong hệ thống điện              | 01 |       | 39    | 2   | 9       | 3       | HNBG602 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
|         |                                              |    |       |       | 3   | 9       | 3       | HNBG102 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
| 4090142 | Ổn định hệ thống điện                        | 01 |       | 38    | 3   | 6       | 3       | HNBG107 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG108 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0901-05      | Phạm Trung Sơn      |
| 4090143 | Tự động hóa trong hệ thống điện              | 01 |       | 37    | 2   | 9       | 3       | HNBG606 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 10      | 3       | HNBG607 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
| 4090145 | Tự động hóa trong hệ thống điện mở           | 01 |       | 42    | 2   | 6       | 3       | HNBG301 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNBG101 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0901-08      | Đỗ Như ý            |
| 4090151 | Kỹ thuật chiếu sáng                          | 01 |       | 69    | 6   | 10      | 3       | HNAB204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn     |
| 4090151 | Kỹ thuật chiếu sáng                          | 02 |       | 65    | 7   | 6       | 3       | HNAA308 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0901-14      | Nguyễn Duy Tuấn     |
| 4090152 | Vận hành hệ thống điện                       | 01 |       | 67    | 2   | 3       | 3       | HNAA307 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAA404 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 4090152 | Vận hành hệ thống điện                       | 02 |       | 74    | 7   | 3       | 3       | HNAA205 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 4090152 | Vận hành hệ thống điện                       | 03 |       | 67    | 7   | 6       | 3       | HNAD402 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0901-11      | Nguyễn Thị Bích Hậu |
| 4090159 | Chuyên đề điện khí hóa 1+2                   | 01 |       | 61    | 3   | 10      | 3       | HNAA402 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0901-17      | Lê Văn Tuấn         |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 10      | 3       | HNBG101 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0901-17      | Lê Văn Tuấn         |
| 4090164 | Điện khí hoá xí nghiệp                       | 01 |       | 25    | 2   | 3       | 3       | HNAB204 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |
|         |                                              |    |       |       | 3   | 3       | 3       | HNAA208 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0901-01      | Nguyễn Anh Nghĩa    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                           | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|---------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090202 | Lý thuyết điều khiển tự động + BTL    | 01 |       | 59    | 3   | 4       | 2       | HNAA306 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA307 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090202 | Lý thuyết điều khiển tự động + BTL    | 02 |       | 48    | 4   | 9       | 2       | HNAA404 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAA404 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090202 | Lý thuyết điều khiển tự động + BTL    | 03 |       | 67    | 3   | 4       | 2       | HNAA206 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA206 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
| 4090202 | Lý thuyết điều khiển tự động + BTL    | 04 |       | 49    | 3   | 8       | 2       | HNAA304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNAA306 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-09      | Phạm Minh Hải       |
| 4090203 | Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao | 01 |       | 71    | 3   | 2       | 2       | HNAA205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA205 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 4090203 | Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao | 02 |       | 71    | 4   | 6       | 2       | HNAA205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAA206 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 4090205 | Hệ vi xử lý và máy tính + BTL         | 01 |       | 33    | 3   | 6       | 2       | HNAB505 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực      |
|         |                                       |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAD202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực      |
| 4090205 | Hệ vi xử lý và máy tính + BTL         | 02 |       | 67    | 4   | 4       | 2       | HNAA403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0902-14      | Đào Hiếu            |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0902-14      | Đào Hiếu            |
| 4090205 | Hệ vi xử lý và máy tính + BTL         | 03 |       | 50    | 3   | 6       | 2       | HNAA304 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-14      | Đào Hiếu            |
|         |                                       |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0902-14      | Đào Hiếu            |
| 4090206 | Kỹ thuật đo lường + TH                | 01 |       | 54    | 2   | 4       | 2       | HNAA304 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                       |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA307 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 4090206 | Kỹ thuật đo lường + TH                | 02 |       | 49    | 2   | 9       | 2       | HNAA305 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                       |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA403 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 4090206 | Kỹ thuật đo lường + TH                | 03 |       | 25    | 3   | 4       | 2       | HNAB207 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-15      | Thái Hải Âu         |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090206 | Kỹ thuật đo lường + TH                     | 03 |       | 25    | 5   | 4       | 2       | HNAB207 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-15      | Thái Hải Âu         |
| 4090208 | Điều khiển mờ và mạng nơron                | 01 |       | 63    | 3   | 6       | 3       | HNAA206 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA303 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 4090208 | Điều khiển mờ và mạng nơron                | 02 |       | 75    | 3   | 9       | 3       | HNAA205 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA206 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 4090209 | Điều khiển số                              | 01 |       | 75    | 3   | 4       | 2       | HNAA204 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 4090209 | Điều khiển số                              | 02 |       | 69    | 4   | 8       | 2       | HNAA304 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 11      | 2       | HNAA303 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 4090210 | Các hệ thống rời rạc                       | 01 |       | 69    | 2   | 3       | 3       | HNAA203 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA205 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090210 | Các hệ thống rời rạc                       | 02 |       | 77    | 5   | 6       | 3       | HNAA206 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA305 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090211 | Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình        | 01 |       | 33    | 2   | 6       | 3       | HNAB205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0902-20      | Nguyễn ánh Dương    |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD302 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-20      | Nguyễn ánh Dương    |
| 4090212 | Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất | 01 |       | 52    | 2   | 3       | 3       | HNAA205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh     |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA305 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh     |
| 4090212 | Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất | 02 |       | 70    | 2   | 6       | 3       | HNAA203 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh     |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA203 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0902-04      | Nguyễn Chí Tinh     |
| 4090213 | Điện tử công suất                          | 01 |       | 52    | 2   | 6       | 3       | HNAA303 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA308 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090213 | Điện tử công suất                          | 02 |       | 60    | 4   | 1       | 3       | HNBG301 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG301 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090213 | Điện tử công suất                          | 03 |       | 52    | 3   | 8       | 3       | HNBG301 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNBG301 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090214 | Cơ sở truyền động điện                     | 01 |       | 29    | 2   | 3       | 3       | HNBG407 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                      | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|--------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090214 | Cơ sở truyền động điện                           | 01 |       | 29    | 5   | 3       | 3       | HNBG608 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 4090214 | Cơ sở truyền động điện                           | 02 |       | 60    | 4   | 1       | 3       | HNBG301 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG301 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090214 | Cơ sở truyền động điện                           | 03 |       | 60    | 3   | 8       | 3       | HNBG301 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                  |    |       |       | 5   | 8       | 3       | HNBG301 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090214 | Cơ sở truyền động điện                           | 04 |       | 60    | 2   | 6       | 3       | HNBG301 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                                                  |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG301 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090216 | Điều khiển tự động truyền động điện              | 02 |       | 64    | 4   | 1       | 3       | HNAA204 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAA205 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 4090216 | Điều khiển tự động truyền động điện              | 03 |       | 72    | 4   | 10      | 3       | HNAA206 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA203 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 4090220 | Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA              | 01 |       | 32    | 4   | 9       | 3       | HNAB505 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB501 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
| 4090220 | Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA              | 02 |       | 52    | 3   | 1       | 3       | HNAA206 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
|         |                                                  |    |       |       | 5   | 10      | 3       | HNAA304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
| 4090220 | Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA              | 03 |       | 61    | 2   | 9       | 3       | HNAB504 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA305 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0902-04      | Nguyễn Chí Tình     |
| 4090221 | Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa               | 01 |       | 59    | 2   | 3       | 3       | HNAA308 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                  |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAA406 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090221 | Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa               | 02 |       | 62    | 2   | 8       | 3       | HNAA205 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA305 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090222 | Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí | 01 |       | 28    | 4   | 6       | 3       | HNBG303 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyến    |
|         |                                                  |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAD502 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyến    |
| 4090223 | Robot công nghiệp                                | 01 |       | 63    | 4   | 3       | 3       | HNAA203 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA204 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
| 4090223 | Robot công nghiệp                                | 02 |       | 73    | 4   | 10      | 3       | HNAA304 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |
|         |                                                  |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA304 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-05      | Nguyễn Đức Khoát    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090224 | Phương pháp lập trình CNC   | 01 |       | 53    | 5   | 8       | 3       | HNAD204 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
|         |                             |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA404 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
| 4090224 | Phương pháp lập trình CNC   | 02 |       | 60    | 3   | 9       | 3       | HNAA206 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
|         |                             |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA304 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
| 4090224 | Phương pháp lập trình CNC   | 03 |       | 66    | 3   | 6       | 3       | HNAA205 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
|         |                             |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAA206 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
| 4090224 | Phương pháp lập trình CNC   | 05 |       | 65    | 7   | 6       | 3       | HNAB206 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
| 4090225 | Tin học công nghiệp + TH    | 01 |       | 14    | 3   | 3       | 3       | HNBG104 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
|         |                             |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG104 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
|         |                             |    |       |       | 7   | 4       | 2       | HNBG104 | 05/11/2016 - 10/12/2016                            | 0902-12      | Uông Quang Tuyền    |
| 4090226 | Chuyên đề 1+2               | 01 |       | 63    | 4   | 3       | 3       | HNAA205 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực      |
|         |                             |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA206 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực      |
| 4090226 | Chuyên đề 1+2               | 02 |       | 74    | 4   | 9       | 3       | HNAD302 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực      |
|         |                             |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA303 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực      |
| 4090227 | Điện tử công suất + BTL     | 01 |       | 32    | 2   | 9       | 2       | HNAA203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                             |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNAA403 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
| 4090227 | Điện tử công suất + BTL     | 02 |       | 71    | 3   | 2       | 2       | HNAA305 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                             |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAA304 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090227 | Điện tử công suất + BTL     | 03 |       | 46    | 2   | 11      | 2       | HNAB405 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
|         |                             |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNAA305 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-08      | Khổng Cao Phong     |
| 4090238 | Kỹ thuật điều khiển tự động | 01 |       | 40    | 2   | 8       | 3       | HNAA307 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
|         |                             |    |       |       | 3   | 9       | 3       | HNAA307 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0902-11      | Phạm Thị Thanh Loan |
| 4090244 | Kỹ thuật đo lường           | 01 |       | 30    | 3   | 11      | 3       | HNAB306 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                             |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAD304 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 4090244 | Kỹ thuật đo lường           | 02 |       | 62    | 3   | 3       | 3       | HNAA308 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
|         |                             |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAA306 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0902-07      | Đặng Văn Chí        |
| 4090246 | Truyền động điện            | 01 |       | 44    | 3   | 3       | 3       | HNBG301 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |
|         |                             |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG606 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Tự động hoá (09 0902)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4090246 | Truyền động điện                | 02 |       | 31    | 3   | 6       | 3       | HNBG603 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo     |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG601 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0902-03      | Phan Minh Tạo     |
| 4090249 | Kỹ thuật vi điều khiển          | 01 |       | 55    | 3   | 4       | 2       | HNBG606 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-14      | Đào Hiếu          |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 7       | 2       | HNBG602 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0902-14      | Đào Hiếu          |
| 4090251 | Kỹ thuật Vi điều khiển          | 01 |       | 20    | 7   | 3       | 3       | HNAB201 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0902-19      | Nguyễn Thế Lực    |
| 4090255 | Truyền động điện                | 01 |       | 38    | 3   | 10      | 2       | HNAD202 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0902-03      | Phan Minh Tạo     |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAA406 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0902-03      | Phan Minh Tạo     |
| 4090301 | Kỹ thuật điện +TN               | 01 |       | 51    | 2   | 6       | 2       | HNAB507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 8       | 2       | HNAB506 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0903-08      | Cung Quang Khang  |
| 4090301 | Kỹ thuật điện +TN               | 02 |       | 60    | 4   | 4       | 2       | HNAD202 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh   |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB503 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh   |
| 4090301 | Kỹ thuật điện +TN               | 03 |       | 63    | 5   | 8       | 2       | HNAB202 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh   |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 9       | 2       | HNAD203 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0903-13      | Kim Thị Cẩm ánh   |
| 4090301 | Kỹ thuật điện +TN               | 04 |       | 60    | 2   | 4       | 2       | HNAB306 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAB306 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
| 4090301 | Kỹ thuật điện +TN               | 05 |       | 46    | 3   | 9       | 2       | HNAA409 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNAB404 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
| 4090301 | Kỹ thuật điện +TN               | 06 |       | 61    | 3   | 4       | 2       | HNAB306 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAB307 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |
| 4090303 | Kỹ thuật điện - điện tử +TN     | 01 |       | 59    | 3   | 9       | 3       | HNAB504 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAD303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
| 4090305 | Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN | 01 |       | 59    | 2   | 9       | 2       | HNAA407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 9       | 2       | HNAB204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật điện - Điện tử (09 0903)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|--------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4090305 | Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN            | 02 |       | 57    | 4   | 1       | 2       | HNAB207 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 2       | 2       | HNAB405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 4090307 | Lý thuyết mạch điện - điện tử +TN          | 01 |       | 35    | 3   | 1       | 3       | HNAD402 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 4090308 | Cơ sở lý thuyết trường điện từ             | 01 |       | 59    | 3   | 1       | 3       | HNAA402 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0903-04      | Phạm Công Hòa     |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA307 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0903-04      | Phạm Công Hòa     |
| 4090308 | Cơ sở lý thuyết trường điện từ             | 02 |       | 62    | 3   | 9       | 3       | HNAA307 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0903-04      | Phạm Công Hòa     |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA404 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0903-04      | Phạm Công Hòa     |
| 4090310 | Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN | 01 |       | 57    | 2   | 2       | 2       | HNAA306 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 1       | 2       | HNAA402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
| 4090310 | Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN | 02 |       | 48    | 3   | 6       | 2       | HNAB207 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB307 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
| 4090312 | Thiết kế mạch điện tử                      | 01 |       | 45    | 2   | 6       | 3       | HNBG501 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG603 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
| 4090312 | Thiết kế mạch điện tử                      | 02 |       | 52    | 4   | 6       | 3       | HNBG508 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG502 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0903-06      | Kim Ngọc Linh     |
| 4090315 | Xử lý số tín hiệu                          | 01 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNAA303 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0903-15      | Hà Thị Chúc       |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA206 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0903-15      | Hà Thị Chúc       |
| 4090315 | Xử lý số tín hiệu                          | 02 |       | 53    | 3   | 9       | 3       | HNAA306 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0903-15      | Hà Thị Chúc       |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAA308 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0903-15      | Hà Thị Chúc       |
| 4090317 | Hệ thống thông tin đo lường                | 01 |       | 43    | 3   | 10      | 3       | HNBG508 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
|         |                                            |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG201 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0903-09      | Nguyễn Thạc Khánh |
| 4090320 | Dụng cụ và thiết bị đo lường điện tử       | 01 |       | 52    | 3   | 1       | 3       | HNBG608 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
|         |                                            |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG305 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
| 4090320 | Dụng cụ và thiết bị đo lường điện tử       | 02 |       | 51    | 4   | 9       | 3       | HNBG508 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
|         |                                            |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG403 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0903-17      | Tổng Ngọc Anh     |
| 4090322 | Trang bị điện - điện tử công nghiệp        | 01 |       | 45    | 2   | 1       | 3       | HNBG508 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0903-07      | Đinh Văn Thắng    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật điện - Điện tử (09 0903)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4090322 | Trang bị điện - điện tử công nghiệp          | 01 |       | 45    | 4   | 11      | 3       | HNBG106 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0903-07      | Đinh Văn Thắng      |
| 4090324 | Chuyên đề điện - điện tử 1                   | 01 |       | 46    | 3   | 1       | 3       | HNBG102 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ      |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG305 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ      |
| 4090325 | Chuyên đề điện - điện tử 2                   | 01 |       | 45    | 4   | 1       | 3       | HNBG305 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0903-08      | Cung Quang Khang    |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG205 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0903-08      | Cung Quang Khang    |
| 4090326 | Kỹ thuật vi xử lý +TN                        | 01 |       | 49    | 4   | 4       | 2       | HNBG603 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ      |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNBG506 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ      |
| 4090326 | Kỹ thuật vi xử lý +TN                        | 02 |       | 48    | 3   | 6       | 2       | HNBG602 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ      |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 2       | HNBG508 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0903-18      | Nguyễn Tiến Sĩ      |
| 4090327 | Điều khiển logic các thiết bị điện - điện tử | 01 |       | 43    | 3   | 1       | 3       | HNBG401 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0903-08      | Cung Quang Khang    |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB405 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0903-08      | Cung Quang Khang    |
| 4090341 | Mô phỏng mạch điện và điện tử                | 01 |       | 64    | 7   | 3       | 3       | HNBG407 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0903-10      | Nguyễn Trường Giang |
| 4090401 | Nguyên lý máy + BTL                          | 01 |       | 51    | 2   | 6       | 2       | HNAA307 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0904-13      | Nguyễn Duy Chính    |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 6       | 2       | HNAA405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0904-13      | Nguyễn Duy Chính    |
| 4090401 | Nguyên lý máy + BTL                          | 02 |       | 40    | 2   | 8       | 2       | HNAB207 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng      |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAD402 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng      |
| 4090402 | Vật liệu kỹ thuật + TN                       | 01 |       | 58    | 5   | 9       | 2       | HNAA405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng   |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAA405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng   |
| 4090402 | Vật liệu kỹ thuật + TN                       | 02 |       | 56    | 2   | 12      | 2       | HNAA303 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng   |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 10      | 2       | HNAB202 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng   |
| 4090402 | Vật liệu kỹ thuật + TN                       | 03 |       | 49    | 2   | 4       | 2       | HNAB201 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0904-05      | Phạm Thị Thủy       |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAB306 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0904-05      | Phạm Thị Thủy       |
| 4090404 | Kỹ thuật đo + BTL                            | 01 |       | 36    | 3   | 11      | 2       | HNAB201 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh      |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 12      | 2       | HNAA205 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4090404 | Kỹ thuật đo + BTL          | 02 |       | 42    | 4   | 12         | 2       | HNAA308 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh     |
|         |                            |    |       |       | 5   | 11         | 2       | HNAA208 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh     |
| 4090406 | Cơ sở thiết kế máy         | 01 |       | 61    | 4   | 8          | 2       | HNAA407 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng  |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAA405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng  |
| 4090406 | Cơ sở thiết kế máy         | 02 |       | 42    | 4   | 4          | 2       | HNAA307 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0904-30      | Phạm Tuấn          |
|         |                            |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAA306 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0904-30      | Phạm Tuấn          |
| 4090408 | Kỹ thuật gia công cơ khí 1 | 01 |       | 47    | 3   | 6          | 3       | HNAA404 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh     |
|         |                            |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAA406 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 01/12/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh     |
| 4090409 | Kỹ thuật gia công cơ khí 2 | 01 |       | 40    | 4   | 9          | 2       |         | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6          | 2       |         | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0904-11      | Lê Quang Thịnh     |
| 4090409 | Kỹ thuật gia công cơ khí 2 | 02 |       | 41    | 2   | 10         | 2       | HNAD502 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng  |
|         |                            |    |       |       | 3   | 11         | 2       | HNAA407 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0904-14      | Nguyễn Thanh Tùng  |
| 4090412 | Thủy lực cơ sở A + TN      | 01 |       | 60    | 2   | 4          | 2       | HNAB404 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
|         |                            |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAB404 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
| 4090412 | Thủy lực cơ sở A + TN      | 02 |       | 60    | 2   | 6          | 2       | HNAB405 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6          | 2       | HNAD304 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B           | 01 |       | 42    | 2   | 9          | 3       | HNBG607 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNBG104 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B           | 02 |       | 58    | 2   | 9          | 3       | HNAD304 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
|         |                            |    |       |       | 5   | 9          | 3       | HNAA207 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B           | 03 |       | 46    | 2   | 3          | 3       | HNAB204 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
|         |                            |    |       |       | 4   | 9          | 3       | HNAD202 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B           | 04 |       | 60    | 3   | 6          | 3       | HNAA207 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
|         |                            |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAD502 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B           | 05 |       | 61    | 4   | 6          | 3       | HNAD204 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học              | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|--------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 05 |       | 61    | 5   | 9       | 3       | HNAD403 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 07 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA409 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
|         |                          |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB506 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 08 |       | 60    | 2   | 9       | 3       | HNAB205 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
|         |                          |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNAA408 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 09 |       | 52    | 3   | 8       | 3       | HNAD402 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
|         |                          |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB507 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 11 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAB305 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
|         |                          |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNAB307 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 12 |       | 53    | 2   | 9       | 3       | HNAA306 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0904-07      | Phạm Đức Thiên     |
|         |                          |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAB501 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0904-07      | Phạm Đức Thiên     |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 13 |       | 60    | 4   | 1       | 3       | HNAB306 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
|         |                          |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD304 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 14 |       | 56    | 3   | 3       | 3       | HNAA308 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0904-31      | Lê Kinh Thanh      |
|         |                          |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAA306 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0904-31      | Lê Kinh Thanh      |
| 4090413 | Thủy lực cơ sở B         | 15 |       | 52    | 4   | 6       | 3       | HNAA404 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0904-31      | Lê Kinh Thanh      |
|         |                          |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA402 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0904-31      | Lê Kinh Thanh      |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B         | 01 |       | 61    | 2   | 11      | 3       | HNAA307 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
|         |                          |    |       |       | 4   | 11      | 3       | HNAB201 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B         | 02 |       | 62    | 2   | 6       | 3       | HNAD304 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
|         |                          |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB401 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B         | 03 |       | 58    | 3   | 1       | 3       | HNAB401 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
|         |                          |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNAB207 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B         | 04 |       | 46    | 3   | 9       | 3       | HNAB202 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
|         |                          |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB202 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B         | 05 |       | 63    | 2   | 6       | 3       | HNAB206 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
|         |                          |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAB305 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
| 4090415 | Kỹ thuật nhiệt B         | 06 |       | 61    | 4   | 1       | 3       | HNAD304 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
|         |                          |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD304 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0904-05      | Phạm Thị Thủy      |
| 4090417 | Kỹ thuật thủy khí B + TN | 01 |       | 36    | 3   | 1       | 2       | HNAA208 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0904-07      | Phạm Đức Thiên     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Kỹ thuật cơ khí (09 0904)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4090417 | Kỹ thuật thủy khí B + TN                     | 01 |       | 36    | 6   | 10      | 2       | HNAD402 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0904-07      | Phạm Đức Thiện     |
| 4090418 | Kỹ thuật thủy khí C                          | 01 |       | 64    | 2   | 1       | 3       | HNAD402 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD503 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
| 4090418 | Kỹ thuật thủy khí C                          | 03 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNAA402 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
|         |                                              |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAB501 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
| 4090418 | Kỹ thuật thủy khí C                          | 04 |       | 62    | 4   | 6       | 3       | HNAB205 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA306 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
| 4090418 | Kỹ thuật thủy khí C                          | 06 |       | 36    | 7   | 1       | 3       | HNAA409 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0904-18      | Nguyễn Sơn Tùng    |
| 4090421 | Nguyên lý máy                                | 01 |       | 70    | 3   | 1       | 3       | HNAA306 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng     |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA307 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng     |
| 4090421 | Nguyên lý máy                                | 02 |       | 58    | 3   | 6       | 3       | HNAA407 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0904-13      | Nguyễn Duy Chính   |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB206 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0904-13      | Nguyễn Duy Chính   |
| 4090435 | Truyền động - tự động thủy lực thể tích + TN | 01 |       | 37    | 4   | 6       | 3       | HNBG602 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
|         |                                              |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG508 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0904-03      | Nguyễn Văn Lại     |
| 4090437 | Truyền động thủy động                        | 01 |       | 37    | 3   | 1       | 3       | HNBG101 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng     |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG607 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0904-12      | Bùi Minh Hoàng     |
| 4090443 | Tiếng Anh chuyên ngành                       | 01 |       | 37    | 2   | 6       | 3       | HNBG507 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
|         |                                              |    |       |       | 3   | 1       | 3       | HNBG503 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090444 | Tin học chuyên đề                            | 01 |       | 30    | 7   | 6       | 3       | HNAB405 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0904-16      | Nguyễn Phúc Trường |
| 4090502 | Truyền động thủy khí + BTL                   | 01 |       | 44    | 3   | 2       | 2       | HNBG201 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng   |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNBG102 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng   |
| 4090503 | Thiết bị động lực                            | 01 |       | 26    | 3   | 11      | 3       | HNBG601 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng   |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNAD503 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng   |
| 4090503 | Thiết bị động lực                            | 02 |       | 63    | 3   | 6       | 3       | HNAA306 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng   |
|         |                                              |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB401 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng   |
| 4090503 | Thiết bị động lực                            | 03 |       | 70    | 7   | 9       | 3       | HNAA407 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0905-15      | Nguyễn Thế Hoàng   |
| 4090504 | Máy vận tải + ĐA                             | 01 |       | 48    | 2   | 11      | 3       | HNAA407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0905-12      | Đặng Vũ Đình       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Máy và thiết bị công nghiệp (09 0905)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|-----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------|
| 4090504 | Máy vận tải + ĐA            | 01 |       | 48    | 4   | 11      | 3       | HNBG502 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0905-12      | Đặng Vũ Đình   |
| 4090505 | Máy nâng - máy xếp dỡ       | 01 |       | 47    | 3   | 1       | 3       | HNBG107 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô  |
|         |                             |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAD403 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô  |
| 4090507 | Trục tải                    | 01 |       | 48    | 3   | 11      | 3       | HNAA204 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô  |
|         |                             |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNBG603 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô  |
| 4090510 | Công nghệ sửa chữa máy      | 01 |       | 42    | 3   | 4       | 2       | HNBG607 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0905-08      | Phạm Văn Tiến  |
|         |                             |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG603 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0905-08      | Phạm Văn Tiến  |
| 4090510 | Công nghệ sửa chữa máy      | 02 |       | 42    | 2   | 9       | 2       | HNBG507 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0905-08      | Phạm Văn Tiến  |
|         |                             |    |       |       | 4   | 9       | 2       | HNBG607 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-08      | Phạm Văn Tiến  |
| 4090512 | Tin học chuyên ngành        | 01 |       | 45    | 3   | 1       | 3       | HNBG103 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô  |
|         |                             |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNAB203 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0904-09      | Nguyễn Văn Xô  |
| 4090539 | Máy thủy khí                | 01 |       | 56    | 2   | 1       | 3       | HNAD403 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0905-01      | Vũ Nam Ngạn    |
|         |                             |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB506 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0905-01      | Vũ Nam Ngạn    |
| 4090539 | Máy thủy khí                | 02 |       | 41    | 2   | 6       | 3       | HNAB303 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0905-11      | Vũ Ngọc Trà    |
|         |                             |    |       |       | 3   | 1       | 3       | HNAB204 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0905-11      | Vũ Ngọc Trà    |
| 4090539 | Máy thủy khí                | 03 |       | 39    | 3   | 3       | 3       | HNAA208 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0905-07      | Trần Ngọc Minh |
|         |                             |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAB401 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0905-07      | Trần Ngọc Minh |
| 4090539 | Máy thủy khí                | 04 |       | 59    | 2   | 8       | 3       | HNAD304 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0905-11      | Vũ Ngọc Trà    |
|         |                             |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNAD203 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0905-11      | Vũ Ngọc Trà    |
| 4090539 | Máy thủy khí                | 05 |       | 62    | 2   | 1       | 3       | HNAB405 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0905-11      | Vũ Ngọc Trà    |
|         |                             |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAA206 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0905-11      | Vũ Ngọc Trà    |
| 4090541 | Máy thủy lực và máy nén khí | 01 |       | 71    | 2   | 4       | 2       | HNAA404 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0905-07      | Trần Ngọc Minh |
|         |                             |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNAA407 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-07      | Trần Ngọc Minh |
| 4090541 | Máy thủy lực và máy nén khí | 02 |       | 65    | 2   | 9       | 2       | HNAA402 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0905-07      | Trần Ngọc Minh |
|         |                             |    |       |       | 4   | 9       | 2       | HNAB205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-07      | Trần Ngọc Minh |
| 4090545 | Vận tải và kho chứa         | 01 |       | 54    | 3   | 2       | 2       | HNAD503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0905-12      | Đặng Vũ Đình   |
|         |                             |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAB204 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0905-12      | Đặng Vũ Đình   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Cơ điện**

**Bộ môn: Máy và thiết bị công nghiệp (09 0905)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên      |
|---------|-----------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|----------------|
| 4090545 | Vận tải và kho chứa                                             | 02 |       | 50    | 3   | 9       | 2       | HNAD403 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0905-14      | Trần Viết Linh |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNAB405 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0905-14      | Trần Viết Linh |
| 4090547 | Máy khai thác và máy vận tải                                    | 01 |       | 60    | 4   | 4       | 2       | HNAB303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-09      | Trần Bá Trung  |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 4       | 2       | HNAA409 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0905-09      | Trần Bá Trung  |
| 4090547 | Máy khai thác và máy vận tải                                    | 02 |       | 41    | 4   | 10      | 2       | HNAD303 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-06      | Đặng Trần Việt |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 10      | 2       | HNAB502 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0905-06      | Đặng Trần Việt |
| 4090547 | Máy khai thác và máy vận tải                                    | 03 |       | 40    | 4   | 1       | 2       | HNAA305 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-06      | Đặng Trần Việt |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 1       | 2       | HNAB204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0905-06      | Đặng Trần Việt |
| 4090547 | Máy khai thác và máy vận tải                                    | 04 |       | 35    | 2   | 6       | 2       | HNAB506 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp  |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 11      | 2       | HNAA207 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp  |
| 4090547 | Máy khai thác và máy vận tải                                    | 05 |       | 46    | 3   | 2       | 2       | HNAD502 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp  |
|         |                                                                 |    |       |       | 5   | 2       | 2       | HNAD403 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp  |
| 4090550 | Máy xây dựng                                                    | 01 |       | 44    | 2   | 1       | 3       | HNBG301 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0905-08      | Phạm Văn Tiến  |
|         |                                                                 |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG108 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0905-08      | Phạm Văn Tiến  |
| 4090572 | Máy vận tải                                                     | 01 |       | 40    | 2   | 4       | 2       | HNBG606 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0905-14      | Trần Viết Linh |
|         |                                                                 |    |       |       | 4   | 4       | 2       | HNBG606 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-14      | Trần Viết Linh |
| 4090574 | Máy và thiết bị khai thác mỏ                                    | 01 |       | 40    | 2   | 2       | 2       | HNBG608 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp  |
|         |                                                                 |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNBG607 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0905-02      | Đoàn Văn Giáp  |
| 4100101 | Các phương pháp số                                              | 01 |       | 70    | 3   | 3       | 3       | HNBG507 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0303-10      | Đặng Văn Kiên  |
|         |                                                                 |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNBG508 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0303-10      | Đặng Văn Kiên  |
| 4100101 | Các phương pháp số                                              | 02 |       | 77    | 4   | 10      | 3       | HNBG501 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0303-10      | Đặng Văn Kiên  |
|         |                                                                 |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNBG403 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-10      | Đặng Văn Kiên  |
| 4100105 | Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ngầm và mỏ | 01 |       | 46    | 2   | 10      | 3       | HNAD503 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh |
|         |                                                                 |    |       |       | 4   | 10      | 3       | HNAB401 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4100106 | Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ngầm                   | 01 |       | 26    | 2   | 10      | 3       | HNAB505 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
|         |                                                                             |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNAA208 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
| 4100106 | Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ngầm                   | 02 |       | 25    | 3   | 10      | 3       | HNAA402 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
|         |                                                                             |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA404 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
| 4100110 | Quy hoạch thiết kế các công trình trên mặt đất                              | 01 |       | 61    | 7   | 6       | 3       | HNAA408 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-12      | Đào Viết Đoàn    |
| 4100113 | Cấu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm và mỏ                        | 03 |       | 61    | 4   | 6       | 3       | HNBG106 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0303-16      | Nguyễn Tài Tiến  |
|         |                                                                             |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG606 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0303-16      | Nguyễn Tài Tiến  |
| 4100114 | Cấu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm                              | 01 |       | 45    | 4   | 9       | 3       | HNBG305 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0303-16      | Nguyễn Tài Tiến  |
|         |                                                                             |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG407 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-16      | Nguyễn Tài Tiến  |
| 4100114 | Cấu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm                              | 02 |       | 43    | 2   | 6       | 3       | HNBG205 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                             |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG103 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
| 4100116 | Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm giao thông - đô thị | 01 |       | 39    | 4   | 3       | 3       | HNBG106 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                             |    |       |       | 5   | 11      | 3       | HNBG402 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
| 4100118 | Xây dựng công trình ngầm giao thông - đô thị                                | 01 |       | 38    | 2   | 11      | 3       | HNAA203 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
|         |                                                                             |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNBG103 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
| 4100120 | Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm                     | 01 |       | 62    | 4   | 1       | 3       | HNBG103 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                             |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG102 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
| 4100121 | Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp                            | 01 |       | 23    | 2   | 6       | 2       | HNBG102 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh      |
|         |                                                                             |    |       |       | 6   | 6       | 2       | HNBG107 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh      |
| 4100134 | Xây dựng công trình ngầm và mỏ trong các điều kiện đặc biệt                 | 01 |       | 53    | 3   | 10      | 3       | HNAA406 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0303-42      | Đặng Văn Quân    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|-------------------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4100134 | Xây dựng công trình ngầm và mỏ trong các điều kiện đặc biệt       | 01 |       | 53    | 5   | 10      | 3       | HNAA407 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0303-42      | Đặng Văn Quân    |
| 4100138 | An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm       | 01 |       | 40    | 2   | 3       | 3       | HNAB203 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-05      | Ngô Doãn Hào     |
|         |                                                                   |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNBG107 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0303-05      | Ngô Doãn Hào     |
| 4100139 | An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm và mỏ | 01 |       | 48    | 2   | 10      | 3       | HNAD302 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh      |
|         |                                                                   |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAA305 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0303-07      | Đỗ Ngọc Anh      |
| 4100140 | Nguyên lý thiết kế xây dựng công trình ngầm và mỏ                 | 01 |       | 59    | 3   | 6       | 3       | HNAB506 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
|         |                                                                   |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAB306 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
| 4100141 | Nguyên lý thiết kế xây dựng công trình ngầm                       | 01 |       | 40    | 2   | 3       | 3       | HNAD502 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG607 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-01      | Võ Trọng Hùng    |
| 4100147 | Ngoại ngữ chuyên ngành xây dựng công trình ngầm và mỏ             | 01 |       | 13    | 7   | 9       | 3       | HNAA406 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-16      | Nguyễn Tài Tiến  |
| 4100149 | Quy hoạch không gian ngầm thành phố                               | 01 |       | 62    | 7   | 6       | 3       | HNAA407 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
| 4100150 | Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp                  | 01 |       | 19    | 7   | 3       | 3       | HNBG103 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
| 4100151 | Xây dựng giếng đứng                                               | 01 |       | 47    | 4   | 10      | 3       | HNBG107 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0303-04      | Đào Văn Canh     |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNAA204 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-04      | Đào Văn Canh     |
| 4100151 | Xây dựng giếng đứng                                               | 02 |       | 36    | 4   | 6       | 3       | HNBG108 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0303-04      | Đào Văn Canh     |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG305 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0303-04      | Đào Văn Canh     |
| 4100151 | Xây dựng giếng đứng                                               | 03 |       | 46    | 3   | 6       | 3       | HNBG103 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0303-10      | Đặng Văn Kiên    |
|         |                                                                   |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNBG102 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0303-10      | Đặng Văn Kiên    |
| 4100153 | Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm                       | 01 |       | 50    | 3   | 11      | 3       | HNBG103 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNBG607 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
| 4100153 | Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm                       | 02 |       | 60    | 7   | 9       | 3       | HNAA405 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-11      | Trần Tuấn Minh   |
| 4100157 | Tổ chức và quản lý thi công                                       | 01 |       | 56    | 4   | 6       | 3       | HNAA404 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0303-09      | Đặng Trung Thành |
|         |                                                                   |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAB303 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-09      | Đặng Trung Thành |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Xây dựng công trình ngầm và mỏ (10 0303)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|---------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-----------------|
| 4100157 | Tổ chức và quản lý thi công     | 02 |       | 40    | 2   | 6       | 3       | HNAA409 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-12      | Đào Viết Đoàn   |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 11      | 3       | HNBG607 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0303-12      | Đào Viết Đoàn   |
| 4100159 | Đào chống lò                    | 01 |       | 64    | 7   | 2       | 4       | HNAB501 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-42      | Đặng Văn Quân   |
| 4100168 | Bê tông cốt thép ứng suất trước | 01 |       | 61    | 7   | 2       | 3       | HNBG608 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-11      | Trần Tuấn Minh  |
| 4100168 | Bê tông cốt thép ứng suất trước | 02 |       | 56    | 7   | 6       | 3       | HNAA207 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-10      | Đặng Văn Kiên   |
| 4100203 | Môi trường trong xây dựng       | 01 |       | 47    | 2   | 10      | 3       | HNAA206 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
|         |                                 |    |       |       | 7   | 6       | 3       | HNAA305 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
| 4100203 | Môi trường trong xây dựng       | 02 |       | 56    | 3   | 1       | 3       | HNAB203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
| 4100204 | Kết cấu bê tông cốt thép        | 01 |       | 60    | 4   | 4       | 2       | HNAB205 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAA405 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh |
| 4100204 | Kết cấu bê tông cốt thép        | 02 |       | 64    | 3   | 6       | 2       | HNAB205 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNAA409 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh |
| 4100204 | Kết cấu bê tông cốt thép        | 03 |       | 56    | 2   | 2       | 2       | HNAB206 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh |
|         |                                 |    |       |       | 4   | 2       | 2       | HNAB305 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0303-08      | Nguyễn Văn Mạnh |
| 4100204 | Kết cấu bê tông cốt thép        | 04 |       | 42    | 3   | 4       | 2       | HNAD502 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0303-15      | Phạm Thị Nhân   |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNAB204 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0303-15      | Phạm Thị Nhân   |
| 4100206 | Kết cấu thép                    | 01 |       | 60    | 2   | 3       | 3       | HNAA408 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB205 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
| 4100206 | Kết cấu thép                    | 02 |       | 57    | 4   | 8       | 3       | HNAB207 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNAA306 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
| 4100206 | Kết cấu thép                    | 03 |       | 49    | 2   | 6       | 3       | HNAA207 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0303-15      | Phạm Thị Nhân   |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 9       | 3       | HNAD403 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0303-15      | Phạm Thị Nhân   |
| 4100210 | Kính tế xây dựng                | 01 |       | 60    | 4   | 6       | 3       | HNBG103 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
|         |                                 |    |       |       | 6   | 6       | 3       | HNBG301 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0303-18      | Lê Tuấn Anh     |
| 4100211 | Kiến trúc 1                     | 01 |       | 72    | 3   | 1       | 2       | HNBG507 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi    |
|         |                                 |    |       |       | 5   | 1       | 2       | HNBG508 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi    |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Xây dựng**

**Bộ môn: Kỹ thuật xây dựng (10 1002)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-----------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|-------------------|
| 4100211 | Kiến trúc 1                                   | 02 |       | 70    | 4   | 8       | 2       | HNBG506 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
|         |                                               |    |       |       | 6   | 8       | 2       | HNBG501 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
| 4100213 | Kiến trúc 2                                   | 01 |       | 27    | 4   | 1       | 3       | HNAB203 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
| 4100214 | Kết cấu khung nhà nhiều tầng                  | 01 |       | 28    | 3   | 6       | 4       | HNBG104 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
| 4100216 | ứng dụng tin học trong thiết kế công trình    | 01 |       | 27    | 2   | 6       | 3       | HNAB203 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
| 4100217 | Kỹ thuật thi công                             | 01 |       | 44    | 3   | 11      | 3       | HNAB307 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn   |
| 4100218 | Thi công nhà nhiều tầng                       | 01 |       | 41    | 5   | 6       | 4       | HNAB203 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
| 4100220 | Xây dựng trong điều kiện đặc biệt             | 01 |       | 41    | 2   | 11      | 3       | HNAB204 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn   |
| 4100223 | Quy hoạch và thiết kế đô thị                  | 01 |       | 60    | 7   | 9       | 3       | HNAA404 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-15      | Phạm Thị Nhân     |
| 4100224 | Nhà nhiều tầng                                | 01 |       | 61    | 7   | 6       | 3       | HNAA406 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
| 4100226 | Giám sát thi công                             | 01 |       | 65    | 7   | 9       | 3       | HNAA403 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 1002-07      | Đặng Văn Phi      |
| 4100227 | Thông gió và chiếu sáng                       | 01 |       | 60    | 7   | 6       | 3       | HNAA405 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0303-35      | Nguyễn Xuân Mãn   |
| 4100301 | Thiết kế công trình cầu                       | 01 |       | 41    | 3   | 8       | 2       | HNBG108 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 1003-02      | Nguyễn Trọng Dũng |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 8       | 2       | HNBG101 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 1003-02      | Nguyễn Trọng Dũng |
| 4100303 | Quy hoạch giao thông và thiết kế đường        | 01 |       | 41    | 3   | 6       | 2       | HNBG301 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 1003-05      | Bùi Anh Thắng     |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 10      | 2       | HNBG408 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 1003-05      | Bùi Anh Thắng     |
| 4100310 | Tổ chức và quản lý giao thông đô thị          | 01 |       | 43    | 3   | 10      | 3       | HNAA406 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh      |
|         |                                               |    |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAA402 | 10/09/2016 - 15/10/2016                            | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh      |
| 4100311 | Thiết kế đường sân bay                        | 01 |       | 43    | 2   | 1       | 3       | HNAD403 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 1003-05      | Bùi Anh Thắng     |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAD402 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 1003-05      | Bùi Anh Thắng     |
| 4100312 | Thi công công trình đường                     | 01 |       | 43    | 4   | 4       | 2       | HNAB507 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh      |
|         |                                               |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNAD302 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0405-04      | Tạ Đức Thịnh      |
| 4100325 | Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ tầng cơ sở | 02 |       | 38    | 7   | 2       | 3       | HNBG606 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 1003-02      | Nguyễn Trọng Dũng |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Môi trường cơ sở (11 1101)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 4110101 | Hóa học môi trường + TN                           | 01 |       | 50    | 2   | 4          | 2       | HNAB401 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0103-02      | Hoàng Thị Chung  |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 1          | 2       | HNAB401 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-02      | Hoàng Thị Chung  |
| 4110101 | Hóa học môi trường + TN                           | 02 |       | 46    | 3   | 6          | 2       | HNAB507 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0103-02      | Hoàng Thị Chung  |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 6          | 2       | HNAB303 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0103-02      | Hoàng Thị Chung  |
| 4110101 | Hóa học môi trường + TN                           | 03 |       | 14    | 7   | 2          | 4       | HNAB305 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0103-02      | Hoàng Thị Chung  |
| 4110102 | Phân tích môi trường                              | 01 |       | 82    | 4   | 1          | 3       | HNAA207 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0103-02      | Hoàng Thị Chung  |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 1          | 3       | HNAA207 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0103-02      | Hoàng Thị Chung  |
| 4110102 | Phân tích môi trường                              | 02 |       | 80    | 3   | 6          | 3       | HNAA207 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 6          | 3       | HNAA207 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam |
| 4110102 | Phân tích môi trường                              | 03 |       | 17    | 3   | 6          | 3       | HNAA403 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNAD502 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam |
| 4110104 | Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường | 01 |       | 41    | 3   | 3          | 3       | HNAB404 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0407-06      | Nguyễn Văn Bình  |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 3          | 3       | HNAB205 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0407-06      | Nguyễn Văn Bình  |
| 4110104 | Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường | 02 |       | 35    | 3   | 6          | 3       | HNAB506 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0408-09      | Đỗ Cao Cường     |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 8          | 3       | HNAD402 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0408-09      | Đỗ Cao Cường     |
| 4110105 | Quá trình chuyển khối trong công nghệ môi trường  | 01 |       | 41    | 2   | 1          | 2       | HNAB506 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0601-06      | Nguyễn Văn Dũng  |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 4          | 2       | HNAD402 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 0601-06      | Nguyễn Văn Dũng  |
| 4110105 | Quá trình chuyển khối trong công nghệ môi trường  | 02 |       | 39    | 3   | 10         | 2       | HNAD203 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0601-06      | Nguyễn Văn Dũng  |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 9          | 2       | HNAA207 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0601-06      | Nguyễn Văn Dũng  |
| 4110106 | Sinh thái học môi trường                          | 02 |       | 61    | 4   | 4          | 2       | HNAB405 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0408-03      | Trần Thị Kim Hà  |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 4          | 2       | HNAB401 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0408-03      | Trần Thị Kim Hà  |
| 4110106 | Sinh thái học môi trường                          | 03 |       | 40    | 2   | 6          | 2       | HNAB401 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0408-03      | Trần Thị Kim Hà  |
|         |                                                   |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNAB204 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0408-03      | Trần Thị Kim Hà  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                       | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng    | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|---------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|----------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4110107 | Vi hóa sinh môi trường + TN                       | 01 |       | 47    | 2   | 9       | 3       | HNAB307  | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
|         |                                                   |    |       |       | 3   | 10      | 3       | HNAB204  | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
| 4110107 | Vi hóa sinh môi trường + TN                       | 02 |       | 53    | 4   | 11      | 3       | HNAB305  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 11      | 3       | HNAB205  | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
| 4110107 | Vi hóa sinh môi trường + TN                       | 04 |       | 40    | 2   | 1       | 3       | HNAB207  | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 28/11/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
|         |                                                   |    |       |       | 3   | 6       | 3       | HNAB307  | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 29/11/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
| 4110107 | Vi hóa sinh môi trường + TN                       | 05 |       | 32    | 4   | 8       | 3       | HNAA208  | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 30/11/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
|         |                                                   |    |       |       | 6   | 8       | 3       | HNAB307  | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 02/12/2016 | 0408-06      | Trần Thị Thu Hương |
| 4110110 | Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất | 01 |       | 81    | 3   | 3       | 3       | HNAA207  | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAA207  | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0403-09      | Đỗ Văn Nhuận       |
| 4110110 | Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất | 02 |       | 68    | 2   | 9       | 3       | HNAA207  | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
|         |                                                   |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAA207  | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0402-01      | Nguyễn Phương      |
| 4110112 | Phương pháp lấy và phân tích mẫu môi trường       | 01 |       | 80    | 3   | 3       | 3       | HNAA207  | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0402-12      | Nguyễn Thị Cúc     |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 3       | 3       | HNAA207  | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0402-12      | Nguyễn Thị Cúc     |
| 4110112 | Phương pháp lấy và phân tích mẫu môi trường       | 02 |       | 58    | 2   | 9       | 3       | HNAA207  | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0402-12      | Nguyễn Thị Cúc     |
|         |                                                   |    |       |       | 4   | 9       | 3       | HNAA207  | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0402-12      | Nguyễn Thị Cúc     |
| 4110114 | Môi trường và phát triển bền vững                 | 01 |       | 65    | 7   | 6       | 3       | HNABG108 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
| 4110114 | Môi trường và phát triển bền vững                 | 02 |       | 62    | 7   | 3       | 3       | HNABG102 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 1101-03      | Nguyễn Quốc Phi    |
| 4110114 | Môi trường và phát triển bền vững                 | 03 |       | 63    | 5   | 11      | 3       |          | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 1101-09      | Vũ Thị Lan Anh     |
| 4110123 | Đánh giá môi trường chiến lược                    | 01 |       | 60    | 7   | 9       | 3       | HNAA306  | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0407-06      | Nguyễn Văn Bình    |
| 4110201 | Tiếng Anh chuyên ngành địa sinh thái              | 01 |       | 60    | 2   | 3       | 3       | HNAB303  | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |
|         |                                                   |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAB404  | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08 08 2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4110201 | Tiếng Anh chuyên ngành địa sinh thái                 | 02 |       | 37    | 2   | 9          | 3       | HNAA409 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo  |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 11         | 3       | HNAA303 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo  |
| 4110202 | Các phương pháp điều tra địa sinh thái và môi trường | 01 |       | 60    | 2   | 8          | 2       | HNBG407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 8          | 2       | HNBG501 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
| 4110203 | Cơ sở địa sinh thái                                  | 01 |       | 16    | 7   | 6          | 3       | HNAA403 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
| 4110204 | Cơ sở địa môi trường                                 | 01 |       | 46    | 2   | 1          | 3       | HNAA409 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNAB307 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
| 4110204 | Cơ sở địa môi trường                                 | 02 |       | 51    | 3   | 8          | 3       | HNAB207 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 8          | 3       | HNAB303 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
| 4110205 | Xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học              | 01 |       | 60    | 3   | 6          | 3       | HNBG502 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo  |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG408 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo  |
| 4110206 | Kỹ thuật xử lý nước và nước thải                     | 01 |       | 61    | 2   | 6          | 2       | HNBG407 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0408-09      | Đỗ Cao Cường        |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 6          | 2       | HNBG501 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0408-09      | Đỗ Cao Cường        |
| 4110208 | Kiểm soát chất thải nguy hại                         | 01 |       | 71    | 3   | 6          | 3       | HNBG401 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 6          | 3       | HNBG401 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
| 4110209 | Quản lý môi trường                                   | 01 |       | 60    | 5   | 9          | 3       | HNBG403 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 1101-08      | Phan Thị Mai Hoa    |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 9          | 3       | HNBG406 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 1101-08      | Phan Thị Mai Hoa    |
| 4110209 | Quản lý môi trường                                   | 02 |       | 60    | 3   | 1          | 3       | HNBG403 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 1101-09      | Vũ Thị Lan Anh      |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 1          | 3       | HNBG502 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 1101-09      | Vũ Thị Lan Anh      |
| 4110209 | Quản lý môi trường                                   | 03 |       | 60    | 2   | 6          | 3       | HNBG408 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 1101-08      | Phan Thị Mai Hoa    |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 6          | 3       | HNBG502 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 1101-08      | Phan Thị Mai Hoa    |
| 4110210 | Đánh giá tác động môi trường và rủi ro               | 01 |       | 46    | 2   | 2          | 2       | HNBG401 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa      |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 2          | 2       | HNBG401 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa      |
| 4110210 | Đánh giá tác động môi trường và rủi ro               | 02 |       | 61    | 2   | 4          | 2       | HNBG408 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0408-10      | Nguyễn Quang Minh   |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 4          | 2       | HNBG408 | 07/09/2016 - 12/10/2016<br>02/11/2016 - 07/12/2016 | 0408-10      | Nguyễn Quang Minh   |
| 4110210 | Đánh giá tác động môi trường và rủi ro               | 03 |       | 60    | 3   | 6          | 2       | HNBG503 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa      |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Địa sinh thái (11 0408)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                     | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên           |
|---------|-------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|
| 4110210 | Đánh giá tác động môi trường và rủi ro          | 03 |       | 60    | 6   | 6       | 2       | HNBG501 | 09/09/2016 - 14/10/2016<br>04/11/2016 - 09/12/2016 | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa      |
| 4110213 | Sản xuất sạch hơn                               | 01 |       | 32    | 7   | 3       | 3       | HNAB202 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-07      | Nguyễn Mai Hoa      |
| 4110217 | Bảo vệ và cải tạo sinh thái đất                 | 01 |       | 29    | 5   | 6       | 3       | HNBG401 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG401 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
| 4110218 | Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước | 01 |       | 71    | 5   | 6       | 3       | HNBG401 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
|         |                                                 |    |       |       | 6   | 1       | 3       | HNBG401 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
| 4110218 | Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước | 02 |       | 60    | 7   | 9       | 3       | HNAA303 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
| 4110220 | Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp    | 01 |       | 60    | 7   | 3       | 3       | HNAB507 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-10      | Nguyễn Quang Minh   |
| 4110220 | Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp    | 02 |       | 54    | 7   | 9       | 3       | HNAA208 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-10      | Nguyễn Quang Minh   |
| 4110226 | Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đới bờ         | 01 |       | 62    | 7   | 6       | 3       | HNBG102 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-05      | Phạm Khánh Huy      |
| 4110232 | Địa hóa sinh thái môi trường                    | 01 |       | 60    | 7   | 3       | 3       | HNAD304 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
| 4110233 | Giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng chất thải    | 01 |       | 42    | 3   | 1       | 3       | HNBG401 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0408-09      | Đỗ Cao Cường        |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG401 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0408-09      | Đỗ Cao Cường        |
| 4110236 | Môi trường và con người                         | 01 |       | 75    | 7   | 6       | 3       | HNAA409 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
| 4110236 | Môi trường và con người                         | 03 |       | 88    | 7   | 3       | 3       | HNAA208 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-17      | Trần Hồng Hà        |
| 4110236 | Môi trường và con người                         | 04 |       | 71    | 7   | 6       | 3       | HNAB207 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-09      | Đỗ Cao Cường        |
| 4110236 | Môi trường và con người                         | 05 |       | 74    | 7   | 9       | 3       | HNAB405 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-14      | Vũ Thị Phương Thảo  |
| 4110236 | Môi trường và con người                         | 06 |       | 74    | 7   | 2       | 3       | HNAB204 | 10/09/2016 - 15/10/2016<br>05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-08      | Trần Thị Thanh Thủy |
| 4110236 | Môi trường và con người                         | 08 |       | 64    | 2   | 11      | 3       | HNBG601 | 05/09/2016 - 10/10/2016<br>31/10/2016 - 05/12/2016 | 0408-13      | Đỗ Văn Bình         |
| 4110302 | Ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường      | 01 |       | 60    | 2   | 3       | 3       | HNAD502 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa      |
|         |                                                 |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNAA208 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa      |
| 4110302 | Ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường      | 02 |       | 58    | 2   | 9       | 3       | HNAB306 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Kỹ thuật môi trường (11 1103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                          | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học                                      | Mã viên chức | Họ và tên          |
|---------|------------------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|----------------------------------------------------|--------------|--------------------|
| 4110302 | ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường           | 02 |       | 58    | 4   | 6       | 3       | HNAA207 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng    |
| 4110302 | ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường           | 03 |       | 60    | 3   | 1       | 3       | HNBG503 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng    |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 1       | 3       | HNBG506 | 08/09/2016 - 13/10/2016                            | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng    |
| 4110302 | ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường           | 04 |       | 60    | 2   | 6       | 3       | HNBG408 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa     |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 6       | 3       | HNBG408 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 1103-06      | Nguyễn Thị Hòa     |
| 4110303 | Quan trắc và xử lý số liệu môi trường                | 01 |       | 40    | 2   | 1       | 3       | HNBG501 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG407 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
| 4110303 | Quan trắc và xử lý số liệu môi trường                | 02 |       | 61    | 3   | 9       | 3       | HNBG502 | 06/09/2016 - 11/10/2016                            | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 9       | 3       | HNBG407 | 09/09/2016 - 14/10/2016                            | 1103-05      | Đào Trung Thành    |
| 4110303 | Quan trắc và xử lý số liệu môi trường                | 03 |       | 58    | 3   | 6       | 3       | HNAB501 | 01/11/2016 - 06/12/2016                            | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 6       | 3       | HNAD303 | 03/11/2016 - 08/12/2016                            | 0408-02      | Đào Đình Thuần     |
| 4110304 | Tự động hóa dụng cụ đo chất lượng môi trường         | 01 |       | 61    | 2   | 1       | 3       | HNBG503 | 05/09/2016 - 10/10/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG506 | 07/09/2016 - 12/10/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
| 4110304 | Tự động hóa dụng cụ đo chất lượng môi trường         | 02 |       | 60    | 2   | 1       | 3       | HNBG508 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 1       | 3       | HNBG408 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
| 4110307 | Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL | 01 |       | 60    | 3   | 4       | 2       | HNBG506 | 06/09/2016 - 11/10/2016<br>01/11/2016 - 06/12/2016 | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
|         |                                                      |    |       |       | 5   | 4       | 2       | HNBG503 | 08/09/2016 - 13/10/2016<br>03/11/2016 - 08/12/2016 | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
| 4110314 | Quản lý môi trường trong khai thác dầu khí           | 01 |       | 22    | 2   | 3       | 3       | HNBG503 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
|         |                                                      |    |       |       | 4   | 3       | 3       | HNBG501 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 1103-04      | Đặng Thị Ngọc Thủy |
| 4110316 | Kỹ thuật an toàn và sức khỏe trong khai thác mỏ      | 01 |       | 26    | 2   | 10      | 3       | HNAA406 | 31/10/2016 - 05/12/2016                            | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 10      | 3       | HNAB505 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0302-08      | Phan Quang Văn     |
| 4110319 | Thiết kế Wetland cho xử lý nước thải                 | 01 |       | 27    | 4   | 6       | 3       | HNAD502 | 02/11/2016 - 07/12/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |
|         |                                                      |    |       |       | 6   | 3       | 3       | HNAB204 | 04/11/2016 - 09/12/2016                            | 0103-15      | Nguyễn Hoàng Nam   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Môi trường**

**Bộ môn: Kỹ thuật môi trường (11 1103)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                                 | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|---------------------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 4110320 | Công cụ mô hình hóa trong môi trường đất    | 01 |       | 31    | 2   | 10      | 3       | HNBG108 | 05/09/2016 - 10/10/2016 | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng   |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 9       | 3       | HNAA203 | 10/09/2016 - 15/10/2016 | 1103-07      | Nguyễn Thị Hồng   |
| 4110323 | Kỹ thuật xử lý và tái sử dụng chất thải rắn | 01 |       | 29    | 4   | 10      | 3       | HNAD402 | 02/11/2016 - 07/12/2016 | 0408-02      | Đào Đình Thuận    |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 3       | HNAA402 | 05/11/2016 - 10/12/2016 | 0408-02      | Đào Đình Thuận    |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng                  | 01 |       | 106   | 2   | 1       | 5       | HNBG302 | 08/08/2016 - 08/08/2016 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                                             |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG302 | 09/08/2016 - 09/08/2016 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                                             |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG302 | 10/08/2016 - 10/08/2016 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                                             |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG302 | 11/08/2016 - 11/08/2016 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG302 | 12/08/2016 - 12/08/2016 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG302 | 13/08/2016 - 13/08/2016 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng                  | 02 |       | 75    | 2   | 1       | 5       | HNBG302 | 15/08/2016 - 15/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                             |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG302 | 16/08/2016 - 16/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                             |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG302 | 17/08/2016 - 17/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                             |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG302 | 18/08/2016 - 18/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG302 | 19/08/2016 - 19/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG302 | 20/08/2016 - 20/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng                  | 03 |       | 38    | 2   | 1       | 5       | HNBG302 | 22/08/2016 - 22/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                             |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG302 | 23/08/2016 - 23/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                             |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG302 | 24/08/2016 - 24/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                             |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG302 | 25/08/2016 - 25/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG302 | 26/08/2016 - 26/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG302 | 27/08/2016 - 27/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng                  | 05 |       | 28    | 2   | 6       | 5       | HNBG302 | 08/08/2016 - 08/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                                             |    |       |       | 3   | 6       | 5       | HNBG302 | 09/08/2016 - 09/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                                             |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNBG302 | 10/08/2016 - 10/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                                             |    |       |       | 5   | 6       | 5       | HNBG302 | 11/08/2016 - 11/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                                             |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNBG302 | 12/08/2016 - 12/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                                             |    |       |       | 7   | 6       | 5       | HNBG302 | 13/08/2016 - 13/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng                  | 08 |       | 149   | 2   | 1       | 5       | HNBG302 | 26/12/2016 - 26/12/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**  
**Bộ môn: Quân sự (30 3002)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|----------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 08 |       | 149   | 3   | 1       | 5       | HNBG302 | 27/12/2016 - 27/12/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                            |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG302 | 28/12/2016 - 28/12/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                            |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG302 | 29/12/2016 - 29/12/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                            |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG302 | 30/12/2016 - 30/12/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG302 | 31/12/2016 - 31/12/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 09 |       | 154   | 2   | 1       | 5       | HNBG302 | 02/01/2017 - 02/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                            |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG302 | 03/01/2017 - 03/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                            |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG302 | 04/01/2017 - 04/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                            |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG302 | 05/01/2017 - 05/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                            |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG302 | 06/01/2017 - 06/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                            |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG302 | 07/01/2017 - 07/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 12 |       | 140   | 2   | 6       | 5       | HNBG302 | 26/12/2016 - 26/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                            |    |       |       | 3   | 6       | 5       | HNBG302 | 27/12/2016 - 27/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNBG302 | 28/12/2016 - 28/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                            |    |       |       | 5   | 6       | 5       | HNBG302 | 29/12/2016 - 29/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNBG302 | 30/12/2016 - 30/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                            |    |       |       | 7   | 6       | 5       | HNBG302 | 31/12/2016 - 31/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 13 |       | 158   | 2   | 1       | 5       | HNAD101 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                            |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNAD101 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNAD101 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 14 |       | 105   | 2   | 1       | 5       | HNAD201 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                            |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNAD201 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                            |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNAD201 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 15 |       | 199   | 2   | 6       | 5       | HNAD101 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNAD101 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNAD101 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 16 |       | 200   | 2   | 6       | 5       | HNAD201 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                            |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNAD201 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                            |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNAD201 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng | 17 |       | 198   | 2   | 1       | 5       | HNAD301 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**  
**Bộ môn: Chính trị (30 3001)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng    | 17 |       | 198   | 4   | 1       | 5       | HNAD301 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNAD301 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng    | 18 |       | 199   | 2   | 1       | 5       | HNAD401 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNAD401 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNAD401 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng    | 19 |       | 200   | 2   | 6       | 5       | HNAD301 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNAD301 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNAD301 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
| 4300111 | Đường lối quân sự của Đảng    | 20 |       | 144   | 2   | 6       | 5       | HNAD401 | 02/01/2017 - 16/01/2017 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNAD401 | 04/01/2017 - 18/01/2017 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNAD401 | 06/01/2017 - 20/01/2017 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 01 |       | 135   | 2   | 1       | 5       | HNBG206 | 08/08/2016 - 08/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG206 | 09/08/2016 - 09/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG206 | 10/08/2016 - 10/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG206 | 11/08/2016 - 11/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG206 | 12/08/2016 - 12/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG206 | 13/08/2016 - 13/08/2016 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 02 |       | 105   | 2   | 1       | 5       | HNBG206 | 15/08/2016 - 15/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG206 | 16/08/2016 - 16/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG206 | 17/08/2016 - 17/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG206 | 18/08/2016 - 18/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG206 | 19/08/2016 - 19/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG206 | 20/08/2016 - 20/08/2016 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 03 |       | 67    | 2   | 1       | 5       | HNBG206 | 22/08/2016 - 22/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                               |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG206 | 23/08/2016 - 23/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG206 | 24/08/2016 - 24/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG206 | 25/08/2016 - 25/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG206 | 26/08/2016 - 26/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG206 | 27/08/2016 - 27/08/2016 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 08 |       | 141   | 2   | 1       | 5       | HNBG206 | 26/12/2016 - 26/12/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**

**Bộ môn: Quân sự (30 3002)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 08 |       | 141   | 3   | 1          | 5       | HNBG206 | 27/12/2016 - 27/12/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG206 | 28/12/2016 - 28/12/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG206 | 29/12/2016 - 29/12/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG206 | 30/12/2016 - 30/12/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG206 | 31/12/2016 - 31/12/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 12 |       | 140   | 2   | 6          | 5       | HNBG206 | 26/12/2016 - 26/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                               |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG206 | 27/12/2016 - 27/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG206 | 28/12/2016 - 28/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG206 | 29/12/2016 - 29/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG206 | 30/12/2016 - 30/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                               |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG206 | 31/12/2016 - 31/12/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 13 |       | 159   | 2   | 6          | 5       | HNBG206 | 02/01/2017 - 02/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                               |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG206 | 03/01/2017 - 03/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG206 | 04/01/2017 - 04/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG206 | 05/01/2017 - 05/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG206 | 06/01/2017 - 06/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
|         |                               |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG206 | 07/01/2017 - 07/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà       |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 14 |       | 200   | 3   | 1          | 5       | HNAD101 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNAD101 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 15 |       | 200   | 3   | 1          | 5       | HNAD201 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNAD201 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3001-05      | Trần Bắc Bộ       |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 16 |       | 200   | 3   | 1          | 5       | HNAD301 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNAD301 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 17 |       | 200   | 3   | 1          | 5       | HNAD401 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNAD401 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 18 |       | 199   | 3   | 6          | 5       | HNAD101 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNAD101 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3001-03      | Nguyễn Văn Quảng  |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 19 |       | 200   | 3   | 6          | 5       | HNAD201 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNAD201 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 20 |       | 198   | 3   | 6          | 5       | HNAD301 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đàm     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**  
**Bộ môn: Chính trị (30 3001)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                   | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên         |
|---------|-------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|-------------------|
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 20 |       | 198   | 5   | 6          | 5       | HNAD301 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3001-01      | Phạm Quốc Đảm     |
| 4300112 | Công tác quốc phòng - an ninh | 21 |       | 170   | 3   | 6          | 5       | HNAD401 | 03/01/2017 - 17/01/2017 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNAD401 | 05/01/2017 - 19/01/2017 | 3001-06      | Hoàng Xuân Trường |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật  | 01 |       | 149   | 2   | 1          | 5       | HNBG202 | 08/08/2016 - 08/08/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng      |
|         |                               |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNBG202 | 09/08/2016 - 09/08/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng      |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG202 | 10/08/2016 - 10/08/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng      |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG202 | 11/08/2016 - 11/08/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng      |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG202 | 12/08/2016 - 12/08/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng      |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 13/08/2016 - 13/08/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng      |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật  | 02 |       | 150   | 2   | 1          | 5       | HNBG202 | 15/08/2016 - 15/08/2016 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNBG202 | 16/08/2016 - 16/08/2016 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG202 | 17/08/2016 - 17/08/2016 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG202 | 18/08/2016 - 18/08/2016 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG202 | 19/08/2016 - 19/08/2016 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 20/08/2016 - 20/08/2016 | 3002-03      | Trần Văn Độ       |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật  | 03 |       | 150   | 2   | 1          | 5       | HNBG202 | 22/08/2016 - 22/08/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 3   | 1          | 5       | HNBG202 | 23/08/2016 - 23/08/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 4   | 1          | 5       | HNBG202 | 24/08/2016 - 24/08/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 5   | 1          | 5       | HNBG202 | 25/08/2016 - 25/08/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG202 | 26/08/2016 - 26/08/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
|         |                               |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 27/08/2016 - 27/08/2016 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong  |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật  | 05 |       | 147   | 2   | 6          | 5       | HNBG202 | 08/08/2016 - 08/08/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                               |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG202 | 09/08/2016 - 09/08/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG202 | 10/08/2016 - 10/08/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                               |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG202 | 11/08/2016 - 11/08/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                               |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG202 | 12/08/2016 - 12/08/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
|         |                               |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG202 | 13/08/2016 - 13/08/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay      |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật  | 06 |       | 100   | 2   | 6          | 5       | HNBG202 | 15/08/2016 - 15/08/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                               |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG202 | 16/08/2016 - 16/08/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |
|         |                               |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG202 | 17/08/2016 - 17/08/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh   |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**

**Bộ môn: Quân sự (30 3002)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên        |
|---------|------------------------------|----|-------|-------|-----|---------|---------|---------|-------------------------|--------------|------------------|
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 06 |       | 100   | 5   | 6       | 5       | HNBG202 | 18/08/2016 - 18/08/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh  |
|         |                              |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNBG202 | 19/08/2016 - 19/08/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh  |
|         |                              |    |       |       | 7   | 6       | 5       | HNBG202 | 20/08/2016 - 20/08/2016 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh  |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 07 |       | 153   | 2   | 6       | 5       | HNBG202 | 22/08/2016 - 22/08/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà      |
|         |                              |    |       |       | 3   | 6       | 5       | HNBG202 | 23/08/2016 - 23/08/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà      |
|         |                              |    |       |       | 4   | 6       | 5       | HNBG202 | 24/08/2016 - 24/08/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà      |
|         |                              |    |       |       | 5   | 6       | 5       | HNBG202 | 25/08/2016 - 25/08/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà      |
|         |                              |    |       |       | 6   | 6       | 5       | HNBG202 | 26/08/2016 - 26/08/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà      |
|         |                              |    |       |       | 7   | 6       | 5       | HNBG202 | 27/08/2016 - 27/08/2016 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà      |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 08 |       | 150   | 2   | 1       | 5       | HNBG202 | 26/12/2016 - 26/12/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
|         |                              |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG202 | 27/12/2016 - 27/12/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG202 | 28/12/2016 - 28/12/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
|         |                              |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG202 | 29/12/2016 - 29/12/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
|         |                              |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG202 | 30/12/2016 - 30/12/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
|         |                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG202 | 31/12/2016 - 31/12/2016 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 09 |       | 148   | 2   | 1       | 5       | HNBG202 | 02/01/2017 - 02/01/2017 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                              |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG202 | 03/01/2017 - 03/01/2017 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                              |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG202 | 04/01/2017 - 04/01/2017 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                              |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG202 | 05/01/2017 - 05/01/2017 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                              |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG202 | 06/01/2017 - 06/01/2017 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
|         |                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG202 | 07/01/2017 - 07/01/2017 | 3002-05      | Nguyễn Văn Phong |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 10 |       | 153   | 2   | 1       | 5       | HNBG202 | 09/01/2017 - 09/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                              |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG202 | 10/01/2017 - 10/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG202 | 11/01/2017 - 11/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                              |    |       |       | 5   | 1       | 5       | HNBG202 | 12/01/2017 - 12/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                              |    |       |       | 6   | 1       | 5       | HNBG202 | 13/01/2017 - 13/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
|         |                              |    |       |       | 7   | 1       | 5       | HNBG202 | 14/01/2017 - 14/01/2017 | 3002-04      | Vũ Quang Hay     |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 11 |       | 153   | 2   | 1       | 5       | HNBG202 | 16/01/2017 - 16/01/2017 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
|         |                              |    |       |       | 3   | 1       | 5       | HNBG202 | 17/01/2017 - 17/01/2017 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 1       | 5       | HNBG202 | 18/01/2017 - 18/01/2017 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng     |

# THỜI KHÓA BIỂU THEO BỘ MÔN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

**Khoa: Giáo dục quốc phòng**  
**Bộ môn: Quân sự (30 3002)**

Ngày bắt đầu học kỳ : 08/08/2016 (Tuần 1)

| Mã MH   | Tên môn học                  | NH | Tổ TH | Số SV | Thứ | Tiết<br>BD | Số tiết | Phòng   | Thời gian học           | Mã viên chức | Họ và tên       |
|---------|------------------------------|----|-------|-------|-----|------------|---------|---------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 11 |       | 153   | 5   | 1          | 5       | HNBG202 | 19/01/2017 - 19/01/2017 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng    |
|         |                              |    |       |       | 6   | 1          | 5       | HNBG202 | 20/01/2017 - 20/01/2017 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng    |
|         |                              |    |       |       | 7   | 1          | 5       | HNBG202 | 21/01/2017 - 21/01/2017 | 3002-02      | Bùi Kim Hồng    |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 12 |       | 147   | 2   | 6          | 5       | HNBG202 | 26/12/2016 - 26/12/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay    |
|         |                              |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG202 | 27/12/2016 - 27/12/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay    |
|         |                              |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG202 | 28/12/2016 - 28/12/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay    |
|         |                              |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG202 | 29/12/2016 - 29/12/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay    |
|         |                              |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG202 | 30/12/2016 - 30/12/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay    |
|         |                              |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG202 | 31/12/2016 - 31/12/2016 | 3002-04      | Vũ Quang Hay    |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 13 |       | 144   | 2   | 6          | 5       | HNBG202 | 02/01/2017 - 02/01/2017 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh |
|         |                              |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG202 | 03/01/2017 - 03/01/2017 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh |
|         |                              |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG202 | 04/01/2017 - 04/01/2017 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh |
|         |                              |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG202 | 05/01/2017 - 05/01/2017 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh |
|         |                              |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG202 | 06/01/2017 - 06/01/2017 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh |
|         |                              |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG202 | 07/01/2017 - 07/01/2017 | 3002-06      | Trần Thanh Hanh |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 14 |       | 151   | 2   | 6          | 5       | HNBG202 | 09/01/2017 - 09/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG202 | 10/01/2017 - 10/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG202 | 11/01/2017 - 11/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG202 | 12/01/2017 - 12/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG202 | 13/01/2017 - 13/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG202 | 14/01/2017 - 14/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
| 4300211 | Quân sự chung và chiến thuật | 15 |       | 151   | 2   | 6          | 5       | HNBG202 | 16/01/2017 - 16/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 3   | 6          | 5       | HNBG202 | 17/01/2017 - 17/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 4   | 6          | 5       | HNBG202 | 18/01/2017 - 18/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 5   | 6          | 5       | HNBG202 | 19/01/2017 - 19/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 6   | 6          | 5       | HNBG202 | 20/01/2017 - 20/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |
|         |                              |    |       |       | 7   | 6          | 5       | HNBG202 | 21/01/2017 - 21/01/2017 | 3002-07      | Vũ Thanh Hà     |

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu